

# hoạ đàm

Chủ Nhật, 5 tháng 1, 2014

WWW.HOADAMNEWS.COM

Bộ mới 2014. Số 10

## CHỮ HÁN Ở VIỆT NAM

TRẦN QUANG ĐỨC

(Facebook)



Chữ Hán được sử dụng tại Việt Nam ít nhất từ 2000 năm trước. Các triều đại phong kiến quân chủ độc lập ở Việt Nam đều coi chữ Hán, văn Hán là ngôn ngữ hành chính nhà nước, ngôn ngữ văn học v.v. Thậm chí đến thời Nguyễn, triều đình Việt còn tự nhận là chủ thể kế thừa văn hóa, ngôn ngữ

[xem tiếp trang 2](#)

## THẾ GIỚI PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

NGUYỄN TIỀN YÊN

(Facebook)



Có thể do những bức hình họa tinh dục quá đời kinh ngạc được trưng tri ở các tự viện Tây Tạng mà Phật giáo Tây Tạng từ xưa đến giờ vẫn bị ngộ nhận là một thứ tà giáo đầy rẫy yếu

[xem tiếp trang 17](#)

### Cung trong số này

PHẬT GIÁO VIỆT NAM,  
BIẾN CỐ VÀ TULIÊU

1975-2009 (Kỳ 9)

VPHVHD - tr.3

TUỆ KIỂM

PHƯƠNG PHÁP

TRANH ĐẤU

CỦA PHẬT GIÁO (Kỳ 4)

Thần Đạo Thanh - tr.3

HẠNH NGỘ ĐẦU NĂM

Trần Trung Đạo - tr.2

HÀ THANH TIẾNG HÁT

CỦA DÒNG SÔNG XANH

Trần Kiên Đoàn - tr.8

CHUYỆN BÀ THỊ KÍNH

VỚI OPERA VN ĐẦU TIÊN

TRÊN SÂN KHẤU MỸ

Ana Hoàng - tr.13

LÊ CHIÊU HÓN

Hoàng Long - tr.14

LUỘC SỬ GIA ĐÌNH

PHẬT TỬ VIỆT NAM (Kỳ 7)

Tâm Lạc - tr.17

NHUNG CHIM

ĐÀ GÂY CÀNH

Người Đoàn Gia - tr.20

ENGLISH SECTION

THE BUDDHA-LAND

AS PRESENTED IN THE

VIMALAKIRTINIRDESA-

SUTRA

Tue 5/ - pg.



Binh Hu Zi's Facebook

## NGƯỜI NỬA RA ĐI

PHÚC TRUNG HUỖNH AI TÔNG

Miền Đông Hoa Kỳ lại gặp một cơn bão tuyết nữa, cơn bão tuyết trước xảy ra khi tôi còn ở Việt Nam, cơn bão tuyết này tôi đang ở nhà. Ở Việt Nam, tôi đã cùng Trần Đình Hùng đi dự lễ thăng cấp Dũng cho anh Lê Cao Phan, giờ đây ở nhà, nhìn ra ngoài khung cửa kính, những bông tuyết trắng của cơn bão đang rơi, nhiệt độ xuống thấp, tôi được điện thư của Trần Đình Hùng, từ quê nhà báo tin anh Lê Cao Phan đã giả biệt mọi người.

[xem tiếp trang 6](#)

## HÀ THANH, ĐOÀ HƯƠNG CÀ XANH NGÁT

THỊNH THANH THUY

Tin cô từ trần lan ra ngày một xa. Ngày đầu năm mới, sự ra đi của nữ danh ca Hà Thanh như một làn gió thoảng với thế hệ nhưng người không biết đến giọng hát cô. Tuy nhiên với các thính giả mến mộ, nó như một cơn mưa tuyết, bông non, rơi nhẹ, nhưng thấm lạnh từ từ.

Báo chí và giới truyền

thông trong và ngoài nước đều nhắc nhớ tới cô như một mặt trời của làng ca nhạc. Nhưng người đã từng tiếp xúc, làm việc và sinh hoạt chung với cô đều chia sẻ những cảm xúc chân thật vừa thương yêu vừa mến phục lại có phần kính ngưỡng. Tiếng hát của cô từng được khen tặng như tiếng hát một con oanh ca hàng đầu xứ

Huế hay tiếng hát vượt thời gian trong một CD của Paris By Night mấy năm gần đây.

Với tôi, chỉ qua một lần tiếp xúc, tôi thấy cô như một đoà hoa xanh ngát hương thơm.

Tôi gặp cô trong một lần cô bay về Cali để hát thiện nguyện cho một

[xem tiếp trang 6](#)

## LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI HIỀN XỨ ẮN Rabindranath TAGORE

LƯU VĂN VINH



Tagore 1861-1941, ngoài sự nghiệp văn hóa đồ sộ nhân bản, Nobel văn chương đầu tiên của Á châu năm 1913, còn chủ trương nâng cao dân trí, phát huy giáo dục như điều kiện tiên quyết của cách mạng độc lập, ông cho không nên có cách mạng mà quảng blind revolution - và thực dân chỉ là một triệu chứng của căn bệnh xã hội chậm tiến Ắn, để quốc Anh tự nó không hoàn

[xem tiếp trang 19](#)

## IM LẶNG

VINH HÀO



Đêm khuya là thời gian lý tưởng để học sự im lặng. Lúc ấy, không có ai bên cạnh để mở miệng. Hầu như mọi động vật đều trở thành tĩnh vật. Màn đêm kìm kàng về bao la của tinh mạch.

[xem tiếp trang 19](#)



THÊM MỘT VÌ SAO  
VUA LİM TẮT

NGÔ VĂN QUÝ - tr.19



SỐNG MÃI MỘT BÀI CA

LÊ VIỆT NHÂN - tr.23



TIẾNG HÁT VẪN CON ĐÀY,  
NGƯỜI THIÊN THU VINH BIẾT

TRẦN TRUNG ĐẠO - tr.7

# hoadàm

Chứng minh Đạo tràng:  
THÍCH PHỔ HÒA\*  
TÂM HUỆ CAO CHÁNH HUY\*  
TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC\*  
TÂM HÒA NGÔ MẠNH THỦ\*  
NGUYỄN HIỀN NGUYỄN TÚ ĐẠI\*  
MINH TÍN ĐỒ VĂN PHỔ\*  
ĐỨC CHÂU VŨ NGỌC KHUÊ\*

THÍCH TÚ LỤC  
NGUYỄN MÃN LÊ VIỆT LÂM

Nhất tâm:

TRÌNH THANH THỦY • LÊ GIANG TRẦN •  
ĐÌNH NGUYỄN • HOÀNG LONG • TÂM TRÍ  
NGUYỄN QUANG VUI • TÂM ĐĂNG NGUYỄN  
VĂN PHÁP • ĐỒNG TRÚC THÁI VĂN BẢ •  
TÂM NGHĨA NGÔ VĂN QUY • THI NGHĨA  
TRẦN TRUNG ĐẠO • TÂM THUÔNG ĐÌNH  
BẠCH XUÂN PHÊ • NGUYỄN TÚC NGUYỄN  
SUNG • HUỆ THÔNG NGUYỄN THANH TÂM  
• ĐIỀU NGUYỆT NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG •  
QUẢNG HOÀNG LÊ HỮU MINH HUY • ĐIỀU  
PHÚC NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM • TÚ HUỆ  
VŨ MỸ HẠNH • HUỆ TRÍ NGUYỄN GIA HẢI  
• MINH HẢI LÊ PHAN THIÊN SON • BÙU  
THÀNH PHAN THÀNH CHINH • NGUYỄN  
HUONG NGUYỄN NGHIÊM UYÊN TRANG  
• THIÊN TÂM NGUYỄN HỮU TUẤN • NHẬT  
HUẤN NGUYỄN LÊ GIA • NGUYỄN NHÂN  
NGUYỄN HỮU TRUNG HIẾU • TÂM ĐÌNH  
NGUYỄN HIẾP • NGUYỄN CHON NGUYỄN  
THÀNH TÂM • ĐIỀU NGHIỆM TRẦN THỊ THÙY  
TIỀN • NGUYỄN MẬT • NGUYỄN PHÚ XUÂN  
• QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT...

Nhóm Kết Tập:

**HOA ĐÀM**

Liên lạc: NGUYỄN VIỆT  
714.765.9844

Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,  
xin gởi về địa chỉ:  
hoadamnewsalester@yahoo.com

## TIỂU SỬ CỐ HUYNH TRƯỞNG CẤP DŨNG GDPTVN QUẢNG HỘI LÊ CAO PHÂN (1923-2014)

NGUYỄN ỦY VIÊN VĂN NGHỆ  
BAN HƯỚNG DẪN TRUNG ƯƠNG  
GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

THỊ NGUYỄN chấp bút / GDPTVN

Anh Lê Cao Phan sinh ngày 25 tháng 09 năm 1923 (nhằm ngày 17 tháng 08 năm Quý Hợi) tại làng Ngô Xá Đông quận Triệu Phong tỉnh Quảng Trị là con trai của cụ ông Lê Phá, tự Lê Hưu Đức và bà Hoàng Thị Thông. Anh tốt nghiệp bằng Cao Đẳng Tiểu Học Đông Dương (DEPSI). Anh thông thạo nhiều ngoại ngữ nghiên cứu sâu rộng các bộ môn văn học nghệ thuật như thi ca, âm nhạc, điêu khắc, hội họa. Anh sử dụng thông thạo nhiều loại đàn như piano, guitar, kèn côm, đàn tranh, đàn bầu, đàn nguyệt. Anh là một nhạc sĩ gắn bó với sinh hoạt GIA ĐÌNH PHẬT TỬ từ thập niên 30 thế kỷ trước. Anh đa sáng tác cả hàng trăm ca khúc với nhiều thể loại khác nhau, như Thiếu Nhì, Giản Tri, xa hội và Phật Giáo.

Năm 1946 anh lập gia đình với chị Nguyễn Thị Tuyết Hương. Con một quan chức Nam Triều cầu hàm Hồng Lô Tự Khanh và hiện còn 7 người con, 3 trai và 4 gái:

1. Lê Thị Lam Hương
2. Lê Thị Như Hương
3. Lê Cao Bằng
4. Lê Thị Diệu Hương
5. Lê Cao Huy

xem tiếp trang 23



Trống đồng Đông Sơn mang ký hiệu F7H1290 (loại H1, tức loại trống đồng có nhất, lưu giữ tại Bảo tàng Hà Nội, được khai quật tại Cổ Loa vào năm 1982. Trong lòng trống có dòng chữ Hán: "Tứ Vu tập bát cổ, trung lương cá bát bách thập nhất cẩu" (thống thu 48 của tập Tứ Vu, tức Tứ Vu Việt nặng 281 cẩu, tức 72 kg)

tếp theo trang 1

## CHỮ HÁN Ở VIỆT NAM

Hán chính thống, hơn nửa Thanh phía Bắc.

Chữ Hán mất vị trí độc tôn, nhường vị thế cho chữ Quốc ngữ kể từ đầu thế kỷ XX, đánh dấu bởi sự phế bỏ lối thi khoa cử cuối triều Nguyễn. Mặc dù không còn được coi trọng như trong quá khứ, chữ

Hán vẫn tiếp tục được các nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (miền Bắc), Việt Nam cộng hòa (miền Nam) sử dụng trong nhiều trường hợp quan trọng. Chỉ sau khi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành lập (năm 1976), đặc biệt sau cuộc chiến Việt-Trung diễn ra

năm 1979, chữ Hán mới chính thức bước ra khỏi vũ đài lịch sử và dần trở thành một thứ "chữ lạ", bị gắn ghep với nhiều giá trị lạ.

TRẦN QUANG ĐỨC



1. Bìa "Tám cổn tu bát quán quán tướng Giác chân mục Đạo liệt hán hi", thời thuộc Tần, từ năm 221 trước nhất phát hiện tại Việt Nam (Bắc Ninh) hiện nay, với niên đại 314
2. Bìa "Xét Lợi thập minh", thời thuộc Tùy, niên đại 601
3. Bút tích của vua Lý Nhân Tông (1066 - 1127) trên bìa "Đạo Việt quốc Lý gia đệ tư đế Sung Thiện Diên linh thập hi"
4. Ngụ bút của phê của vua Minh Mạng (1791 - 1841) trên Nguyên.

# TUÊ KIỂM: PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO

THÁI ĐẠO THÀNH



THÁI ĐẠO THÀNH  
(Thích Đức Nhuận)

(trích "Xây Dựng Nhân Sinh Quan Phật Giáo" -  
Thái Đạo Thành, Vạn Hạnh xuất bản 1969)

## II HÒA DỊCH PHÁP

Hòa dịch là một phương pháp rất cao của Phật giáo. Vì chủ trương hòa dịch đòi hỏi ở nơi ta làm sao phải có những điểm hơn địch về lý luận, về kỹ thuật, về đức độ. Khiến địch phải "tám phục." Chưa không thể dùng sức mạnh uy hiếp người, bắt buộc người theo mình, hoặc dùng tiền bạc mua chuộc người. Ngược lại, nếu cứ chủ trương hòa dịch mà chính ta lại không có ưu điểm gì hơn người thì tất nhiên là sẽ bị người hơn lại mình.

Việc minh hóa địch hay bị địch hóa mình phụ cả ở chỗ đó. Nếu địch hóa nổi mình, tức là địch đã thắng mình vì địch đúng hơn, phải hơn mình. Lúc đó thì mình không còn có lý do nào mà không để

cho địch hóa mình theo lẽ phải? Còn dĩ nhiên là nếu mình hóa nổi được địch thì tức là mình đã đúng hơn, phải hơn địch rồi đó. Phương pháp tranh đấu rất nhân đạo này của Phật Giáo đã làm đảo lộn tất cả mọi trận thế. Vì không còn phân biệt được đâu là ta đâu là địch: Có khi địch ở trong ta và có khi ta lại ở trong địch nữa. Để cho phương pháp hòa dịch được thêm phần rõ ràng hơn, có thể chia phương pháp đó ra hai phần:

- a) Phần tìm địch: gồm có hai nguyên tắc chính là:
- Địch ở trong hàng ngũ ta.
  - Ta ở trong hàng ngũ địch.

Khi bàn về vấn đề tìm địch ở trong hàng ngũ ta,

xem tiếp trang 24

# PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Bài trích đăng nhiều kỳ tư liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

## 09.06.1977: LỜI KÊU GỌI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN CỦA VIỆN HÓA ĐẠO

Từ khi bị Cộng sản chiếm đoạt cơ sở Tổng Vụ Thanh Niên và mất cả quyền cư trú (khoa tên trong sổ gia đình cũ, không cho lập sổ hộ khẩu mới) Hòa Thượng Thích Thiện Minh đã phải lang thang nay ở chùa này, mai ở chùa kia. Đến đầu Hòa Thượng cũng bị công an xưa đuổi bằng cách gậy kho với các vị trụ trì chủ hộ các chùa mà Hòa Thượng ghé đến. Tuy vậy, cũng chính trong thời gian này, Hòa Thượng đã đưa kết luận quyết nghị chưa được công bố của Đại Hội Khảo Đại Kỳ VII, viết nên "Lời Kêu Gọi của GHPGVNTN để Bảo Vệ Nhân Quyền tại nước CHXHCNVN." Nội dung gồm 6 điểm chính gởi đến nhà cầm quyền CSVN như sau:

1. Thả tù nhân chính trị, tôn giáo và hàng trăm ngàn người khác đang ở trong các trại cải tạo.
2. Thi hành nghiêm chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng.
3. Chấm dứt tình trạng tham nhũng của nhân viên chính quyền các cấp.
4. Cho phép những người có khả năng, nhưng người không phải đảng viên của Cộng Sản được phép tham gia vào công cuộc xây dựng xứ sở theo khả năng chuyên môn.
5. Yêu cầu cho phép các tu sĩ và tín đồ thuộc các tôn giáo được tiếp tục làm các công tác xã hội mà không phải từ bỏ tôn giáo tín ngưỡng của mình.
6. Phá bỏ mọi bất công, kỳ thị giữa các đảng viên Cộng Sản và nhân dân. Mọi người đều có quyền công dân.

Thật ra chúng tôi muốn gì? Chúng tôi không muốn những quyền hành chính trị. Mục đích của chúng tôi không phải là lật đổ chính quyền. Chúng tôi cũng không chủ trương bỏ nhọ chính quyền. Chúng tôi chỉ muốn sống với tất cả giá trị của con người để có thể tham gia trong công tác xây dựng xứ sở.

trích LỜI KÊU GỌI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN CỦA VIỆN HÓA ĐẠO  
GHPGVNTN, 1977. (Hình: Đệ Tử Tăng Thống GHPGVNTN, Hòa  
thượng Thích Huyền Quang nhưng ngày bị quản chế ở Quảng  
Ngãi, Bình Định.)

xem tiếp trang 4



Văn Phòng Văn Học Phật Giáo, 222 Trương Minh Giảng Sài Gòn, là cơ sở  
giáo dục Phật học và Khoa học Phật giáo của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam  
Thống Nhất

# HẠNH NGỘ ĐẦU NĂM

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỷ niệm. Một đời không hẳn là dài, một ngày không hẳn là ngắn, nhưng là những gì được đọng lại trong kỷ ức sâu khi hầu hết đã trôi phôi.

Chúng ta, nhưng giọt nước chảy trong cùng một dòng sông, cùng trôi qua nhưng bên bờ, có lúc êm đềm, lắm khi ghềnh thác, rất riêng tư, xa cách nhưng cùng vô cùng gần gũi. Có thể lúc nào đó không nhận ra nhau, không tìm thấy nhau, hay quên nhau đi, nhưng nếu còn duyên, rồi

một ngày sẽ gặp lại nhau như tôi đã gặp lại bà Vũ, chủ quán Cà Phê Bà Vũ ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, Sài Gòn trong ngày đầu năm dương lịch ở Atlanta.

Nhớ lại hơn hai năm trước, tôi đến Atlanta tham dự một chiếu thơ nhạc. Chương trình khá dài. Đến cuối chương trình, đa số khán giả đã lầm lút ra về, tôi nhìn xuống, ngoài thân hưu vẫn nghệ, vẫn còn một gia đình đồng hương, có vẻ xa lạ với các sinh hoạt thơ văn, ngồi im lặng như đang chờ ai ở

phía cuối hội trường. Thì ra họ chờ tôi.

Người đàn ông dắt theo hai con còn nhỏ. Anh đưa một bài thơ được in ra từ internet và hỏi tôi về sự tích bài thơ. Dĩ nhiên tôi biết vì là tác giả của bài thơ đó. Bài thơ tôi viết để tưởng nhớ bà Vũ, chủ quán cà phê ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, bên hông đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

Ảnh tự giới thiệu là con trai của Vũ. Có lẽ đang

xem tiếp trang 16

# LỜI KÊU GỌI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN CỦA VIỆN HÓA ĐẠO GHPGVNTN

**T**rong những tuần lễ trước ngày giải phóng Sài Gòn, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã hoạt động tích cực để tránh sự giết chóc dân vô tội và sự tàn phá thành phố Sài Gòn với hơn 4.000.000 dân cư. Để đạt được mục tiêu trên, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã:

- Sử dụng ảnh hưởng của mình đối với hai phe lâm chiến, làm thế nào để cứu dân chúng Sài Gòn và những thành phố khác khỏi bị tàn phá.
- Kêu gọi Phật tử đừng sợ hãi vì viện tượng chấm dứt chiến tranh, hãy bình tĩnh đừng có giao động. Trong Thông Cáo số ngày 09 tháng 4 năm 1975, Giáo Hội nói: "Nếu sự nghiệp giác ngộ của bản thân là giác ngộ cho kẻ khác thì việc phục vụ nhân dân theo tinh thần từ bi hỷ xả, tinh thần hòa hợp hòa giải cũng là tinh thần phục vụ đạo pháp. Phật tử chúng ta đừng biến chúng ta thành tù nhân của chủ nghĩa, vì đời sống của con người quý hơn chủ nghĩa. Chúng ta phải cương quyết để thực hiện ba mục tiêu sau:  
1. Với hòa bình, chúng ta có thể phục vụ đạo pháp và dân tộc dễ dàng hơn.  
2. Yêu cầu hai phe lâm chiến đừng tàn sát nhân dân vô tội vì theo bên này hay theo bên kia.  
3. Yêu cầu hai phe lâm chiến hạn chế tối đa vụ lực để cứu mạng người trong giai đoạn chuyển tiếp."

Trước lời kêu gọi và thiện chí này, chính phủ Cộng Sản Việt Nam, từ 1975 đến 1977 đã tiến hành việc hành hạ, bắt bớ, giam cầm và chiếm đoạt tài sản.

Hàng trăm trường học, cô nhi viện, ký nhi viện, phòng phát thuốc của Phật giáo đã bị chính quyền tịch thu, "quản nhiệm" và hàng nghìn cán bộ Phật tử đã không được phép tham gia vào các công tác xã hội của Phật giáo nói riêng của quốc gia nói chung và đã chịu không biết bao nhiêu phiền nhiễu đọa đày. Viện Đại Học Vạn Hạnh bị đóng cửa. Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội bị đóng cửa. Ủy Ban Tái Thiết và Phát Triển Phật Giáo bị giải tán, ngân quỹ bị tịch thu. Tất cả mọi báo chí văn hóa tôn giáo của Giáo Hội bị đóng cửa không cho phép xuất bản. Tăng Ni không được phép tiếp tục dạy các trường, không được phép làm việc tại các bệnh viện, các cô nhi viện, ký nhi viện, phòng phát thuốc mặc dầu chính phủ không đủ cán bộ chuyên môn để điều hành những cơ quan này. Họ không được phép hoạt động vì họ không phải là đảng viên của đảng Cộng Sản.

Sau ngày tịch thu những cơ sở văn hóa và xã hội của Giáo Hội, những cơ sở này không còn hoạt động nữa và chúng biến thành nhà ngủ, văn phòng của chính quyền. Thí dụ trường Bồ Đề Qui Nhơn đã trở thành nhà ngủ cho cán bộ chính quyền. Cán bộ của chính phủ từ miền Bắc vào không đủ khả năng để cai quản và điều hành các cơ sở văn hóa xã hội, kết quả là nhiều nơi bị đóng cửa không hoạt động. Chính phủ chỉ tin tưởng ở đảng viên của mình và do đó trong nhiều trường hợp đã đặt họ vào những vị trí mà họ không đủ sức hoạt động hữu hiệu. Cán bộ Phật Giáo không có công ăn việc làm lại bị chính phủ đưa về các vùng kinh tế mới, nơi đây họ đã phá rừng làm rẫy, phá đất làm ruộng nhưng bị chính phủ đánh thuế quá nặng nề nên nhiều người đã phải bỏ những hợp tác xã canh nông đỏ. Thí dụ tại Long Thành một số tăng sĩ năm 1975 đã trồng tiêu và họ đã bán mùa tiêu trong năm đó được 2 triệu đồng. Chính phủ đánh thuế 1 triệu 9 trăm ngàn đồng. Một số các tu sĩ khác làm mía năm 1976. Họ bán vụ mía được 300.000 đồng, và bị đánh thuế là 300.000 đồng. Họ phải giải tán và đi kiếm việc riêng, lẽ dĩ nhiên là không có việc. Hàng nghìn trí thức Việt Nam không có cơ hội để sử dụng khả năng của mình đã trở thành những tài xế taxi, làm nghề nông, hay thất nghiệp hoàn toàn; ngay cả làm nghề nông hay nghề lái taxi học cũng bị theo dõi làm khó khăn nữa.

Chính phủ không dừng ở đây. Theo đuổi chính sách tiêu diệt tôn giáo, chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã bắt giam hàng trăm tăng sĩ, tịch thu hàng trăm ngôi chùa để làm văn phòng, nhà ngủ. Đập phá tượng Phật và tượng Bồ Tát; cấm không cho hành lễ, không công nhận lễ Phật Đản là ngày nghỉ, tước bỏ ruộng đất và những phương tiện sinh sống của Tăng Ni, cấm hay ngăn cấm không cho tin đồ đến chùa, cấm không cho Tăng Ni di chuyển lấy lý do vì an ninh quốc gia.

Vì hạn chế cấm đoán không cho di chuyển nên những vụ bắt bớ Tăng Ni, tịch thu chùa chiền chưa được báo cáo đầy đủ lên cấp Giáo Hội Trung Ương. Nhưng vụ xảy ra mà Giáo Hội được biết, Giáo Hội đã báo cáo đầy đủ với chính quyền, nhưng chính quyền làm lơ để tình trạng càng ngày càng thêm trầm trọng. Ngày 09 tháng 02 năm 1977, Giáo Hội đã gửi văn thư cho Thủ Tướng Phạm Văn Đồng về vụ chính quyền bắt giữ 19 vị sư, thủ Tướng Phạm Văn Đồng không trả lời văn thư đó. Ngày 17 tháng 3 năm 1977, Giáo Hội làm bốn bức kết những vụ phá chùa, bắt Tăng Ni và gửi đến chính phủ. Chính phủ cũng làm ngo không trả lời.

Mười hai vị Tăng Ni chùa Dược Sư ở Cần Thơ ngày 2 tháng 11 năm 1975 đã tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chính phủ. Đến cuối năm 1975, Giáo Hội đã nhận rất nhiều báo cáo về sự đàn áp tôn giáo, nhưng giáo Hội vẫn khuyên các vị lãnh đạo Phật giáo các cấp kiên nhẫn đợi chờ, mong chính phủ điều chỉnh sửa sai. Trong những văn thư và báo cáo gửi đến chính phủ Trung Ương, Giáo Hội đã rất dễ dặt không đổ tội cho chính quyền Trung Ương và hy vọng những việc làm đó chẳng qua chỉ vì cán bộ địa phương chưa thông thạo đường lối chính phủ. Nhưng chính quyền trung ương không những không sửa sai mà còn cố tình đánh lạc hướng, che đậy những hành vi phạm pháp của chính quyền địa phương. Sau nhiều lần can thiệp nhằm vụ 12 vị Tăng Ni tự thiêu tại Cần Thơ, chính phủ đã cho phép 3 vị đại diện của Giáo Hội Trung Ương cùng với phái đoàn chính phủ về Cần Thơ để điều tra. Trong một buổi họp giữa hai phái đoàn Chính phủ trung ương và phái đoàn Phật giáo trung ương cùng chính quyền địa phương, ông chủ tịch xã Tân Bình đã nói rõ mọi tình tiết về vụ tự thiêu và những lời nhảm chung đó sau được ông Tỉnh trưởng Cần Thơ xác nhận. Nhưng vị nhảm chung này sau bị chính phủ cắt chừa vì đã nói rõ sự thật. Bản thảo bằng về vụ tự thiêu bị chính phủ trung ương tịch thu. Họ chủ trương rằng "Nhà sư Huệ Hiến, trụ trì chùa Dược Sư đã giết 11 vị Tăng Ni và sau đó tự đốt mình và đốt chùa để phi tang." Ai không đồng ý với luận điệu đó của chính phủ đều bị thanh toán khai trừ.

Phật tử Việt Nam đã liên tiếp bày tỏ thiện chí của mình, đã uốn mình trong hoàn cảnh mới, trong khuôn khổ mới của giai đoạn lịch sử để có thể hợp tác xây dựng đất nước. Chúng tôi đã quen sống trong nghèo khổ và chúng tôi cũng quen chống lại những kẻ đàn áp. Chúng tôi có thể chịu đựng mọi khó khăn, mọi thử thách. Nguồn lợi tối chánh của chúng tôi là mồ hôi nước mắt của chúng tôi qua những chương trình tiểu công nghệ, nhưng chúng tôi cũng không được phép làm như vậy. Những đợt viện trợ của nước ngoài thật ra không ảnh hưởng mấy đối với chúng tôi, do đó chúng tôi nghĩ là chúng tôi có thể ghép mình vào việc xây dựng một quốc gia xã hội, công bằng hơn. Nhưng chúng tôi không được phép làm như vậy. Chúng tôi muốn giữ mình là Phật tử đồng thời là công dân của xã hội. Chúng tôi đã tập nói, tập sử dụng những ngôn ngữ Mác-xít và đã cố gắng để chúng tôi được thông cảm trong ngôn từ đó. Nhưng sâu xa và thâm kín nhất

của chúng tôi. Chúng tôi đã mất tin tưởng ở họ. Chúng tôi đã bị đối xử tàn tệ, bị đàn áp, bị khủng bố mọi mặt.

Khẩu lệnh của nhân viên chính quyền thường thường trái ngược với đường lối hoặc nghị quyết của chính phủ, nhất là đường lối chính sách về tôn giáo. Chúng tôi phải thi hành theo khẩu lệnh hay là đi đúng theo nghị quyết của chính phủ? Làm thế nào để chúng tôi không tuân theo khẩu lệnh khi kết quả của sự bất tuân là nhà tù và trại cải huấn? Cán bộ chính quyền trong những buổi học tập cũng như những buổi họp công cộng, thường tuyên bố Phật giáo là thuốc phiện, văn hóa Phật giáo là thuốc độc và phản động, các nhà sư không sản xuất v.v... nếu ai cố tình chúng minh trái ngược lại là có thể bị trừng phạt. Giáo Hội đã nỗ lực trình lên chính quyền thái độ bất hợp tác của cán bộ hạ cấp và kết quả là những vị lãnh đạo Phật giáo bị chính phủ bắt giam. Thượng Tọa Thích Huyền Quang, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Thượng Tọa Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, Thượng Tọa Thích Thuyên Ấn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp, Đại Đức Thích Thông Bửu, Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ đều bị tù chỉ vì muốn chính phủ biết đến nguyện vọng của Giáo Hội và của tín đồ Phật giáo. Ngoài ra, chính quyền còn muốn triệt hạ khả năng tự túc tự cường của Phật giáo bằng cách bắt cấm tù Đại Đức Thích Thông Huệ và Đại Đức Thích Thanh Thế, hai vị có trách nhiệm trong chương trình kinh tế tự túc của Giáo Hội.

Chúng tôi kêu gọi không những chỉ vì cộng đồng Phật giáo mà cho toàn thể nhân dân Việt Nam. Những cộng đồng tôn giáo khác cũng chịu những cảnh ngộ tương tự. Ít nhất có vào khoảng mấy trăm linh mục bị bắt, rất nhiều những vị linh mục trước đây đã chống lại chế độ Nguyễn Văn Thiệu, đã qua đời vì Cộng sản cầm tù. Hàng trăm ngàn dân đang phải sống nhoe nhoe đói khát trong những trại tập trung, trại cải tạo mà thân nhân không được viếng thăm, không được tin tức. Hàng nghìn người đã chết vì bệnh tật, vì thiếu ăn, vì thất vọng chán chường. Quốc gia Việt Nam đã trở thành trại cảnh sát. Người lớn cũng như trẻ em bắt buộc phải báo cáo mỗi hành động của người thân mình. Vì vậy bạn bè không thể tin nhau, anh em ruột thịt không thể tin nhau, bà con, đồng nghiệp không thể tin nhau. Thật là một cảnh tượng không khác gì địa ngục. Chúng tôi biết những khó khăn trong tình trạng hậu chiến. Nhưng những khó khăn kinh tế này không thể nào dùng để giải thích biện minh cho hoàn cảnh, trạng huống mà dân chúng Việt Nam bây giờ phải chịu đựng. Đói rách bệnh tật lan tràn. Chính phủ độc quyền tất cả, và mọi cố gắng của chính quyền chỉ để củng cố quyền hành của mình mà thôi. Họ không chấp nhận sáng kiến, họ không chấp nhận xây dựng. Họ chỉ muốn mọi người làm theo ý họ, dù kết quả như thế nào. Họ đã diệt hết mọi khả năng cho mục tiêu hòa hợp hòa giải dân tộc. Hòa Hợp Hòa Giải bây giờ là trò khôi hài mặc dầu đó là chủ trương trên giấy trắng mực đen của họ, mặc dầu đó là chủ trương của những đoàn thể phản chiến để đem lại hòa bình cho Việt Nam.

Đức Giám mục Nguyễn Kim Điền thuộc địa phận Huế đã phát biểu ý kiến một cách can đảm và rõ ràng trong phiên họp ngày 15 tháng 4 năm 1977 do Mặt Trận Tổ Quốc Bình Trị Thiên và Thành phố Huế tổ chức. Đức Giám mục đã nói lên những khổ sở mà cộng đồng Công giáo đã phải gánh chịu và đã đưa ra ý kiến là nếu có tự do tín ngưỡng thì sẽ không có bất đồng ý kiến và do đó việc bắt bớ những người có khuynh hướng bất đồng không thể xảy ra được.

Từ ngày giải phóng thành công đến nay, hàng trăm người đã tự tử vì phẩm chí, vì tuyệt vọng. Hàng nghìn người đã bỏ nhà ra đi tìm tự do trên những chiếc thuyền nhỏ. Nhà thương chỉ để dành cho cán bộ, dân chúng khó có dịp được nằm, dù bệnh tật có nặng chẳng nữa; mặc dù thiếu bác sĩ, hơn 200 bác sĩ vẫn không được sử dụng mà hiện đang nằm trong khám giam. Các trẻ em dưới 14 tuổi đã bị đưa đi làm công tác như nhốt sắt vụn trong mùa hè và kết quả là những vụ nổ ngày 02 tháng 6 năm 1977 đã làm cho 25 trẻ em thiệt mạng. Hàng nghìn các thương phế binh Việt Nam đã bị bỏ rơi không ai săn sóc. Những em khác may mắn được bà con đem về nuôi. Nông dân cấy ruộng và bị đánh thuế 40%. Họ được giữ lại một ít hoa màu, còn bao nhiêu phải bán lại cho chính phủ và chính phủ đã trả cho họ bằng chứng phiếu.

Hàng nghìn các kỹ thuật gia đương bị cầm tù trên hai năm. Những người không có khả năng cấy cấy như các giáo sư, luật sư v.v... bị bắt phải đi cấy. Việc dẫn thủy nhập điền đã do cán bộ chính quyền không kinh nghiệm đảm trách, kết quả là nước mặn vào làm hư hại mùa, không biết thế nào lường được, một quốc gia trước đây thường xuất cảng gạo, bây giờ không có gạo mà ăn, mặt dù lực lượng nông dân đã lên đến gấp 10 lần.

## CHO MỘT XÃ HỘI ÔN HÒA

Thật ra chúng tôi muốn gì? Chúng tôi không muốn những quyền hành chính trị. Mục đích của chúng tôi không phải là lật đổ chính quyền. Chúng tôi cũng không chủ trương bôi nhọ chính quyền. Chúng tôi chỉ muốn sống với tất cả giá trị của con người để có thể tham gia trong công tác xây dựng xã hội. Trong lịch sử Việt Nam đã có những giai đoạn dân chúng sống ôn hòa với những tư tưởng chính kiến sai biệt. Chúng tôi chỉ đòi hỏi sự ôn hòa. Chúng tôi chỉ đòi hỏi quyền tham dự trong công tác xây dựng quốc gia, xây dựng đời sống con người không phải như những bộ máy mà là những khối óc, những con tim.

Chúng tôi kêu gọi toàn thể Phật giáo đồ, toàn thể các đồng bào ruột thịt thuộc các thành phần tôn giáo khác - Thiên Chúa giáo, Tịnh Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, và Mác-xít hãy thông cảm lẫn nhau, đoàn kết nhất trí để xây dựng quốc gia, để tạo niềm tin, để biến ước vọng hòa hợp hòa giải dân tộc thành sự thật cho một chế độ cộng hòa xã hội hòa bình và thống nhất. Chúng tôi kêu gọi chính phủ Việt Nam:

- Thả những tù nhân chính trị, tôn giáo và hàng trăm ngàn người khác đang ở trong các trại cải tạo.
- Thi hành nghiêm chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng: cho phép dân chúng đi chùa, đi nhà thờ ở đó thành cũng như ở các thị xã, thôn quê. Cho phép tổ chức hành lễ. Cho phép xuất bản kinh sách báo chí tôn giáo. Yêu cầu chấm dứt việc tịch thu chùa chiền và nhà thờ để làm nhà ngủ hay văn phòng. Yêu cầu đừng phá hủy các tượng Phật, tượng Chúa.
- Chấm dứt tình trạng tham nhũng của nhân viên chính quyền các cấp.
- Cho phép những người có khả năng, những người không phải đảng viên của đảng Cộng sản được phép tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội theo khả năng chuyên môn của mình.
- Phá bỏ mọi bất công, kỳ thị giữa đảng viên Đảng Cộng sản và nhân dân. Mọi người đều có quyền công dân. Mọi người đều có quyền đi học, đi chữa bệnh, mua thuốc men, thực phẩm chứ không phải chỉ nhân viên chính phủ, đảng viên mới được hưởng những quyền đó.

Làm tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/06/1977

**VIỆN HÓA ĐẠO**

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

\* Sau khi bản Kêu Gọi ra đời, ngày 13 tháng 04, 1978 Hòa Thượng Thích Thiện Minh bị bắt giam cho đến ngày 17 tháng 10 cùng năm. Hòa thượng bị bắt tại Khóm Chi Hòa Xứ bị đưa ra trại Hàm Tân, Phnom Thét



**PHÚC TRUNG HUỲNH AI TÔNG**  
[WWW.hunhcatong.blogspot.com](http://www.hunhcatong.blogspot.com)

## NGƯỜI NỬA RA ĐI

Miền Đông Hoa Kỳ lại gặp một cơn bão tuyết nữa, cơn bão tuyết trước xảy ra khi tôi còn ở Việt Nam, cơn bão tuyết này tôi đang ở nhà. Ở Việt Nam, tôi đã cùng Trần Đình Hùng đi dự lễ thăng cấp Dũng cho anh Lê Cao Phan, giờ đây ở nhà, nhìn ra ngoài khung cửa kính, nhưng bông tuyết trắng của cơn

bão đang rơi, nhiệt độ xuống thấp, tôi được điện thư của Trần Đình Hùng, từ quê nhà báo tin anh Lê Cao Phan đã gia biệt mọi người.

Đêm Đông thật là âm ảm, dễ làm cho tôi liên tưởng tới anh Lê Cao Phan vừa mới ra đi, tôi có hồi tưởng, nhưng không làm sao nhớ được, lần

đầu tiên tôi đã gặp anh trong hoàn cảnh nào. Chỉ có thể nói đại khái vào 50 năm trước, tại công xã trên đường Hiến Vương, cứ tam ca nguyệt, Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam họp, tôi tham dự họp với các anh như Võ Đình Cường, Tống Hồ Cầm, Cao Chánh Hựu, Nguyễn Văn Thục, Đỗ Đình Kỳ,

Lư Hồ, Lê Cao Phan, chị Đoàn Thị Kim Cúc, Xuân Viên..., nhưng lần ấy gặp các anh, chị tôi chỉ chào hỏi cho đúng phép, ngoài ra nghe các anh, chị nói để tiếp thu, hoặc báo cáo hoặc trả lời khi các anh hỏi, vì tôi nhỏ tuổi nhất, được họp chung với các anh.

đi lên Đà Lạt họp, mượn được Kỳ nhi viện trú ngụ, đêm ngủ mỗi người phải đắp hai cái chăn của trẻ con, anh Võ Đình Cường bảo tôi:  
 - Ê Tông! Em nhớ nhưt trong các anh em. Vậy em lấy chăn đắp dùm anh nào chưa đắp chăn. Keo lạnh!

Cho nên năm 1965, khi

Cung trong năm đó, một

Sếp theo trang 1

## HÀ THANH, ĐOÀ HƯƠNG CÀ XANH NGÁT

buổi lễ Phật Đản được tổ chức rất lớn ở Orange County cách đây vài năm. Có đến nhà chúng tôi trò chuyện và đàn hát rất tương đắc. Nhìn cô ôm đàn say sưa hát, tôi thấy âm nhạc hình như trở nốt đen, trắng trong máu, trong tim cô. Có hát tự nhiên, nhẹ nhàng và thanh thoát hết như đang đáp và con người. Tôi rất thích lối luyện kỹ của cô và phải thu nhận một điều, tôi học và cũng bắt chước lối luyện kỹ của cô khi hát. Có và chung tôi hát Đạo Ca. Chung tôi tập bài "Chân Nguyên", một bài hát mà cô hát rất dặt và hay của Trúc Tâm. (Vài ngày sau tôi có gặp tác giả và cũng có trò chuyện ở chùa TQ do ni sư Chơn Đạo trụ trì). Có dạy tôi hát hai bài Đạo Ca do cô sáng tác. Nhưng ca từ trong sáng, âm điệu nhẹ nhàng, lưu chuyển, nói về Phật Đạo và hình ảnh ngoạn hiện của người con gái đi lễ chùa.

Ngày hôm sau chúng tôi cùng cô dự lễ Phật Đản và cô lên sân khấu hát. (Tôi cũng gặp ca sĩ Phương Dung ở đây). Có mặc một chiếc áo dài có vẽ hoa sen. Có dịu dàng, thanh

thoát, trang nhã và trẻ hơn bao giờ. Có hát Đạo ca đẹp và cao quý như cô sinh ra để hát Đạo ca vậy. Ca từ phát huy lễ nghĩa của con người để tu thân, âm nhạc phá vào không gian cái khi thiêng của cô cây vạn vật. Giọng hát từ đáy lòng của cô như gió chuyển chỗ làm hương ca vô tận của đạo đức đến khắp phương trời.

Nhưng năm sau 1984, có bắt đầu bước vào Đạo Ca như một lễ tự nhiên của người con Phật. Tôi không ngạc nhiên khi sự nghiệp ca hát của cô nghiêng về khúc re do vì tôi cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc khi mình hát Phật ca. Kinh Phật rất khó học và hiểu. Nó khó với tôi không nhưng vì ý nghĩa thâm sâu mà còn gây trắc trở lớn vì ngôn từ Việt pha Hán, Phạm, thánh ra rất khó nhớ. Tuy nhiên âm nhạc mang âm điệu, ca từ lặp đi lặp lại, sự sắp xếp cung bậc cao thấp, luyện kỹ, khiến óc con người dễ cảm nhận và nhớ nhanh hơn. Giọng hát Hà Thanh rất riêng, không lẫn vào đâu được, trong và cao nên có thể bay bổng ở những nốt cao và đáp xuống dễ dàng ở

nhưng nốt thấp trong âm vực một bài hát. Do đó cô hát Đạo Ca thật hợp và tuyệt. Một người bạn bảo tôi, giọng cô "sang, qui phái", tôi không ngờ cái chất "noble" nó cũng động được trong giọng hát. Phải chăng giọng hát và con người thường đi đôi với nhau? Hay là nét thanh tân, khuê các của đất thành nội cổ kinh đô ấp ủ, nuôi nấng người nữ sinh Đông Khánh để hun đúc, làm nên một giọng ca vương giả đất Thần Kinh.

Trong lần tiếp xúc với nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông ở Việt Nam, tôi có đàm đạo với chủ về âm vực và ca từ của những sáng tác chủ đề viết trong những thập niên trước 1975. Chủ nói Thái Thanh có âm vực tốt, hát được nhưng bài cô nổi cao như "Mấy dặm son khe" của chủ rất tuyệt vời. Hà Thanh cũng vậy. Có hát dễ dàng nhưng bài hát có âm vực rộng của chủ viết. Nhìn chủ trân trọng lấy chiếc máy hát cũ mớ cho tôi nghe những ca khúc Hà Thanh hát nhạc xưa của chủ, tôi biết chủ trân quý Hà Thanh biết dường nào. Tuy không còn gặp lại cô sau ngày cô qua Mỹ, nhưng chủ vẫn dõi theo âm ba tiếng hát ngọt ngào của con họạ mi xứ Huế.

Nhìn lại nhưng bông hoa tinh thần tuyệt sắc là những bài Phật ca mà



Bích Liên viết

Hà Thanh đã hát, tôi thấy được cô hát Thiên Ca rất nhiều. Ngoài những CD như: Ngát hương đêm - Phật Ca, Duyệt Cường hóa âm (1999) và Nhánh dương xuân khổ - Phật Ca, Trăm Từ Thiêng hóa âm (2003) còn rất nhiều bài hát được lưu hành trên các website Phật giáo, youtube, hay những trang nhà cá nhân. Tôi thích nhất là bài "Chân Nguyên", còn những bài rất xúc sắc khác mà khi có hát tôi cảm được chất thiên lưu chảy trong người cô như "Thích Ca Mẫu Ni Phật", "Lạy Phật chúng tri lòng con", "Kết hoa dâng cúng Phật đài"...v.v..

Hôm nay cô đã thanh thản đi về nơi tập Chơn Nguyên nào đó không còn những phiền muộn, đau đớn của kiếp người nhưng tiếng hát cô vẫn hoặc vang vọng. Tôi có nghe về một thư hương hoa thơm ngược gió của những người được hạnh. Tôi không dám xét đoán hay đưa đến một kết luận vội vã nào về cô. Nhưng tôi biết chắc đoá hoa hương sắc Hà Thanh mai thơm, mai xanh ngát trong lòng những người mến mộ.

**TẠNH THANH THUY**

lần Ban Hướng Dẫn Trung Ương, đáp phi cơ DC6 của Air Việt Nam ra Huế họp, trong khi ngồi chờ đợi ở phi trường Tân Sơn Nhất, anh Lê Cao Phan ngồi cạnh tôi, chúng tôi nhìn quanh nhưng hành khách khác, họ cũng đang ngồi chờ chuyến bay.

Trước mặt, cách băng ghế chung tôi ngồi chung 2 thước là lối đi, bên kia xen trong đám hành khách, có một người đàn ông trung niên, nước da sạm nắng, tóc cắt kiểu carre chái hai mai sơ sài, mặc bộ quần áo bà tui ngắn tay, màu da bò, để lộ hai cánh tay với những bắp thịt chắc nịch, chân đi giày da màu đất, giày không đánh xi.

Anh Phan quay qua tôi nói vừa đủ nghe:  
- Tổng! Nhìn thấy ông mặc áo bà tui trước mặt chúng ta. Em có nhận xét gì?

Tôi thấy ông ta như một người nông dân, đến Saigon thăm bà con rồi bay trở về nhà. Tôi không có nhận xét gì hơn, nên trả lời anh Phan:

- Dạ! Em không có nhận xét gì cả.

Anh nói không cần suy nghĩ:  
- Tập đi! Em phải để ý quan sát nhưng cảnh vật xung quanh, rằng tập ghi nhận và phân đoạn. Nhưng nhà văn lớn, họ có cuốn sổ tay trong túi, để khi cần họ lấy ra ghi chép ngay. Nhờ vậy, họ mới có tả được nhưng cảnh vật chung quanh tí mảy, tả nhưng hành động, nhưng phản ứng đúng với hoàn cảnh.

Đó là bài học, anh Phan đã dạy tôi tập ghi nhận, phân đoạn để trở thành nhà văn, nhưng từ đó tôi nay, tôi chưa áp dụng

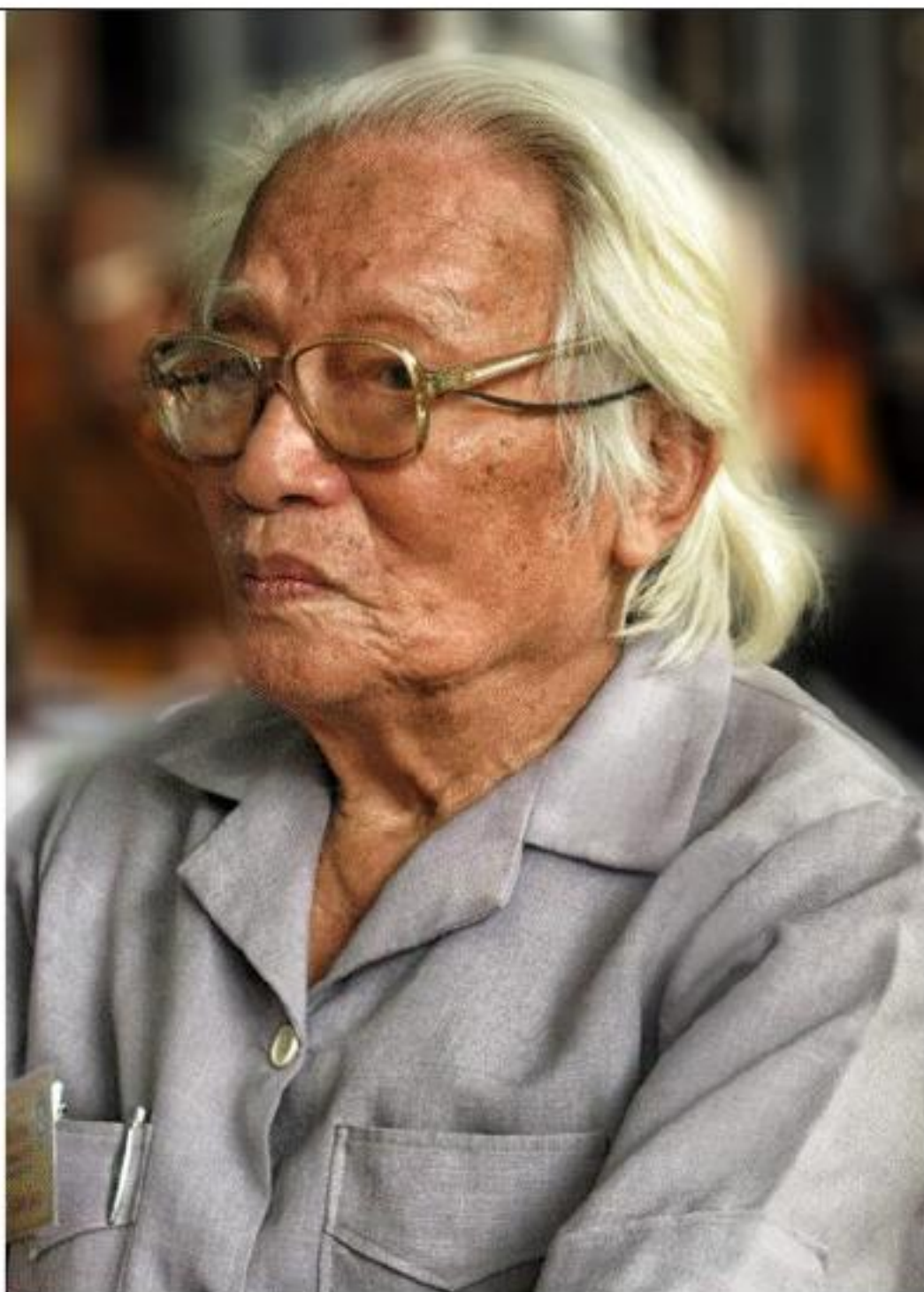
ghi nhớ vào sổ tay. Đến nay thì tôi đi đâu cũng bỏ theo trong người chiếc máy ảnh digital, cần chụp ngay. Tôi nghĩ cũng là tư bài học anh Phan đã dạy, tôi áp dụng theo cách của tôi, phù hợp với thời đại ngày nay.

Anh Lê Cao Phan là nhà giáo, là nhạc sĩ đa năng tác bài Phật Giáo Việt Nam, nhân sự kiện năm 1951, các hội đoàn Phật giáo Bắc Trung Nam đã họp tại chùa Từ Đàm, Huế để thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, là một tổ chức tiên phong đặt nền móng cho công cuộc canh tân Phật Giáo nước nhà từ đó, tên tuổi anh được nhiều người biết đến khắp cả Việt Nam.

Anh cũng là họa sĩ, văn sĩ. Về phương diện văn học, anh đã dịch truyện Kiều sang Pháp văn, Anh văn, Hàn Văn và Quốc tế ngữ (Esperanto), anh cũng dịch Úc Trại thi tập của Nguyễn Trãi.

Năm 1991, trước khi đi định cư nước ngoài, tôi muốn đi chào vài người. Anh Ngô Mạnh Thu cũng đi với tôi, chúng tôi ghé thăm anh Phan, nhà anh ở đường Lê Đại Hành, khi đó chị Phan vừa mất được vài tháng, dịp này anh lấy bản nhạc Phật Giáo Việt Nam kỷ niệm tôi để làm kỷ niệm, rồi chúng tôi đi thăm anh Cao Chánh Huy ở đường Trương Minh Giảng, cuối cùng là nhà văn Dương Nghiễm Mậu gần đó. Mọi người đều để trong tôi kỷ niệm ấm lòng, mỗi khi nhớ tới họ ở quê nhà.

Năm 2007, về Việt Nam tôi không biết anh Lê Cao Phan ở đâu, nhờ Trần Đình Hùng hỏi thăm nhạc sĩ Giác An, rồi Hùng và tôi đi thăm anh ở đường



Họa sĩ Lê Cao Phan - tại giới Đạo ca Phật Giáo Việt Nam - Pháp danh Quảng Epi - Pháp tự Huyền Pháp. Put hiện Tâm Thương, Nguồn UV Văn nghệ F.E.D 70 GSPT Việt Nam (Ảnh: Thăm Lặng cung cấp)

Ngo Trang Long, gần cầu Bông Kỳ quận Bình Thạnh. Anh đã ưu ái lấy cây đàn kim đàn cho chúng tôi nghe vài bản. Trước khi chia tay, anh hứa:  
- Để anh tìm tặng cho Tổng quyền truyện Kiều.

Dù chúng tôi không muốn, anh Phan cũng theo xuống thang lầu, đưa chúng tôi ra tận cửa.

Lần về năm 2013 này, tôi muốn hỏi chị Xuân Hòa, phu nhân của anh Như Tam Nguyễn Khắc Từ, để biết nơi Hòa Thượng Tuệ Sỹ tịnh tu. Năm ngoài có người cho biết ở Bảo Lộc.

Chị Xuân Hòa trả lời không biết Hòa Thượng vẫn du nơi nào, người không trụ một chỗ nhất định. Vài hôm sau, chị

báo cho tôi biết tin, chiều hôm đó có lễ tấn phong cấp Dung cho anh Lê Cao Phan, chị cho biết

- Anh Lê Cao Phan năm viện đa nhiều ngày, bệnh viện cho về, anh còn tỉnh táo, nhưng không biết ra đi lúc nào. Chiều này có lễ tấn phong Cấp Dung cho anh Phan do Hòa Thượng Đức Chơn chứng

xem tiếp trang 12

## THƯƠNG QUÁ HÀ THANH

Hà Thanh mất rồi trong ngày đầu năm...  
Hên chi mưa suông buồn như mưa dầm...  
Hên chi bạn mới một ly bảo uống,  
mình cứ cảm hoài cái ly, không nâng...

Hà Thanh không còn, trang Kinh cũ mở,  
rời lạt hoặc thôi, buồn bao nhiêu trang?  
Hà Thanh dề thương lời mềm giọng Huế,  
người đi không no, đêm tàn phải đi...

Hà Thanh là thế chiều mưa biên giới,  
bao nhiêu người buồn, con mắt cảm thông.  
Hà Thanh mệnh mỏng bưng khuôn mặt sáng,  
sáng hơn trăng Rằm. Vầy mà xa lắm...

Hà Thanh Boston và Hà Thanh Huế,  
bao nhiêu sông lệ chảy tràn thung Giêng...  
Không ai nói quên Hà Thanh ngày cũ.  
Hà Thanh yếu điệu, Hà Thanh thướt tha.  
Hà Thanh như hoa nở hoặc thơm ngát...

Hà Thanh Đà Lạt ghé chùa Linh Phong,  
bảy giờ vẫn nhớ mưa ngang qua rừng.  
Bung thông vì vu và Hà Thanh hát...  
Ngày xưa Đà Lạt, Hà Thanh rất xinh  
Hà Thanh rất xinh...

Không phải thỉnh linh ngày Hà Thanh mất.  
Lời lời của Phật Sắc tục thị Không...  
Nhưng tiếng đau lòng nói ra không kịp  
bát vòng chuyển tiếp của bánh Nhân Luân.  
Thương quá Hà Thanh

TRẦN VĂN LÊ / www.tuongta.com



## TIẾNG HÁT VẪN CÒN ĐÂY, NGƯỜI THIÊN THU VĨNH BIỆT

TRẦN TRUNG ĐẠO

Hôm đó có thấy Thích Từ Lực ở tận bên Bắc California về thăm chùa. Hai chị em mới có dịp gặp lại nhau. Thật là mừng. Chị cười hồn nhiên như trẻ thơ dù biết mình đang mang trọng bệnh.

- Chị đừng yên cho em chụp một tấm hình.

- Để làm chi?

- Để kỷ niệm.

- Ờ, chụp đi.

- Đừng yên chứ, sao giống như em Oanh Vũ đang mưa vậy, bỏ tay xuống má.

- Xong rồi.

- Cười tươi chút.

- Thì chị đang cười đó.

- Hôm nay chị sẽ hát bài gì?

- Hôm nay chị không hát. Em hát đi.

- Không được, em hát bà con cười chết.

- Sao cười.

- Chị hát "Từ Đàm Quê Hương Tôi" đi.

"Quê hương tôi miền Trung  
Sớm hôm chuông chùa nhẹ rung  
Tiếng muôn đời hân tử  
tiên kiều hưng  
Ồ ừ nghiêm bong chùa Từ Đàm  
Nơi yêu thương phát nguồn đạo vàng

Qua bao dòng tổ chùa Từ Đàm tôi vẫn còn..."

Tiếng hát của chị nhỏ dần, nhỏ dần và im lặng.

Huế ơi, mấy độ trăng tròn, khuyết  
Có một vầng trăng vẫn đợi chờ

Thương nhớ chị Hà Thanh.



(Chị Hà Thanh những năm tháng cuối đời, ảnh Trần Trung Đạo chụp ở chùa Phật Giáo, Roskilde, Mønserhuseth)



# HÀ THANH TIẾNG HÁT CỦA DÒNG SÔNG XANH

Ảnh: Internet

TRẦN KIỂM ĐOÀN  
www.diencauthelky.net

Gọi tên hoa súng:  
LỤC HÀ  
Gọi thôn LIÊU HÀ:  
quê nhà bên sông  
Gọi TRẦN KIỂM: họ sắc...  
không  
Gọi HÀ THANH: tiếng hát  
dòng Hương Giang

Có hạt gạo Trần Kiểm làng  
bạt xa quê gập ghềnh  
bên trời Tây cùng nói về

một nhân vật. Thi sĩ Kiểm  
Thêm nói về "mẹ O" và  
tôi nói về "bà Ch" nghệ  
sĩ của mình là ca sĩ Hà  
Thanh bằng một mẫu "so  
ý u lý lịch" hợp soạn hoa  
âm rất chon chắt và... nên  
thơ như thế đó.  
Thuở nhỏ ở làng Liêu Hà,  
tôi thường lên một hành  
diện khi cuối tuần ngồi  
quanh cái "Ba-dô" ở làng

với bọn nhóc tí trong xóm  
nghe chương trình ca  
nhạc của ban Việt Thanh  
[1] ở đài phát thanh Huế,  
mà trong đó, Hà Thanh,  
bà chị họ của tôi, là ca  
sĩ... hát hay nhất. Nhóm  
bình luận gia âm nhạc  
chán đất làng tôi từ sắp  
nhỏ cho đến người lớn  
chẳng biết có mang hội  
chúng "trai đừ" [2] hay

không nhưng ai cũng xuýt  
xoà khen giọng hát Hà  
Thanh thuở đó là "hay  
nhứt xứ"

Làng Liêu Hà và họ Trần  
nhà tôi - có lẽ luôn cả Huế  
- hầu hết là những rừng  
thông già kể sĩ không lớn  
kịp với mùa Xuân nghệ  
sĩ đang lên. Đó là hiện  
tượng nghịch lý rằng, ai

cũng mến mộ giọng hát  
của Hà Thanh, nhưng  
lại ái ngại khi một cô nữ  
sinh xinh đẹp xứ Huế, ai  
nữ của một gia đình nho  
phong "êm đềm trường  
rủ mạn che" trở thành ca  
sĩ. Nhất là dòng họ Trần  
Kiểm chúng tôi có bác  
Trần Kiểm Phó làm trưởng  
tộc thì lại càng quan  
tâm nhiều hơn. Bác "Trợ

Sự Có CHÂN KHÔNG ghi nhận

## VÀI KỶ NIỆM VỚI TÂM CA LÃNG TÂN GIÀ CHÂN HỖ CA HÀ THANH

Theo Wikipedia thì  
ca sĩ Hà Thanh tên  
thật là Trần Thị Lục  
Hà, sinh ở Liêu Cốc Hà,  
huyện Hương Trà, Thừa  
Thiên Huế. Có lẽ con thứ  
tư trong một gia đình gia  
giáo có mười anh chị em  
mà không một người nào  
đi theo con đường văn  
nghệ, ngoài một người  
anh tỏ ra khuyến khích cô  
khi nhận thấy em mình  
có biệt tài ca hát. Là một  
người theo đạo Phật,  
ngay nhỏ Lục Hà theo  
học Trường Nữ Trung học  
Đông Khánh và đã hát  
trong chương trình Tiếng  
Nói Học Sinh Quốc Học -  
Đông Khánh trên Đài phát  
thanh Huế.

Năm 1955, trong cuộc  
tuyển lựa ca sĩ do Đài  
phát thanh Huế tổ chức,  
Lục Hà khi đó mới 16 tuổi  
tham dự. Lục Hà đạt giải  
nhất với sáu nhạc phẩm  
rất kho, trong đó có bài  
Dòng sông xanh, và tên

bài hát đó đã trở thành  
nghệ danh của cô: Hà  
Thanh. Hà Thanh tiếp tục  
học và có đi hát cho Đài  
phát thanh Huế.  
Năm 1963, trong chuyến  
vào thăm Sài Gòn, Hà  
Thanh đã được các trung  
tâm đĩa nhạc Continental,  
Tân Thanh, Sóng Nhạc,  
Asia, Việt Nam mới thu  
thanh nhiều nhạc phẩm.  
Năm 1965, Hà Thanh  
chính thức gia nhập sinh  
hoạt ca nhạc ở Sài Gòn.  
Cô trở thành một trong  
những giọng ca hàng đầu  
của Sài Gòn khi đó. Vào  
giữa thập niên 1960, tiếng  
hát Hà Thanh thường  
xuyên hiện diện trên các  
Đài phát thanh Sài Gòn,  
Quân Đội, Tự Do, trong  
các chương trình Đại nhạc  
hội... Cô rất nổi tiếng với  
những nhạc phẩm của  
nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông  
như Hàng hàng lớp lớp,  
Chiều mưa biên giới...  
(Lời người viết: Năm 1965,  
ca sĩ Hà Thanh đã đến

hát cho sinh viên trường  
Thanh Niên Phụng Sự Xã  
Hội của trường Đại học  
Vạn Hạnh nghe).  
Trong giới văn nghệ Sài  
Gòn trước 1975, có nhiều  
người yêu thích Hà Thanh.  
Nhà thơ Bùi Giáng từng  
làm nhiều thơ và viết sách  
ca ngợi nhan sắc của cô.  
Nhà văn Mai Thảo là một  
người rất si mê Hà Thanh,  
ông đã tung tư Sài Gòn ra  
Huế để xin cưới Hà Thanh,  
Tiến Sĩ Lê Văn Hảo cũng  
là người rất hâm mộ Hà  
Thanh. Năm 1970, Hà  
Thanh kết hôn với Trung  
tá Bùi Thế Dung của Binh  
chủng Thiết Giáp. Năm  
1972, hai người có một  
con gái là Kim Huyền.  
Sau năm 1975, Bùi Thế  
Dung phải đi cải tạo. Năm  
1984 Hà Thanh cùng con  
gái được gia đình bảo  
lãnh sang định cư tại  
miền Đông Hoa Kỳ.

Tại hải ngoại, năm 1988  
Hà Thanh đã ghi tên theo  
Thiền Sư Thích Nhất Hạnh  
đi hành hương 3 tuần lễ  
ở Ấn Độ. Khi đoàn lên núi  
Linh Thứu, Hà Thanh xin  
được quy y lại với Thiền sư  
và được cho pháp danh  
mới là Tâm Ca Lăng Tân  
Già, mặc dù cô đã được  
quy y Phật hồi bé ở Huế.  
Kinh A Di Đà kể rằng ở

cõi Tịnh Độ mới lần chìm  
Ca Lăng Tân Già hoá lên  
thì người nghe khởi chánh  
niệm, tiếp xúc ngay với  
Bụt, Pháp và Tăng của tự  
tham, và ý thức rằng mình  
đang ở cõi Tịnh Độ. Ca  
Lăng Tân Già Hà Thanh  
cũng vậy, cô đã lâm đùng  
như lời thầy mong ước, cô  
chỉ trình diện trong những  
đại hội Phật Giáo, nhưng  
đại nhạc hội lực quyền  
giúp thuyền nhân ở các  
trại tị nạn, giúp cứu trợ  
nhân lũ lụt ở quê nhà,  
hay góp phần xây ngôi  
thiền đường này, hoặc  
ngôi bảo tự kia... Tiếng  
hát có bảy giờ là hát vì  
mọi người, đem niềm vui  
cho người giúp người bớt  
khó, cô không còn hát cho  
riêng mình. Điều quan  
trọng là cô chỉ hát những  
bài nhạc đạo giúp người  
ta tu tập, đùng như điều  
thầy của cô, Thiền Sư  
Nhất Hạnh khi đặt tên cho  
cô và mong ước mỗi lần  
có cất tiếng hát là thỉnh  
già lại được tiếp xúc với  
Bụt, Pháp, Tăng của tự  
tham và phát khởi chánh  
niệm.

Năm 1990 Hà Thanh có  
đến thiền đường Hoa  
Quỳnh của Làng Mai tại  
Paris, tập hát với nhạc sĩ  
Chi Tâm và sư cô Chân

Không một số bài nhạc  
Phật giáo mà thấy một  
sáng tác. Hôm sau, tại  
nhà hát lớn Palais de  
la Mutualité trước 2200  
người Việt Nam có đại  
trình diễn bài Ý Thức Em  
Mặt Trời Tô Bạng của  
Thiền Sư Nhất Hạnh và  
Bài Hát Triêu Ẩm của  
nhạc sĩ Bửu Bắc sáng tác.  
Giọng hát của Hà Thanh  
rất trong, rất thanh và  
khi cất lên cao vút thì lại  
thật ấm và ngọt ngào, tỏa  
lan... ngân xa như những  
tiếng chuông hay nhất xứ  
Huế.

Suốt trong những năm  
1990 đến 2000 khi Việt  
Nam còn cấm đoán nhạc  
vàng, Phật tử hay chuyển  
nhà nhưng băng cas-  
sette pháp thoại của thầy  
và rất ngạc nhiên thích  
thù được nghe Hà Thanh  
hát những bài như Quay  
Về Nương Tựa, Tiếng  
Chuông Chùa Cổ, Ba Sự  
Quay Về, Đây là Tịnh Độ,  
Ý Thức Em Mặt Trời Tô  
Bạng, Cấn Trọng, Trầm  
Hương Đốt, trước và sau  
các bài giảng.

Năm 1997 Tâm Ca Lăng  
Tân Già Trần Lục Hà - Hà  
Thanh tiếp thọ 14 giới

xem tiếp trang 26



Phổ", thân phụ của chị Hà Thanh, với dung mạo uy nghi, thường cầm cân nảy mực cho cả dòng họ, nay lại cho phép chị Hà đi hát công khai trên đài phát thanh, thì quả là một cuộc "đại cách mạng" trong quan niệm truyền thống con mang nhũu đình kiến của đất lề quê thói rất Huế đương thời.

Ngày đó, khu nhà vườn cổ kính ở mè này nhánh sông Hương nối liền với sông An Cựu nắng đượ mưa trong, ngó qua mè bên tè sông là trường Pellerin vẫn thường được giới nam nhi Huế róng và Huế "bộu" -- bắt chước Lan Đình gọi là "Vườn Thuý Hạnh" [2 "] -- vì một nhà mà có nhiều hơn cả "ngu long công chúa", đều mang tên chữ có bộ thảo và rất chi là... tương Đông ông bướm đi về mặt ai: Tô Cẩn, Hà Thanh, Phương Thảo, Liên Như, Thuý Vy, Bạch Lan, Hoàng Mai.

Đời nghệ sĩ của Hà Thanh bắt đầu từ năm 1953, lần đầu đài Phát Thanh Huế mở một cuộc tuyển lựa ca sĩ với quy mô lớn. Anh Trần Kiêm Tỉnh biết có em gái mình có giọng hát hay quá nên đã dắt em đi thi. Điều kiện ghi danh dự thi là phải từ 15 tuổi trở lên. Ngày đó, Lục Hà, có nư sinh ao trắng non bái thơ Huế mới 14 tuổi, nên phải "kiếm thêm một tuổi trời cho" nửa mới đủ tuổi dự thi và kết quả đứng đầu cuộc thi. Tuy ông cụ thân sinh chị Hà Thanh là người theo Tây học với tinh thần cởi mở phương Tây, nhưng "phương Tây Huế" thuộc vẫn còn trong màu mực nho phong. Nhạc

sĩ Ngô Ganh là giám đốc đài phát thanh Huế đương thời, phải dùng uy tín của mình đến nhà nần nỉ, rằng: "Học hành thì đưa nào học chẳng được, nhưng con cái tài của cháu Hà Thanh là một tài năng độc đáo, có giá trị trong cả nước Việt Nam. Nếu không cho đi hát thì tài năng sẽ bị mai một đi, ướng lảm." Ông cụ nghe lời mình giải hợp lý nên cho đi hát ở đài phát thanh mà thôi, không hát ở phòng trà hay sân khấu. Từ đó, tiếng hát Hà Thanh đã vọng ra xa hơn bên ngoài rào dậu Vườn Thuý Hạnh.

Người ta vừa thưởng thức giọng hát thanh thoát, mượt mà (uuyển thanh) như tiếng sông Hương đang lên của Hà Thanh; nhưng đồng thời cũng vừa quan sát năng ca sĩ xứ Huế đo như một hiện tượng. Nói về giọng hát thiên phú của Hà Thanh đã có rất nhiều văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ... nhiệt thành khen tặng. Một vị thầy âm nhạc của tôi ở trường Ham Nghi Huế là nhạc sĩ Văn Giảng (cung kỳ tên là Thông Đạt, tác giả Ai Về Sông Tương...) đã cho rằng, Hà Thanh là một ca sĩ tiêu biểu của Huế. Chị có một giọng hát thanh tao, quý phái với mức thể hiện cường độ và trường độ âm thanh vừa vận, diễn cảm tuyệt vời. Đặc biệt là nhưng luyện lạy mềm mại rất có hồn và gợi cảm trong tiếng ca. Luyện lạy mà không làm điệu tới mức uốn lượn quanh co thành ra làm đang tình diễn là nét độc đáo nhất trong tiếng ca Hà Thanh.



Hình 6 chị em. Từ trái sang phải : Hà Thanh, Tô Cẩn, Thanh Nga, Lệ Quy, Từ Chi, Phương Thảo

Nhân dạng, điệu bộ trình diễn và phong cách sinh hoạt đời thường cũng như trong hội diễn văn bï xem là một "đại nghiệp dĩ" của người ca sĩ. Nếu như nói theo Đào Uyên Minh, nhà phê bình nghệ thuật đời Loan khi nhận định về Quynh Dao, thì phong thái của một nghệ sĩ là "sự biểu hiện cụ thể của một chuỗi phản ứng tâm lý có điều kiện khi tài năng thiên phú đối mặt và tương tác với trình độ giáo dục, hoàn cảnh xã hội và xu hướng nghệ thuật của thời đại" [3] thì quan niệm này có vẻ sát hợp với Hà Thanh. Chị sinh ra và lớn lên ở Huế. Huế được người đời nhớ nhung và yêu thương không chỉ vì Huế đẹp, Huế thơ mà còn vì Huế là vùng đất của nhiều tài trời ạch nước; chịu nhiều oan khiến và đổ vỡ tan tác từ thuở công chúa Huyền Trân đổi mình cho Huế, ao xiêm phiêu bạt về Chiêm quốc. Cho nên,

hầu như tất cả nghệ sĩ xứ Huế đều không có sự biểu hiện táo bạo, vô bô, chính phục để cuốn hút khách thưởng ngoạn qua đường về bên ngoài. Đây cũng là cảm nhận của Thu Bồn, một nhà thơ xứ Quảng: "... sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu."

Nhà thơ Nhất Tuấn, tác giả "Chuyện Chung Minh" vang tiếng một thời, nói về Hà Thanh như sau: "Tôi có dịp gặp Hà Thanh khi làm quản đốc đài Phát Thanh Quân Đội (1968) tại Sài Gòn. Hà Thanh lúc đó hát rất hay và xuất hiện thường xuyên trên các đài VOF, Mẹ Việt Nam, đài Sài Gòn, đài Quân Đội. Hà Thanh càng ngày càng nổi tiếng. So với những ngày còn ở Huế, sự giao thiệp của Hà Thanh có phần bạo dạn hơn đôi chút, nhưng vẫn còn dè dặt và giới hạn lắm. Thời này Hà Thanh hát nhiều bài của Nhất Tuấn

do Phạm Duy, Đan Thọ, Hoàng Lan phổ nhạc. Đặc biệt là Hà Thanh hát rất nổi tiếng nhưng nhạc phẩm của Nguyễn Văn Đông và nhạc tiền chiến của Đoàn Chuẩn, Từ Linh. Bài nào Hà Thanh hát lên cũng làm người nghe rung động vì khi hát nàng để hết tâm hồn vào lời thơ, ỹ nhạc của tác giả muốn gửi gắm trong bài. Hà Thanh như 'nhập' vào bài hát để diễn tả, để làm toát lên giọng Huế rất dẽ thương." [4]

Tác giả Chuyện Chung Minh mô tả Hà Thanh: "Dáng người thanh tú, cao cao, nụ cười vui tươi luôn nở trên môi với nét mặt rạng rỡ. Tính nết Hà Thanh nhu mì, hiền dịu, khác biệt trong giới nghệ sĩ." [5]

Và nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đã "phong Huế" cho Hà Thanh, rằng:

xem tiếp trang 25

# THƯƠNG TIẾC

Chị HÀ THANH  
TRẦN THỊ LỤC HÀ  
Pháp Danh TÂM TÚ

Đã an nhiên xả báo thân  
ngày 1 tháng 1, 2014  
tại Brookline, Massasuchettes, USA

Toàn thể gia đình Hoa Đàm  
thành kính chia buồn cùng Tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Chị **TÂM TÚ**  
SIÊU SINH CỤC LẠC QUỐC ĐỘ.





Ellora Caves, Aurangabad, India  
(Photo: Lata Jambhale)

# THE BUDDHA-LAND AS PRESENTED IN THE VIMALAKIRTINIRDESA-SUTRA\*

Most Ven. Prof. TUE SY

## I. THE NOTION OF A BUDDHA-LAND

Rarely does genesis have significance in the teachings of the Buddha, although it was challenged more than once by His disciples. Buddha refused to reveal the problem since it is of no use for leading to the ultimate aim, and partly because of the shortness of human knowledge unable to cover the infinity of time and space. Nevertheless, whenever the question of the origin of castes and social inequity arose, the revelation of Buddha is unambiguous. Variety in the world is caused by the very deeds of sentient beings. Human life is but a stage in the endless evolutions and revolutions of living. Up to a definite point of time, individuals come to recognize the presence of others not only in their physical existence but also with their emotions and thoughts. This gives rise to the consciousness of rivalry. Struggle for life took place among members of the primordial community who accidentally lived together in a limited geographic area sharing a common identity, facing the scarcity of external materials on which the satisfaction of their wants and needs depended. People were then aware of the fact that one man's gain is the loss of others. Fight for gathering natural resources was getting more and more intense as the population was growing thicker and thicker. Social conflict

had to be dealt with and the primitive government was constituted under the arbitration of a Mahasammata. Land was then distributed by hypothetical social contract or taken by force. New classes gradually emerged firstly with land-owners or kshatriya and eventually with the oppressed ones.

Conflict within and without communities in the struggle for life, in fighting for the possession of land, is the premise of the notion of nation. Conventionally the term nation denotes a large community of people, usually sharing a common history, culture and language, and living in a particular territory under a single sovereign government. Substantially it also implies the notion of social harmony which developed into the idea of a prosperous Kingdom ruled over by a Cakkavartin in which people live accordance with dhamma and ten categories of good deeds are universally practiced.

Overall, the highest ideal nation is the one that is presided by an Enlightened One not as a Monarch who is the absolute sovereign ruling over and served by its people but as a Supreme Leader who leads people to lofty aspirations for wisdom and liberation. The notion of a Buddhaksetra, or Buddha-land, was thus conceived.

It is, however, with this conception, Buddha-land can be by no means visualized in common sense. That means it is unes-

sential to suggest that the notion of Buddha-land should imply the principles of territory, people, and government, in spite of the fact that such a land is generally believed by Buddhist followers to be reigned by a Buddha. According to traditions in Buddhism, especially in its later development, there have been existing numerous Buddha-lands in infinite space. This gives rise the idea that a Buddha-land must be confined in a boundary so as to be differentiated from the others.

It is much arguable over the fact that Buddha very often refused to reply the question whether the world is finite or infinite. Yet, in their philosophical treatments of the Buddha's teachings, Buddhist scholars did not hesitate to work it out at a speculative manipulation to discard the only universe that was ever created and reigned over by a Supreme God or Absolute Brahma. In the infinity of time and space-there existed, will exist, and is existing-a countless number of Enlightened Ones. Notwithstanding that there would be never the appearance of two Buddhas in the world, i.e. in the same time.

What is, then, the formation of the world implied in the conception of the Buddha-land?

The Sanskrit/Pali equivalent of the word world is loka which in Buddhist cosmology signifies both the world of living beings

(Skt. sattvaloka) and the receptacle-world (bhajanaloka), or a sphere comprised of air, sun, moon, stars, oceans, continents, and so on, in brief, a system of world, in which sentient beings are born, grown up, dissolved and reborn, in accordance with levels of consciousness and karmic retributions. A thousand worlds as such form a small chiliocosm; and a thousand small chiliocosms form a medium chiliocosm; and a thousand medium chiliocosms form a great chiliocosm or trisahasra-mahasahasralokadhātu, which thus consist of 1,000,000,000 small worlds or systems of world. A great chiliocosm is a Buddha-world in which the physical world is governed by a universal law and sentient beings can be led to wisdom and liberation under a universal doctrine of a Buddha. Each Buddha-world has its own principles of origination and operation. In our present world namely Saha-lokadhātu enlightened by Buddha Sakya-muni, for instance, all of his teachings have been spread and practiced by means of sound; whereas in the Buddha-world of Fragrance as taught in the Vimalakirtinirdeśa the way of spreading Buddha Gandhottamakuta's teachings is by fragrance. Moreover, all sentient beings in the Saha-lokadhātu live on four kinds of food, of which the first one is digested in stomach; but fragrance is the only "food" for sentient beings in the Fragrance-world.

In this connection, a Buddha-world should be considered to be a land with its own attributes in regard to physical conditions, even a territory with its boundaries, forms of beings, various states of suffering and happiness, and so on.

## II. THE CONSTITUTION OF A BUDDHA-LAND

In its earlier development when Buddhism was essentially impressed with the monastic life, the Buddhist ideal world was embodied in the image of a vast Kingdom, reigned over by the Cakkavartin, extending from end to end of the earth, conquered not by sword but by righteousness. Later, as the Mahayana developed, the Cakkavartin's Kingdom was replaced by the ideal of Buddha-land. The replacement can be conceived as the transition from the ideal of the good monarchism to a democracy at a time when lay Buddhists claimed their attainment of the highest goal in their very worldly life. The term democracy used in this context should not be understood to mean a form of government ruled by people. In its broadest sense, it implies a non-state nation, a Buddha-land, presided over but not ruled by a Buddha, the Enlightened One, in the sense that every sentient beings, or more substantially, all its citizens, are blessed with favorable conditions to practice the Way that

leads to the final deliverance, and endowed with the possibility of attaining enlightenment.

However, Buddha-land is not taken for granted as an act of providence or a wonderful world wrought out by the grace of Buddha. It is the perfection of the great resolute vows devoting oneself to the happiness and welfare of others, after a long process through myriads of aeons of the purification of mind.

# 1. Purification of Sentient Beings and Their Environment

As stated in the *Vimalakirtinirdesa-sutra*, when entreated by Ratnakara to elucidate the constitution of a Buddha-land, the Buddha is supposed to give a definitive answer that "The sentient beings' world is the Buddha-land of a Bodhisattva." (*Skt. sattvaksetram kulaputra bodhisattvasya*.) As has been said, a world is treated by Buddhist scholars to be composed of two spheres: *sattvaloka* and *bhajanaloka* or the world of living beings and their environment. It is from this view that commentators on the Sutra have presented the significance of a Buddha-land.

In his commentary K'uei-chi, a Chinese scholar, describes two types of Buddha-lands, (a) Secular Land, consisting of *sattvas* and *bhajanaloka*; and (b) Sacred Land, consisting of Bodhisattvas and their Prodigious Realm. In his words, "No separated land exists apart from sentient beings. As sentient come into existence their environment is present. As sentient beings become Bodhisattvas, their land is transformed into a Prodigious Realm. A bodhisattva's original vow is to lead sentient beings to the transcendental world. It is not that the receptacle-world is directly converted into the pure land." (Taisho 38n1782, p.1023b1.)

Thus, a bodhisattva's pure land is in its essence the very land of sentient beings. Yet, whether the land is pure or is pure or impure depends totally on the characteristics of

sentient beings living in it. As a corollary, the object of a realization is the concrete world consisting of sentient beings and their environment. That is to say, he must try his best to provide them with any possible conditions for practicing Buddha-dharma and developing their good qualities (*kusala-mukha*) into a firm foundation of true happiness. In reality, unless a Bodhisattva can help sentient beings purify their minds, he fails to purify their environment, and unless he improves their living conditions, he cannot help them purify their minds. This mutual relation is essentially beyond the reach of thinking. For this cannot exist without that, and vice-versa.

In order to help sentient beings transform their minds such that they can attain to a pure Buddha-land, a Bodhisattva carries out his vow in two ways, based upon the development and benefit of sentient beings, and the arising of their pure qualities. In a Chinese translation of the Sutra by Hsuan-tsang these ways are determined; but they are combined into one in Kumarajiva's translation: "The Buddha-land that a Bodhisattva vows to establish depends on the type of sentient beings instructed." (Taisho 38n1782, p.1023b7.)

In order to improve sentient beings' environment, a Bodhisattva establishes a Buddha-land according to three standards: (1) land suitable for sentient beings to control themselves, that is, training their minds easily; (2) land suitable for them to penetrate Buddha-wisdom; (3) land suitable for them either to develop their Bodhisattva qualities, as in Kumarajiva's translation, or to perform their noble conducts, as in Hsuan-tsang's translation.

# 2. Qualities of a Buddha-land

Compassion and wisdom, vows and practices are the virtues of a Bodhisattva in the course of cultivating and spreading his ideal. With wisdom (*prajnaparamita*) he can penetrate into the essential of

Being, source of suffering and happiness, so that he can easily sympathize with sentient beings' various states of mind. With compassion (*karuna*) he makes his greatest efforts to bring about the benefit and happiness for sentient beings. Accordingly, his resolute vow (*pranidhana*) is to set forth a form of Buddha-land suitable for various capabilities and tendencies of different types of sentient beings. And from this very vow he plans out his conducts (*carya*) elaborately. Thus, vows and conducts may be regarded as causal conditions, taken to be the guiding principle of a Bodhisattva's noble mission.

In Kumarajiva's translation the seventeen conducts a Bodhisattva should perform are three minds (*citta*), six perfections (*paramitas*), four boundless states of mind (*apramana-citta*), and four principles of harmonization (*sangraha-vastu*). In Hsuan-tsang's translation there are eighteen conducts. The difference is in that the three minds mentioned in the former translation are replaced by the four categories of land.

# a. Three Minds and four categories of land

Regarding the three minds Kumarajiva's translation says, "(1) 'Righteous mind' is a Bodhisattva's pure land. When a Bodhisattva gets perfectly enlightened, those sentient beings who have abandoned flattery will be born there. (2) 'Profound mind' is a Bodhisattva's pure land. When a Bodhisattva gets perfectly enlightened, those beings who are possessed of virtues will be born there. (3) Bodhi-mind is a Bodhisattva's pure land. When a Bodhisattva gets perfectly enlightened, those beings that are practicing Mahayana teaching will be born there."

The implications and mutual relations of these minds are explained by Ji-zang as follows: "Sentient being are attached to being (*bhava*); Sravakayana and Pratyekabuddhayana incline towards non-being (*bhava*). All of

their minds are 'crooked'. Bodhisattvas, who concentrate their mind on right insight, are called 'righteous'... To arouse bodhi-mind is the starting-point, that is, beginning with right insight. When right insight. Becomes much more penetrating, it is called 'profound mind'; that is to say, it is too deep and firm to be moved. ... In order to set foot on a large way it is necessary for a Bodhisattva to keep his mind righteous. Then he can carry out his conducts. Once he is capable of performing his conducts perfectly, he can move everything towards the site of enlightenment, which is the very meaning of Bodhi-mind" (Taisho 38n1781, p.928b19)

In Hsuan-tsang's translation the minds just cited are presented in terms of the four lands: (1) Land of Bodhi-mind: the one in which all beings arouse the mind towards enlightenment. (2) Land of Noble intention: the one formed by the pure noble intention of a Bodhisattva. When he realized the perfect enlightenment, those beings that are honest and innocent will be born in this land. This corresponds with 'Righteous mind' above. (3) Land of Good Application: the one formed due to the efforts to cultivate good qualities that have never been known or possessed before. (This is not mentioned in the former translation.) (4) Land of Transcendent Intention: corresponding with "Profound mind" mentioned above. When a Bodhisattva gets perfectly awakened, sentient beings possessed of good virtues will be born there.

b. Six Perfections (Paramitas): charity or generosity (*dana*), morality (*sila*), endurance (*ksanti*), energy (*virya*), meditation (*dhyan*a), wisdom (*prajna*). According to K'uei-chi the function of all the six paramitas is to help a Bodhisattva develop his "dwelling in tranquility" or calming the mind (*samatha*), and abandon all hindrances to attain to perfection.

c. Four Boundless States of Mind (*apramanacitta*): boundless loving-kind-

ness (*metta*), boundless compassion (*karuna*), boundless joy (*mudita*), boundless equanimity (*upeksa*).

d. Four Principles of harmonization (*sangraha-vastu*): (1) *dana* or generosity; (2) *priyavadi* or kindly speech; (3) *artha* or conduct for the benefit of other; (4) *samanarthata*, equality with himself or impartiality.

e. Other Conducts: skillful means (*upaya*), thirty-seven members leading to the attainment of enlightenment (*bodhipaksika-dharma*), four boundless states of mind, and four principles of harmonization, all belong to by the same category called "the statement of starting points." (According to K'uei-chi's commentary)

f. Three Conducts: preaching the release from eight unfavorable condition in which it is difficult to practice the Buddha-dharma (*astav aksanah*), observing disciplinary rules, and the ten good deeds (*dasakusalamapatha*), all belong to the category called "Tranquility." (Also by K'uei-chi) It should be noticed that all the conducts mentioned in Hsuan-tsang's translation point to varied forms of Buddha-land established by the above-mentioned conducts of a Bodhisattva, not to those in the ordinary sense of the term.

May 15, 2007

# MOST VEN. PROF. TUE SY

Most Ven. Prof. Tue Sy, former editor of *The Light*, a renowned Buddhist magazine published by Van Hanh University, now known as Vietnam Buddhist University. He is a Buddhist philosopher, the most well-known among Vietnamese community worldwide. He has translated *The Agamas* into Vietnamese and authored more than 20 scholarly books on Mahayana philosophy and Vinaya.

\* Buddhist Contributions to Good Governance and Development The 4th International Buddhist Conference on the United Nations Day of Venice and the Auspicious Occasion of His Majesty the King's 80th Birthday Anniversary at Sunbarnatben, Nathean Pathem and United Nations Conference Center, Bangkok, Thailand 24-29 May 2006/2007



Topay Night shop with the Sri Suktan Caves, An 80 (Photo: Eusebio/Unesco)



tiếp theo trang 7

Tượng nhà Phật Trung Huỳnh Ai Tông trong một chùa ở quê hương của ông (Ảnh: tác giả cung cấp)

## NGƯỜI NỬA RA ĐI

minh. Anh nên đi dự, để thăm anh Phan luôn. Nếu bỏ qua cơ hội này, anh về Mỹ. Anh Phan giữa tư chúng ta, anh hơi không kịp!

Nhờ có chị Xuân Hoa báo tin, tôi lại thông tin cho Trần Đình Hưng, để rồi hai anh em cùng đi dự lễ. Khi lễ xong, lúc mọi người ra về, anh mệt nên đã nằm nghỉ, tôi cảm thấy hơi thăm anh, anh nhận biết, lập lại lời tôi:

- Ái Tông mà! (Tôi đáp: - Phải! Em định đến thăm để đôi món nợ duyên Truyện Kiều anh hứa tặng em mấy năm trước đó mà! Nay mừng anh đã được thăng cấp. Anh mỉm cười và nói, có phần lạc giọng: - Anh vẫn nhớ đến Tông.

Hôm nay, Trần Đình Hưng báo tin qua điện thư: Gửi anh... tđh

Ps: sáng nay hay tin... cụ HT cấp Dung Lê Cao Phan đã qua đời tại nhà riêng. Tang lễ tổ chức ở chùa Vạn Phước, Q11. Thành phố HCM.

Trương Nhuận Pháp Lê Cao Phan, một Huỳnh Trường Cấp Dung nửa đã ra đi, tôi chợt nhớ tới Nguyễn Hữu Chánh Đức nói với tôi:

- Bà em cũng là Huỳnh Trường Cấp Dung, không thấy anh ghi trong danh sách của anh trên Mạng, để em gửi cho anh bản Copy.

Cả anh Lê Cao Phan tôi vẫn chưa cập nhật, tôi tự hứa sẽ làm trong này mai, đó cũng là để vinh danh người Huỳnh Trường.

Đối với những Huỳnh Trường đàn anh, ở Saigon như anh Võ Đình Cường, Nguyễn Hữu Huỳnh, Nguyễn Văn Thục ..., có lẽ anh Lê Cao Phan dành cho tôi một chút duyên văn nghệ, đàn hát cho tôi nghe, chỉ tôi cách quan sát, ghi chép của nhà văn. Nhưng rất tiếc, tôi chưa học được chút nào tài hoa của anh. Nay thì anh đã thánh thót về nơi đất Phật.

Louisville, Jan, 2nd, 2014

## PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BUDDHISM IN VIETNAM - LE BOUDDHISME AU VIETNAM  
Kính tặng Hội Nghị Phật Giáo toàn quốc Huế - 1951

*Marcia* Lê Cao Phan 1951

Phật Giáo Việt Nam thống nhất Bắc Nam Trung từ nay Một  
Bud-dhism's now from three re-gions uni-fied Let's  
Est u-ni-fi-că Le Boud-dhism'en trois ré-gion Que

lòng chúng ta tiến lên vì Đạo thiêng Nào cùng vui  
in be-lief go a-head for the same That every  
pour La foi on marche corp et âme Heu-reux de

trong ánh Đạo vàng rực ngời bốn phương Vang ca đón  
where Bud-dha's torch's in great lights Let's sing to Wel-  
voir La torch' à quatr' hor-ri-zons - Qu'on chant'en chœur

chào Phật Giáo Việt Nam Noi tâm gương Ngài Thích Ca giải  
come Bud-dhism in Viet-nam A-long with Bud-dha who re-  
le Boud-dhism'au Viet-nam A l'ins-tant de Boud-dha qui

thoát chúng sinh Chúng ta dốc lòng nguyện cùng gieo  
deems hu-man lives Let's in be-lief go-a-head  
sauve les vies Que de tout coeur on chasse maux



## "THE PATH TO WELLNESS"

The mission of my pharmacy is to provide medication for the patients and the proper counseling and education to ensure proper usage of medicines. We highly emphasize on understanding of diseases and proper way to take medications.

**TAO**  
**WELLNESS**  
Pharmacy

16931 Bushard st. fountain Valley, Ca 92708 714-593-5654

# CHUYỆN BÀ THỊ KÍNH

## VÒ OPERA VN ĐẦU TIÊN TRÊN SÂN KHẤU MỸ

ANVI HOÀNG / www.vietbao.com



## The Tale of Lady Thị Kính

P. Q. Phan

7, 8, 14, 15

8PM | 2014



IU OPERA theater | 2013/2014 SEASON

music.indiana.edu/operaballet

Lady Thị Kính: Áp phích chính thức của vở Chuyện Bà Thị Kính do tác giả Jacobson.

Vở opera "Chuyện Bà Thị Kính" (The Tale of Lady Thị Kính) của nhà soạn nhạc P.Q. Phan (Phan Quang Phục) là vở opera lớn về văn hóa Việt Nam đầu tiên của nhà soạn nhạc người Mỹ gốc Việt được dàn dựng quy mô và chuyên nghiệp trên sân khấu Mỹ.

"Chuyện Bà Thị Kính" được sáng tạo dựa vào cốt truyện của vở chèo "Quan Âm Thị Kính" - một câu chuyện mà hầu như người Việt Nam nào cũng biết hoặc nghe qua ít nhất, dù ít người biết cặn kẽ tất cả các chi tiết đặc sắc của nó.

"Chuyện Bà Thị Kính" / The Tale of Lady Thị Kính sẽ được mở màn tại sân khấu lớn của trường nhạc Jacobs tại trường đại học Indiana University vào ngày 7, 8, 14, 15 tháng 2 năm 2014.

Về quá trình sáng tạo "Chuyện Bà Thị Kính" là câu chuyện về quá trình thăng hoa trở thành Phật của một cô gái trẻ. Thị Kính lấy chồng để cha được yên lòng. Sau đó bị đuổi khỏi nhà chồng vì sự hiểu lầm, Thị Kính phải giả trai đi tu ở chùa. Tại đây, Thị Kính, nay là Tiểu Kinh Tâm, lại bị cô Thị Mầu láng ló 13

tuổi tàn tật, và sau đó bị Thị Mầu đổ oan cho là cha của đứa bé trong bụng mình. Về chùa, Tiểu Kinh Tâm lại mất nơi nương náu vì Sư Cụ không thể che chở cho Kinh Tâm nên cùng đuổi Kinh Tâm ra khỏi chùa. Nghĩ đến nhưng oan trái trong đời mình, Tiểu Kinh Tâm lần nữa chấp nhận hy sinh để cho người khác được sống yên ổn. Tiểu Kinh Tâm quyết định bỏ đứa bé con Thị Mầu ra đi tìm đường sống mới. Sau ba năm ăn xin ở chợ, đứa bé đủ lớn, con mình thì kiệt sức và đói khát, Tiểu Kinh Tâm chết đi để lại một lá thư kể rõ mọi

chuyện. Cảm động trước sự hy sinh quên mình của Thị Kính, Đức Phật tôn bà làm Phật bà Thị Kính.

The Tale of Lady Thị Kính là một câu chuyện đầy tình nhân bản phổ quát (universalism) về tình yêu, sự độ lượng (compassion) và sự hy sinh không giới hạn (selflessness), được viết lại dựa vào cốt truyện của vở chèo Quan Âm Thị Kính bắt nguồn từ thế kỷ thứ 10. Tuần bản chèo xưa đã được phát triển, nhiều chi tiết được thêm bớt suốt lịch sử biểu diễn của nó để thích nghi với môi trường và điều kiện biểu diễn ở từng nơi. Tiếp nối truyền

thống này, P.Q. Phan đã viết nhạc, dựng lại tuần bản, và đặt tên tiếng Anh mới cho vở opera của mình là The Tale of Lady Thị Kính - tiếng Việt là Chuyện Bà Thị Kính. Để làm cho câu chuyện thích hợp với truyền thống opera của châu Âu, trong quá trình sáng tạo, nhà soạn nhạc đã phải lược bỏ một số nhân vật hay được yêu thích đối với người Việt như Cụ Đồ, Cụ Hương, Thầy Bói; một số đoạn chèo cuối không có ý nghĩa trong văn hóa châu Âu. Tuy nhiên, ông giữ lại nhưng chi tiết gây cười mà người phương

xem tiếp trang 22

tiếp theo trang 3

## HẠNH NGỘ ĐẦU NĂM

cạnh anh với cặp mắt đỏ hoe báo tôi biết "Ba nội qua đời rồi chú à".

Anh trao cho tôi vài tấm hình của Vũ chụp vào tháng 6, 2003. Tôi hồi hồi nhìn ảnh Vũ. Tôi không nhớ chính xác mình viết bài thơ ngày nào nhưng chắc cũng vào thời điểm đó. Khi viết bài thơ, tôi đoán chừng tuổi Vũ và cô linh cảm Vũ đã qua đời nên mới có hai câu cuối cùng "Nơi Vũ ở không bạc tiền vẫn sống / Nền hương lòng con trả Vũ bằng thơ". Vì thấy một số khá đông người cũng đang chờ gặp tôi nên anh và các cháu vội chào từ giả. Khi anh và các cháu đi rồi tôi mới chợt nhớ ra mình sơ sót, chưa kịp hỏi Vũ mất ngày nào và chôn cất ở đâu.

Tôi mang tấm ảnh về lại Boston và trưng bày trang trọng trong website của tôi với hàng chữ: "Vừa chính thức biết tin Vũ đã qua đời, chúng con, cụu sinh viên đại học Vạn Hạnh thấp nền hương lòng tưởng niệm Vũ. Dù không dạy môn nào và chưa hề đi học ở Vạn Hạnh, Vũ đã là một phần của huyện thoát Vạn Hạnh".

Tết Dương Lịch năm nay, tôi trở lại Atlanta lần

nữa để tham dự một sinh hoạt của bà con Quảng Nam Đà Nẵng. Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng ở Georgia tròn 15 tuổi. Khi tôi vừa bước xuống khỏi sân khấu sau khi phát biểu vài lời, một chị khoảng ngoài 60 tuổi đến gặp tôi và tự giới thiệu là con gái đầu của Vũ, chủ quán cà phê đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng. Tôi thật mừng. Lần trước gặp con trai của Vũ và nay thì được gặp con gái Vũ. Chị đến tìm tôi không phải chỉ vì tôi là tác giả bài thơ, điều đó chị và gia đình đã biết, nhưng quan trọng hơn, ngày Tết Dương Lịch cũng là ngày giỗ của Vũ. Chị gặp để mời tôi đi ăn giỗ Vũ. Tôi rất vui đón nhận một nhân duyên thật tốt lành vừa đến.

Khi tôi đến cả gia đình rất mừng như đón một người thân vừa từ xa trở về trong ngày giỗ Vũ. Tấm hình trên bàn thờ chụp khá lâu nên rất giống Vũ thời còn vắt vẻo ngoài hẻm 220. Vũ mất vào ngày cuối năm của 2003 và được an táng ở Atlanta. Gia đình cho biết, Vũ ngã bệnh sau lễ Giáng Sinh, được đưa vào bệnh viện, chỉ 5 ngày thì Vũ ra đi trong nhẹ nhàng thanh thản. Sau hơn 35



Thư viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn (Ảnh: Hòa Nguyên)

năm, sợi nhân duyên kỳ diệu đã nối kết chúng tôi lại với nhau dù ở một nơi cách con hẻm 220 Trương Minh Giảng nhiều ngàn dặm và trong hoàn cảnh kẻ con người mất.

Tôi cũng gặp lại cô bé bụng cà phê cho chúng tôi mới sáng, bây giờ, đương nhiên không còn là cô bé nữa. Chúng tôi không nhận ra nhau vì ngày đó cô mới khoảng 13, 14 tuổi. Thời gian đã phủ nhiều bụi trắng lên mái tóc của mỗi chúng tôi nhưng kỷ niệm thì không. Chúng tôi và các anh chị trong gia đình đều nhớ rõ từng chi tiết của một thời thanh xuân nhưng cũng đã

sóng gió đã qua.

"Cô bé" kể lại nhưng ngày còn khỏe Vũ thường nhắc đến chúng tôi, không phải do chuyện nợ nần đã trở thành sương khói mà bởi vì chúng tôi là một phần trong đời sống vui buồn của Vũ. Sau Mậu Thân, tại đầu con hẻm 220 Trương Minh Giảng, bên hông đại học Vạn Hạnh, là nơi Vũ đã cất lên chiếc quán cà phê bằng hai tấm ván nẹp-lông nối hai đầu một chiếc xe đạp. Quán không có tên. Chúng tôi cũng không biết tên thật của Vũ nên chỉ gọi là Cà Phê Bà Vũ. Mà dù có biết tên thật, theo truyền thống Vạn Hạnh,

có lẽ chúng tôi cũng đã gọi bà là bà Vũ như chúng tôi gọi Hòa Thượng Viện Trưởng là ông ngoại. Cả hai cách gọi đều có tình gia đình, rất gần gũi, rất thương yêu nhưng không thiếu phần tôn kính.

"Cô bé" cũng kể, trước ngày đi khỏi Việt Nam Vũ đã xé bỏ cuốn sổ "Đoạn Trường" ghi ngang dọc mấy trăm tên con nợ, dĩ nhiên trong đó có tên tôi. Thật ra, nợ tiền nhà và cơm thức ăn nhiều nhưng nợ cà phê cà pháo thường không là bao nhiêu. Con nợ của Vũ đã

xem tiếp trang 16



# LỄ CHIÊU HỒN

**HOÀNG LONG**

[www.tienve.org](http://www.tienve.org)

Bao giờ cũng vậy. Cứ đến cuối năm anh lại làm một cuộc kiểm kê, một sự thanh lọc, một sự tưởng niệm cho mình. Thường là với một ly rượu nhỏ, một lon bia lạnh hay đôi khi bên một ấm trà. Anh tắt đèn cho xung quanh chìm vào bóng tối yên lặng. Và rồi tâm thức anh bắt đầu sáng lên, nổi bênh bồng trong đêm rồi tuôn chảy lãnh đãng trước mặt như một dải ánh sáng vàng. Những khoảnh khắc, những hình ảnh, những cảm giác, những vết đau xưa hay niềm bình an hiện tại đều lần lượt hiện ra rõ ràng. Và nền của dòng tâm thức ấy chính là những con chữ anh đã viết ra, có khi cho xuất bản, có khi cho ngủ yên trong ngăn bàn thảo và có khi anh còn để yên trong tâm trí. Những hình ảnh và tư tưởng hiện ra sống động trên nền những con chữ, trôi chảy êm ả như sông lặng lẽ. Cảm giác thật tuyệt. Như thế anh gấp quyển sách của người khác lại để



Behind the lens NGUYEN VIET 2012

đọc chính mình. Và những trang sách hồn người lần lượt mở ra phơi bày bao nhiêu nỗi niềm đã được cô đúc lại thành con chữ. Chưa bao giờ anh hối tiếc mình là một nhà văn. Nhờ viết mà anh thực sự sống sâu thẳm cuộc đời của mình, tròn đầy trong chính tự thân. Khi được ký thác vào ngôn ngữ, những nỗi niềm đó là bất tử. Anh thả bay đi từng chút hỗn phách, máu thịt cũ của mình để cho chúng mang đời sống khác để anh có thể sống trọn vẹn và tái sinh những khoảnh khắc mới trong đời mình. Cứ như thế mãi. Và đến cuối năm, anh lại nhớ về những mảng hỗn phách cũ đã ra đi để mình có thể trưởng thành, già dặn hơn trong hiện tại. Anh vô cùng biết ơn chúng. Chính vì vậy mà anh trang trọng thực hiện điều này như một nghi lễ cổ xưa, một sợi dây duy nhất gắn kết với anh từ nhỏ đi suốt đến bây giờ. Sự bình an của những buổi chiều niệm như vậy là không có gì thay thế được. Đó chính là lễ chiều hồn của riêng anh.

SG, ngày 25/12/2013

**HOÀNG LONG**

## HẠNH NGỘ ĐẦU NĂM



Binh Internet

số là sinh viên đến từ các tỉnh. Dân cơ gia đình ở Sài Gòn như tôi chỉ thiếu u một vài ngày là trả hết. Tôi còn nhớ rất rõ, số nợ là cuốn vở xich-lô 100 trang, trên gáy vở Vu coi một lỗ nhỏ và móc vào đó một sợi dây. Vu treo "cuốn số đoạn trường" trên đầu xe đạp để vừa khỏi bị ướt và vừa dễ lấy xuống khi cần.

Nhìn cuốn số đang đưa nhưng tên thiếu nợ nhiều chỉ thăm mong nước sôi vắng trung tên mình. Mỗi khi kỳ số bọn tôi còn phải giúp Vu đo tên con nợ. Nhiều đưa biết chính xác tên mình được Vu đánh vần sai ra sao, viết màu gì và nằm trong trang thư mấy. Bên kia đường cũng như chung quanh chợ Trương Minh Giảng có nhiều quán cà phê khàng trang hơn và ngày cả phòng ăn của trường trên lầu hai cũng sạch sẽ hơn, nhưng như một thói quen chúng tôi chỉ thích chen chúc nhau ở quán cà phê của Vu.

Ngày đó Trung Tâm Ngôn Ngữ đã xây xong nhưng hàng rào thì chưa. Chúng tôi ngồi dọc theo nhưng cột xi-măng chạy từ đường Trương Minh Giảng cho đến tận bên trong hẻm. Nhưng chiếc bàn sắp đặt theo bờ tường xi-măng vẹo. Buổi tối Vu không đẩy xe về mà chỉ hạ hai tấm nỉ-lông xuống che chiếc xe chất đầy bàn ghế. Tôi hay chọc Vu cười và thường phàn nàn khi Vu quên chấm một chút bơ vào lỵ cà phê sữa nóng của mình nên nếu con sống có thể Vu nhận ra tháng

sinh viên ốm yếu có giọng Quảng ôn ào ngày xưa.

"Cô bé" kể cho lần Vu về Việt Nam và ghé thăm góc hẻm 220 đầy kỷ niệm. Cả gia đình Vu ngồi ngày tại nơi chúng tôi đã ngồi ngày trước. Vu không nói ra nhưng hẳn đã thăm tự hỏi "không biết đám sinh viên nghèo đói bây giờ ra sao".

Tôi chưa về nhưng cũng đã nhiều lần ngồi như Vu để lắng nghe từng giọt cà phê đen nhỏ xuống đôi mình và cùng băng khoăn tự hỏi "không biết Vu gia xưa bây giờ ra sao".

Quán cà phê của Vu tuy không nằm trong khuôn viên trường và hẳn nhiên không thuộc quyền quản trị của Hội Đồng Viện nhưng mỗi khi nhắc đến trường cũ, chúng tôi không quên nhắc đến quán cà phê trong cùng một cảm tình như khi nhắc đến thư viện, thiên viện, phòng văn mỹ nghệ, trung tâm sinh hoạt sinh viên, trung tâm ngôn ngữ, giảng đường 18, giảng đường 19. Trên nhưng chiếc ghế vuông nhỏ nhoi đó, nhưng sinh viên Vạn Hạnh, từ nhưng nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn, nhưng cây vợt bóng bàn nổi tiếng cho đến nhưng người ngày đó không ai biết như tôi, đã ngồi, đã đứng dậy và ra đi theo chọn lựa riêng của mình. Dù góc biển chân trời, và ngày cả dù không cùng một chi hướng, trong lòng vẫn còn một chút tình giữ lại cho nhau, tình Vạn Hạnh.

Ngày Tết Dương Lịch ở Atlanta, tôi thấy mặt bạn bè, thấp nền hương trước ban thờ hương linh Vu và thưa nhỏ "Con đến thăm Vu".

Tôi thật xúc động, không phải vì đau buồn mà vì nghe từ đây lòng mình đang dâng lên một niềm vui rất lạ. Cả gia đình với rất đông con cháu của Vu cùng thế. Chúng tôi kể nhau nghe nhiều chuyện vui như cô Vu đang ngồi đầu đó trong phòng, lắng nghe và mỉm cười.

Vu đã ra đi. Vắng, một ngày nào đó tôi cùng thế, nhưng sợi dây nhân duyên không vì chuyện sống chết mà đứt đoạn. Sợi dây tình người đã và đang nối dài từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho quê hương và cho dân tộc Việt Nam.

Tôi có ý định ra thăm mộ Vu nhưng hôm đầu gió Vu trời mưa quá lớn. Nhìn nhưng hạt mưa rơi trên đường về lại hội trường, tôi chợt nghĩ, nhưng giọt nước kia phải chăng đã một lần nhỏ xuống tấm nỉ-lông che quán cà phê nghèo nàn của Vu ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, đã hòa vào dòng kinh đến Nhieu Lộc, đã trôi xa, bốc thành mây và cuối cùng đã tìm được ra nhau giữa xứ người xa lạ trong buổi hạnh ngộ đầu năm. Và tôi chợt nhớ thơ thiết một quán cà phê khác, trong một thành phố khác.

TRẦN TRUNG ĐẠO

## NHỚ CAFE BÀ VU Ở ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

TRẦN TRUNG ĐẠO

Cuốn vở xich-lô dày đúng 100 trang  
Ghi ngang dọc mấy trăm tên con nợ  
Cỏ con nợ đã bỏ đi  
Cỏ con nợ còn ở lại  
Cỏ con nợ vừa trả xong  
Cỏ con nợ ... cười trư.

Cuốn Sổ Đoạn Trường trông cung dẻ thương  
Nhưng cỏ khỏi kể chưa nhìn đa sọ  
Thăm ước:  
"Tôi này trời mưa trời dầm ông con số nợ  
để sang mai ông hiên ngang làm lại cuộc đời."

Nhưng chiếc ghế thấp, bàn vuông,  
chen lấn nhau ngồi  
Trung bình một tách Cafe, 4 bình trà nóng  
Vu vẫn vui như người mẹ hiền kiên nhẫn  
Gắng gương nhìn đàn con (nợ) kỳ số mỗi ngày.

Nhưng con nợ nghèo nhưng thích sống trên mây  
Nợ Vu trả chưa xong đã bán nợ nước  
Chưa ra khỏi nhà đã tả cánh núi rừng  
xuôi ngược  
Và túi chưa xong nhưng toan tính chuyện và trời.



Tương lai cut dần như con hẻm 220  
Quả khứ đen như con kinh Nhieu Lộc bốc mùi  
hút quanh năm suốt tháng  
Chiều mưa lớn nước ngập  
chân cầu Trương Minh Giảng  
Hai tấm nỉ-lông  
không đủ che quán Vu nghèo nàn.

Nhưng đưa con (nợ) của Vu ngày nào  
Lần lượt đi xa  
Đưa xuống phố làm quan  
Đưa lên rừng làm giặc  
Đưa làm báo, làm văn, làm nhạc, làm thơ,  
làm tiền, làm luật  
Đưa thích đấu tranh nên được làm tù  
Buồn cuộc đời cũng có đưa đi tù.

Đôi lúc tình cờ như nhưng chiếc lá thu  
Đám con (nợ) trở về thăm  
Ngo hẻm con đường  
Quán Cafe đã vắng  
Nước vẫn chảy qua cầu Trương Minh Giảng  
Mà Vu gia xưa như mấy trắng phương nào.

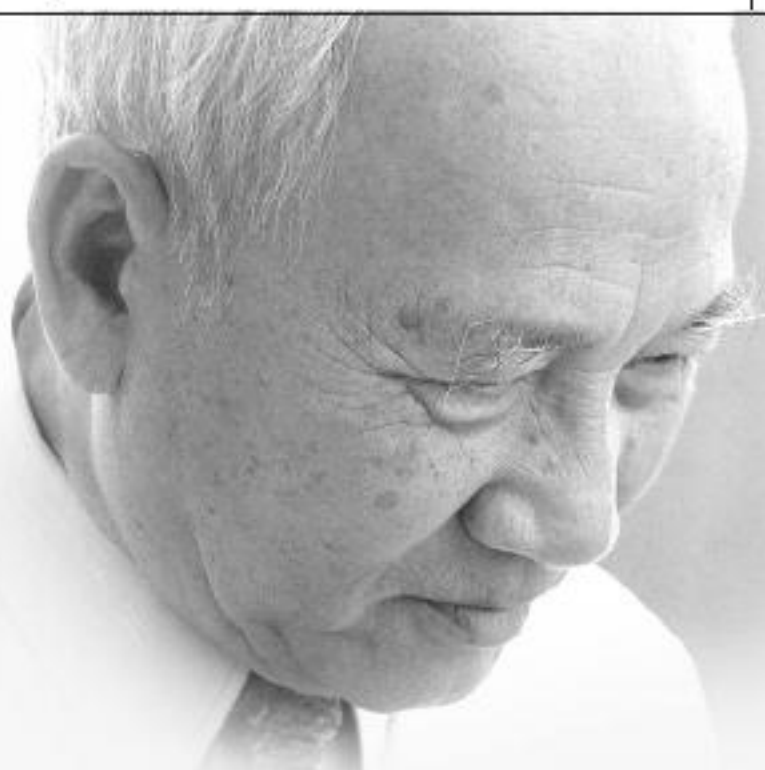
Nhưng con nợ nghèo giờ biết ra sao  
Cỏ con nhớ một thời ao com lặn lội  
Nhớ Thiên Viện, Thư Viện, Giảng Đường,  
người yêu, bè bạn  
Nhớ người đi và nhớ kẻ không về  
Tiếng nhạc buồn, ai hát để ai nghe?

Cuốn vở xich-lô dày đúng 100 trang  
Cho con trả Vu hết cả lời lẩn trốn  
Vu mỉm cười: "Nai Vu ở không học tên  
văn sống"  
Nền hương lòng, con xin trả Vu bằng thơ.

NHỜ ĐẦU DÂN TỘC VIỆT VẪN CÒN  
SAU NGÀN NĂM BẮC THUỘC?

ĐỪNG VỮNG  
NGÀN NĂM

tác giả NGÔ NHÂN DUNG



NOT ONLY "GREAT BOOKS"

NGƯỜI VIỆTshop

www.nguoi vietshop.com

LET'S ORDER NOW

# LƯỢC SỬ GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

[ tiếp theo kỳ trước ]



Bach Latet met

Từ những năm 1933, không phải chỉ riêng ở Huế mới có Ban Đồng Ấu Phật Tử, mà ở Bắc và các tỉnh miền Trung, (miền Nam, không nghe nói đến) đã có những "dạng tổ chức" này ở các hội và chi hội Hội Phật Học. Ở Huế có nhạc sĩ Bửu Bặc, ở Bắc có đạo hữu Công Chấn; (các tỉnh khác miền Trung, tôi không thấy ở đâu có ghi lại tên các vị phụ trách ấy, nhưng ở chi hội nào cũng có một "Ban" như vậy; riêng ở Đa Lạt thì tôi còn nhớ là anh Cương, con trai lớn của bác Phó Hội Trưởng Chi Hội An Nam

Phật Học Đa Lạt tại chùa Linh Quang (19340 - Bác Vô Đình Dung làm hội trưởng.

Mặc dù các "Ban" này chưa có một hệ thống liên lạc như một tổ chức thiết thực; có thể nó là tự phát ở từng địa phương, nhưng hình thức "sinh hoạt" đều na ná giống nhau; có lẽ nhờ qua tạp chí Viên Âm(?) hay nhờ các thầy, trên đường đi hoằng pháp, đã truyền đạt lại kinh nghiệm(?)

(Phản sau này, được lược trích, từng đoạn ở nhiều trang khác nhau trong

Việt Nam Phật Giáo Sử Luận - Nguyễn Lang - La Bối xuất bản, in lần thứ nhất - Paris, 1985 - Tập 3, liên quan đến Ban Đồng Ấu, để làm cơ sở tài liệu)

Trong phần ghi chú (số 18) - nói về Ban Đồng Ấu tham gia lễ Phật Đản 1935 tại Huế - trang 49: "Ban Đồng Ấu Phật Tử này gồm có 52 em vừa Nam vừa Nữ, huấn luyện tại chùa Phước Điền. Nhạc sĩ Bửu Bặc phụ trách dạy nhạc cho các em. Bài "Hát Triều Âm" do Bửu Bặc sáng tác là bản nhạc lễ Phật giáo đầu tiên viết bằng phép ký âm tây

phương. Bài này sau được Gia đình Phật hóa phổ biến lược hóa và trở thành bài "Trầm Hương Đốt." Tuy "Trầm Hương Đốt" dễ hát hơn Hát Triều Âm, nhưng tinh chất lễ nhạc dân tộc và Phật giáo trong bài Trầm Hương Đốt bị hy sinh đến quá nửa. Thật là một điều đáng tiếc. Lời của Hát Triều Âm như sau:

Trầm Hương đốt, xông ngát mười phương  
vạn vạn khói kết mây lạnh cung đường  
cầu cầu xin lên kim đài quang minh  
ngôi đền Tuệ soi sáng cùng quán sinh  
Vội vội đài sen uyển chuyển hào quang  
Quý tâm quý dưới kim dung ngọc Tướng huy hoàng  
Kính dâng hồng diệp lên hoa muôn cánh  
Chúng con tâm thành xưng tụng vô lượng hồng danh  
hoàng đạo diệu huyền đa lan truyền nơi cùng nơi  
đều nhờ chân lý phá vô minh thoát luân hồi  
nguyện cầu quán sinh lý con đường làm mẹ  
màu màu thành đạt tam diệu tam bồ đề  
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Bài hát "Hát Triều Âm" sau này cũng đã được chỉnh tác lại, Nhạc sĩ Bửu Bặc chỉnh sửa lại và đổi tên thành bài "Trầm

Hương Đốt" được Gia đình Phật hóa phổ biến và sau này Gia đình Phật tử truyền hát đến ngày nay. Sau đây là bài "Trầm Hương Đốt":

Trầm hương đốt xông ngát mười phương  
Nguyện nguyện kính Đức Nghiêm từ vô lượng  
Cầu cầu xin chúng tâm thành chúng con  
Vạn vạn khói kết mây lạnh cung đường  
Đạo nhiệm màu đa lan truyền nơi cùng nơi  
Nhờ chân lý chúng sanh đều thoát luân hồi  
Đóng qui kinh qui dưới đài sen  
Dâng hoa thơm tinh khiết màu thơm tui canh  
Đài quang minh vạn huy hoàng trang nghiêm  
On mười phương đều nguyện hào quang an lành  
Nhìn Đạo uyển chuyển soi khắp cùng quán sanh  
Phật Đạo đồng cùng nhau tu tỉnh tấn mau viên thành  
Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Còn tiếp)

Tài liệu sơ khảo của **TÂM LẠC NGUYỄN VĂN HỤC**  
nguyên Ủy Viên Nội Vụ Ban Hướng Dẫn Trung Ương GĐPT Việt Nam.

tiếp theo trang 1

## THẾ GIỚI PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

thuật. Tuy nhiên thực tế thì nó cũng không có khác biệt gì so với Phật giáo ở những địa vực khác. Cơ bản vẫn là,

- Quy ỹ Tam bảo (tib. dkon mchog gsum): Phật, Pháp, Tăng
- Bồ-đề tâm (tib. byang chub kyi sems) là tâm nguyện cứu chúng sinh thoát khỏi khổ đau
- Lợi tha (tib. gzhan don) là tâm nguyện vì hạnh phúc tha nhân hơn bản thân mình.

Nói chung vẫn thuộc về Phật giáo Đại thừa phổ biến. Vậy có khác biệt gì với Phật giáo Việt Nam?

- Khác biệt với Phật giáo Việt Nam

Vấn đề xác định thời gian Phật giáo truyền vào Việt Nam vẫn đang còn tranh cãi, tuy nhiên có thể tạm chấp nhận khoảng thế kỷ II, bằng qua một cuộc lưu dạt đặc từ Phật giáo phát khởi ở Ấn Độ đã truyền vào Việt Nam. Ngược lại, tuy Tây Tạng đất liền đất với Ấn Độ nhưng mãi đến thế kỷ VII, Phật giáo mới đến được đây và sang thế kỷ VIII mới bắt đầu truyền vào một cách chính thức. Như vậy điểm khác biệt đầu tiên giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Tây Tạng là kinh kệ và thời kỳ

truyền vào.

Con về kinh điển thì đối với Việt Nam, Phật giáo truyền vào thông qua bộ lọc văn minh Trung Quốc không lỗi, kinh điển toàn bộ được Hán dịch. Lợi điểm chính là do sẵn có nền văn minh cao độ mà Trung Quốc đã làm phong phú thêm nội dung kinh điển bằng những chú giải độc đáo riêng một. Ngược lại, lợi điểm đối với Tây Tạng đó là hoàn toàn vô cấu miên nhiễm. Và chính vì coi công việc phiên dịch kinh điển được viết bằng ngôn ngữ Ấn Độ là sự nghiệp quốc gia mà Tây Tạng đã sáng tạo ra văn tự của riêng họ, dốc lòng phiên dịch nguyên điển một cách trung thực. Do đó, sau khi Phật giáo bị diệt vong ở Ấn Độ thì kinh điển còn ở Ấn Độ thì kinh điển gần với nguyên điển nhất được lưu giữ tại Tây Tạng.

Thời kỳ Phật giáo du nhập Tây Tạng thì đối với Ấn Độ đã kinh qua mười thế kỷ kể từ khi Phật giáo dần sinh, bước vào thời đại Hậu kỳ Mật giáo phát triển tinh chu thuật, tinh thần bị chủ nghĩa. Cũng do Tây Tạng kế thừa trung thực Hậu kỳ Mật giáo mà trên bích họa tự viện Tây Tạng có vẽ Phán Nộ Tôn hình dung kỳ quái, hay hình của Hoan Hi Phật



trong tư thế nam tôn nư tôn ôm chặt, mang đến hình ảnh của một Tà giáo yêu ma.

Hiền giáo

và Mật giáo (Tantra Phật giáo)

Hiền giáo (giáo pháp của đức Phật được phổ biến rộng khắp) đó là nguyên liệu hay nguyên nhân, còn Mật giáo (giáo

pháp bị mật huyền diệu mà thường thế gian không thể nào nắm bắt) là để làm cho nó hoàn thành. Hiền Mật khi trở nên một với nhau thì có

xem tiếp trang 15

# BAY VÀO VÔ TẬN NHẤT NGUYÊN

UYÊN NGUYỄN

Niệm ma-ta một niệm  
Ôn phước gặp ma-người  
(tr.73)

Nhiều người nói thơ Nguyễn  
Lương Vy khó đọc.

Ma khó đọc thật!

Từ Hoa Âm Huyền Âm Tĩnh Âm  
Thất Huyền Âm, thơ Vy là tiếng  
rống người-ma. Ma ở coi sống  
nói tiếng của mình. Người nghe  
nhưng không thể hiểu. Không  
hiếu, sao vẫn thấy thấm thía?

Câu thơ này kiến khổ  
Li đơn chơ âm rung  
chơ nát tan tri ngộ  
chơ ngắt gió loạn bùng  
một cu nháy sau cùng.  
(tr.9)

Bảy giờ, mới đọc chín khổ thơ  
đầu trong tập Năm Chữ Năm  
Câu, thấy Vy không nói thơ, mà  
nói Kinh (kệ), chờ cho đến ngày  
siêu thoát. Thoát ra khỏi chốn  
rày rứt ngòm-người.

Người đọc quen nghĩ, cu nháy  
tiền liệu cho một trận thập từ  
nhất sinh chăng? Vì thi sĩ thấy  
đôi trong bệnh; trong mắt thấy  
mộ; trong thơ thấy đạo, thấy  
mọi thứ vô biên trùng trùng. Cu  
nháy như vậy không chỉ vượt  
qua theo nghĩa đã tới được rồi.  
Mà cu nháy đẩy người bay lên,  
bay vào vô tận nhất nguyên.  
Thấy trụ là vô trụ. Thấy ma là  
người, thấy người là bỏ tất hóa  
thần, đạo là giải thoát.

1.  
nhìn trong thơ thấy đạo  
nhìn trong đạo thấy thơ  
nhìn trong thơ thấy đạo  
nhìn trong đạo thấy mình  
có-không thiết rồi rạo...

2.  
nhìn trong em thấy mệnh  
nhìn trong mệnh thấy đôi  
nhìn trong đôi thấy bệnh  
nhìn trong bệnh thấy lời  
lời lời ám ru quê nh...

3.  
nhìn trong mưa thấy nắng  
nhìn trong nắng thấy giông  
nhìn trong giông thấy mộng  
nhìn trong mộng thấy mỏng  
mỏng bóng bay lóng lộng...

4.  
nhìn trong vườn thấy ruộng  
nhìn trong ruộng thấy nương  
nhìn trong nương thấy ruộng  
nhìn trong ruộng thấy đường  
đường thương tâm đã ruộng...

5.  
nhìn trong cây thấy lá  
nhìn trong lá thấy sông  
nhìn trong sông thấy cá  
nhìn trong cá thấy lòng  
ôi sợi lòng điên da...

6.  
nhìn trong hạt thấy mầm  
nhìn trong mầm thấy mộ  
nhìn trong mộ thấy âm  
nhìn trong âm thấy số  
ôi tượng số điếc cảm...

7.  
nhìn trong tim thấy mắt  
nhìn trong mắt thấy người  
nhìn trong người thấy ngòm  
nhìn trong ngòm thấy trời  
trời ơi chơ thiết bọm...

8.  
nhìn trong hồn thấy vía  
nhìn trong vía thấy âm  
nhìn trong âm thấy lửa  
nhìn trong lửa thấy đàn  
đàn không dầy chơ chang...

xem tiếp trang 22



q & p 2014

Đối với tôi, là độc giả lâu năm của thi sĩ Nguyễn Lương Vy (NLV), ông là người sống rất khép kín, gần như độc cư. Ông sống rất nặng tình với Thơ, với từng con Âm, con Chữ. Hầu như trong tất cả các tập thơ trước của NLV, chúng ta đều thấy có chữ "Âm" trong đó. Sau một thời gian dài độc cư tu Tâm, tu Âm và tu Chữ, trong tập thơ mới này, với cấu trúc 100 bài năm câu năm chữ, NLV đã thấu hết nội lưu 75c, thực hiện "bước nhẩy sau cùng" ở cấu số năm để tự mình bước tới "bỏ hương chín". Nơi đó, những bài thơ của ông hoá thân thành búp hoàng lam "vàng cam trên bến lạ" khiêm cung bên ghénh đá ven đường, thân mang kiếp mỏng manh vô thường, nhưng hát bài ca thiên thu vô ngôn. Nhưng con âm kiên khổ chấp nhận sự ngộ nhận nhất thời vẫn "gõ ghém gửi sơ đầu" để mà "hỷ vọng còn gặp nhau" nơi bỏ hương chín! - (LÊ ĐĂNG KHOA, trích lời Bạt)

Liên lạc tác giả: [nguyenluongvy@yahoo.com](mailto:nguyenluongvy@yahoo.com)

tiếp theo trang 17

## THẾ GIỚI PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

khả năng thành Phật, cho nên không tu tập Hiến giáo mà chỉ thực hành Mật giáo thì không thể thành Phật. Nói cách khác Hiến Mật là bất khả phân.

Mật giáo hình thành từ rất nhiều nghi lễ tượng trưng và tu hành minh tướng độc đặc, chính những thứ này khiến người ta nghĩ rằng đó là đặc trưng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng xét cho cùng thì Mật giáo có cơ sở của Hiến giáo. Giáo điển của Mật giáo gọi là Tantra.

Hoan hỉ Phật  
Hoan hỉ Phật

### Luân hồi và Phật sống tái sinh

Tất cả mọi chúng sinh, do hành vi thiện-ác ở đời trước mà lập đi lập lại sinh tử vô hạn trong 6 thế giới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-là, nhân, thiên). Hệ con sinh ra là thứ mang sinh mệnh thì mọi khổ đau còn leo đeo theo sau. Thoát khỏi vòng luân hồi gọi là giải thoát, giác ngộ.

Trong 6 thế giới (lục đạo) chỉ có là con người mới có thể tu hành nhằm tới giải thoát, bởi vậy sinh ra làm người được coi là cơ hội quý trọng.

Chế độ Phật sống tái sinh rất đặc trưng ở Tây Tạng, khi có một vị cao tăng qua đời, người ta sẽ tìm đưa trẻ tái sinh của vị đó, giáo dục rồi cho kế tục. Chính vị cao tăng để lại lời tiên tri sẽ tái sinh ở đâu, rồi dựa trên thông điệp thần thánh đó mà tìm kiếm.

Vị cao tăng thực sự giải thoát, coi như không tái sinh ở thế giới này nữa,

nhưng vì phát nguyện chúng sinh đang còn trôi nổi trong mê lầm mà tái sinh trở lại, việc này cũng dựa trên giáo pháp luôn coi trọng lợi tha của Phật giáo Đại thừa.

Đại biểu cho vấn đề Phật sống chính là Pháp vương Dalai Lama, ngài được coi là hóa thân của Quán âm Bồ-tát.

### Bön giáo

Khi nói về Phật giáo Tây Tạng, hay rộng ra là Văn hóa Tây Tạng thì không thể không nói đến Bön giáo (tib. bon chos). Bön giáo là một thứ tập đại thành của tín ngưỡng dân gian đã có ở Tây Tạng từ trước khi Phật giáo truyền đến. Ngay ở Tây Tạng hiện tại đã hoàn toàn thấm đẫm Phật giáo nhưng nếu nói đến nguồn cội thì Phật giáo là thứ du nhập còn Bön giáo mới là tông giáo cổ xưa của dân tộc Tây Tạng.

Bön giáo được khai tổ Tonpa Shenrab Miwoche (tib. ston-pa gshen-rab mi-bo-che) ở núi Kailash (tib. gangs rin po che, skt. Kailāsa Parvata) phía tây Tây Tạng truyền xuống. Nói về đặc trưng của Bön giáo đó là Shamanism (tức một kiểu vũ thuật, đồng bóng) tín ngưỡng vào tự nhiên thần và địa

mẫu thần, thực hiện chu thuật và cầu đảo. Được cho là tương tự với Thần đạo (Shinto 神道) của Nhật Bản.

Khi Phật giáo truyền vào Tây Tạng thì Bön giáo yếu thế và sau đó Tây Tạng trở thành quốc gia Phật giáo. Tuy nhiên vì là tín ngưỡng dân gian nguyên thủy và ảnh hưởng của nó đã quá ăn sâu cho nên yếu tố của Bön giáo vẫn còn đậm màu trong hội hè nghi lễ.

Hiện tại, với tư cách một tông phái, Bön giáo đối kháng với Phật giáo, hoàn chỉnh giáo pháp và trở nên khó có thể phân biệt được với Phật giáo.

Tonpa Shenrab Miwoche Tonpa Shenrab Miwoche Một vài điểm khác biệt giữa Phật giáo và Bön giáo.

1. Trọng tâm giáo lý của Phật giáo cũng như Bön giáo đều là cứu tất cả nhưng thứ cơ sở sống ra khỏi khổ đau. Giống như Phật giáo, trong Bön giáo cũng có Trung quán luận, Duy thức luận, Vu trụ luận và Giới luật. Nhìn lướt qua hẳn ai cũng thấy Phật giáo và Bön giáo rất giống nhau, tuy nhiên, điểm khác biệt lớn nhất nằm ở truyền thống và hệ phả của hạt phôi. Phật giáo là tôn giáo do Thích-

cơ mẫu-ni sáng lập ở Ấn Độ, ngược lại Bön giáo khởi thủy từ Tonpa Shenrab Miwoche cách đây 18 ngàn năm.

2. Dấu hiệu cát tường trong Phật giáo là 卐 (tib. yung drung), còn trong Bön giáo là 卐

3. Trình tự đi hành hương quanh thánh địa, tự viện: Phật giáo vòng theo hướng phải, Bön giáo vòng theo hướng trái.

4. Chân ngôn thường tụng của Phật giáo là Om mani padme hum, còn Bön giáo là Om ma ri mu ye sa le du.

Tự viện chủ yếu của Bön giáo truyền thống là chùa Menri (tib. sman ri, xây dựng năm 1405) và chùa Yungdrung Ling (tib. g-yung drung gling, xây dựng năm 1843), cả hai đều ở phía đông huyện Shigatse. Tuy nhiên, do hầu hết các vị chỉ đạo đứng đầu đã lưu vong sang Ấn Độ cho nên thực chất tổng bản sơn hiện tại là chùa Menri ở Doranji thuộc bang Himachal Pradesh phía tây bắc Ấn Độ.

NGUYỄN TIÊN YÊN



## IM LẶNG

Tinh mạch cũng làm cho đêm càng thêm sâu thẳm. Thường khi không có biên giới giữa đêm và sự tĩnh mịch. Cái gì vô hạn thì có thể hòa lẫn vào nhau. Cái gì tự khép trong giới hạn của hình tượng và tiếng động thì dù bé nhỏ, cũng trở thành ngăn ngại, cản trở, đứng chặm, xô xát nhau.

Vậy nên, học bất học của đêm và sự tĩnh mịch chính là học về sự bất động của hình sắc và âm thanh. Học cách thể trả lời và phản ứng của vô hạn. Cũng có nghĩa là học im lặng.

Nếu ai cũng nói nhiều, hãy im lặng.  
Nếu ai cũng im lặng, hãy im lặng.  
Nếu có người chửi mắng mình vô cớ, hãy im lặng.  
Nếu có người chửi mắng mình hùa lỵ, hãy im lặng.

Nếu có người khen tặng, tán thưởng mình, thật hãy giả vờ, hãy im lặng.  
Nếu có người hiểu mình, hãy im lặng.  
Nếu có người không hiểu gì mình cả, hãy im lặng.  
Nếu có người thương mình mà không nói, hoặc đã nói ra, nhưng mình lại chẳng biết nói gì để đáp lại, hãy im lặng.  
Nếu mình thương người qua đời mà e rằng không thể biểu lộ hết bằng lời, hãy im lặng.  
Nếu kẻ ấy hiểu lắm mình đủ thứ chuyện mà mình không thể giải thích thỏa đáng, hãy im lặng.  
Nếu lời yêu thương nói ra không biết có đúng lúc

không, hãy im lặng.  
Nếu lời yêu thương nói ra biết chắc là đã đúng lúc, hãy im lặng.  
Nếu người ấy đẹp quá, chẳng bắt mực nào tả xiết, hãy im lặng.  
Nếu ai đó làm cho mình nhớ nhung thất cả tim, xiêu cả óc, hãy im lặng.  
Nếu người kia xấu nét quá, chẳng ai trên đời có thể chịu nổi, hãy im lặng.  
Nếu người nọ hăm danh và phở trương quá, hãy im lặng.  
Nếu kẻ ấy thường dối trá, hãy im lặng.  
Nếu kẻ kia thường nói lời trung thực, hãy im lặng.  
Nếu người nọ khiêm cung, lễ độ quá, hãy im lặng.  
Nếu lời của kẻ ấy chẳng đáng lọt vào tai, hãy im lặng.  
Nếu lời của người kia đáng để lắng nghe chiêm nghiệm, hãy im lặng.  
Nếu thực sự chẳng có gì đáng để nói, hãy im lặng.  
Nếu thực sự cần nói, hãy im lặng.  
Nếu cả thế giới đồng lúc khóc rống lên, hãy im lặng.  
Nếu cả thế giới đồng lúc cười rộ lên, hãy im lặng.  
Nếu cả thế giới đồng lúc im lặng, hãy im lặng.

Thế thì còn trường hợp nào, con con người nào trong cuộc đời này có thể làm cho người lên tiếng, hơi người học sự im lặng của đêm sâu tĩnh mịch?

Ừm, câu hỏi khá học bua và buồn cười đấy nhỉ!

Im lặng.

VĨNH HẢO



Ảnh: Internet

## THÊM MỘT VÌ SAO VỪA LỊM TẮT

Sau sự rơi bỏ thế gian của thiên tài âm nhạc Huỳnh Anh vào ngày 12 tháng 12 năm 2013 đến sự nhắm mắt xuôi tay của người em, người bạn trẻ mà đời sống âm nhạc của anh đã luôn lưu thấm sâu vào từng giọng máu ngược xuôi của người dân Việt tự nạn Cộng sản, và luôn cả muôn triệu con tim con thốn theo nhịp đập con tim còn lại ở Việt Nam. Nhạc sĩ - nhà báo - người điếu khiến chương trình Việt Dzong, đã ra đi vào ngày 20 - 12 - 2013, và sáng nay lại thêm một vì sao phương Đông của khung vườn âm nhạc Hà Thanh cũng vừa lịm tắt.

Sự ra đi của ca sĩ Hà Thanh là một nỗi tiếc cho một người. Không biết cái tiếc nuôi về thanh âm thiên phú mà bồi đời sống nhẹ nhàng của người ca sĩ này. Ngay cả những lúc mà lời ca tiếng hát của cô được mến chuộng nhất,

là lúc mà cô đang ở chót vót của danh vọng thì lúc nào Hà Thanh cũng làm cho cá nhân mình nhỏ lại. Không hơn thua, tranh giành, biết nhường nhịn. Cái cá tính đặc biệt này có lẽ dường như được hun đúc từ cái thành phố Huế dịu êm như dòng sông mà cô đã được sinh ra và lớn lên. Cộng vào đó là tư tưởng Phật giáo đã thấm nhuần vào tâm khảm từ thuở bé cho nên Hà Thanh đã đi vào đời sống thanh thản bằng tất cả thương yêu phát xuất từ cái thuần hậu sẵn có của mình.

Nói đến Hà Thanh thì nhưng vẫn nghệ sĩ, nhưng bằng hữu sẽ nói đến thiên thu tiếng hát tuyệt vời để lại cho dòng đời và về sự hiền dịu của máu người phụ nữ Việt Nam đúng nghĩa này. Hôm nay chúng ta chỉ nhìn lại những năm tháng trong thập niên gần nhất để thấy rằng Hà Thanh dường như đã buông bỏ

bao nhiêu tàn toàn hệ lụy của ta bà đầy chất liệu cuồng toan nầy, lui về ẩn dật quỹ người Phật pháp trong một tu viện nhỏ nhỏ. Sự lặng yên của cô lại tăng thêm bao thương mến kính trọng của bằng hữu, của người ai mộ.

Giọt lệ tiếc thương ca sĩ Hà Thanh vẫn còn vương đọng trên khoé mắt của rất nhiều người Việt Nam trong và ngoài nước. Tiếng hát Hà Thanh vẫn còn vang vọng giữa những khung trời viễn mộng. Chúng ta hãy cùng thấp nhen nhang tưởng nhớ bằng tất cả tín yêu thành khẩn nhất, nhờ gió mây gột về ca sĩ Hà Thanh chút long của người còn lại giữa những hư tạm ô trọc này.

TÂM NGHĨA  
NGÔ VĂN QUY

## LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI HIỀN XỨ ẤN Rabindranath TAGORE

toàn là ác quỷ. Chính chủ trương tranh thủ ôn hòa, tiệm tiến do làm Tagore suýt bị một số Ấn kiều ở San Francisco mưu sát vào năm 1916 khi sang thăm Mỹ quốc.

Năm 1934 ông công khai chỉ trích Gandhi về lời tuyên bố trận động đất lớn ở Bihar (15-1-34) là do trời trừng phạt chuyện đe ép giới tiện dân xứ Ấn.

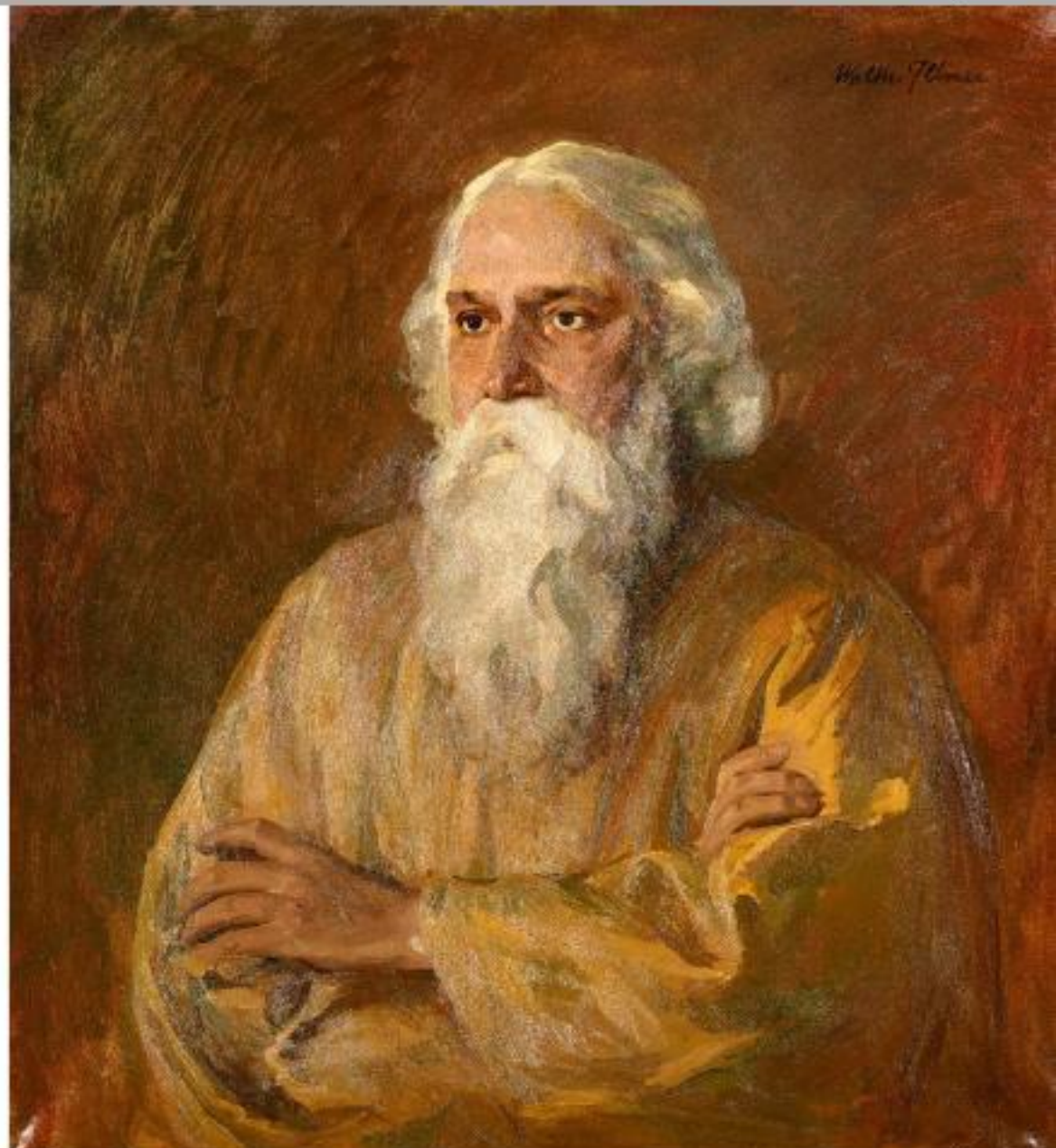
Nhưng, với những bài ca yêu nước, sự từ chối danh tước (knighthood) của hoàng gia Anh ban để chống đối vụ thực dân Anh tàn sát người Ấn năm 1919 ở vùng Jallianwala Bagh, ông được toàn dân Ấn ca ngợi như một người quốc gia yêu nước, và, tuy khác với đường lối của Gandhi, hai người đã bỏ qua dị biệt bất hòa để gặp nhau.

Tagore đã từng can thiệp, mang nước cam cho Gandhi uống, giúp Gandhi chấm dứt tuyệt thực tới chết trong vụ chống phiêu bầu dân biểu riêng biệt cho đẳng cấp bản dân (Dalits - untouchables). Nguyên do thành Gandhi rất lý tưởng, chủ trương tất cả dân Ấn, không phân biệt đẳng cấp đều đi bầu dân biểu Quốc hội chung, nhưng trong thực tế, giới hạ lưu, nghèo đói vốn bị đẩy ra ngoài lề xã hội cả ngàn năm, họ cần có dân biểu riêng để tranh

đấu cho quyền lợi của khối, nếu bầu chung họ sẽ bị giới thượng lưu áp đảo. Thế nên, đáng cấp hạ lưu này với lãnh tụ Dr. Ambedkar đã phản đối Gandhi kịch liệt.

Tagore, với chủ trương nhân ái từ bỏ qua ảnh hưởng Phật giáo và tông môn Baul, coi nhẹ nghi lễ giáo điều Bà La Môn, Tagore yêu mến dân nghèo (họ có khoảng 60 triệu người, làm việc lao động cực nhọc như quét đường, làm ruộng, lái cầu tiêu, họ phải tránh không được để bong mình đe lên người thượng lưu Bà La Môn, không được mặc cùng nước giặt, phải quét sạch vết chân khi đã đi qua)... giới này thường theo Phật giáo và đáng cấp từ xưa, và chính Tagore đã lấy chuyện kinh Phật viết vở kịch Cô gái thư dân Chandalika (Untouchable girl). Theo nhiều học giả Ấn Độ thì danh từ Sanskrit Dalits có gốc là Varna tức color, da màu, có thể do giống Aryans đặt tên này để phân biệt kỳ thị cả 3500 năm nay, còn cổ xưa, 4-5000 năm trước, tinh thần Bhagavad Gita không bao giờ phân chia đẳng cấp.

Chính nhờ những năm trông coi đồn điền của gia đình ở Bangladesh 1890-98, mà Tagore đã có dịp sống cùng giới bình dân,



Chưa đúng: Philosophes Rabindranath Tagore (1861-1941). Tranh của dân của Wally Pfister

nghèo đói, bệnh tật, và ông đã sáng tác rất nhiều truyện ngắn truyện dài mô tả các khía cạnh sống của xã hội hạ lưu này.

Năm 1901 Tagore di chuyển sang Tây Bengal lập tịnh thất (ashram) trường học, thư viện. Năm 1921 Tagore đã cùng nhà kinh tế nông nghiệp Leonard Elmhurst lập Viện Tai thiết Thôn quê gần tịnh thất ở Santiniketan, nhằm

giúp đỡ dân nghèo, như một phương cách canh tân xã hội khác với mô thức Gandhi. Ông lập Đại học Mỏ và Bharati ở Calcutta (The World University of Calcutta) và dần dần tìm nguồn tài trợ quốc tế cho công trình giáo dục có mô dựa trên thực tế sống hơn là sách vở.

Chính Tagore đã đặt danh xưng Mahatma tôn vinh Gandhi (maha là

vĩ đại atma là linh hồn) và Gandhi cũng đã xưng tụng Tagore là Người bảo vệ vĩ đại-The great sentinel- của xứ Ấn. Cả hai vĩ nhân, một người sinh ra ở vùng Đông Bắc Ấn, một người ở vùng Tây Bắc Ấn (Gandhi 1869-1948), cùng học Luật bên Anh, và cùng tranh đấu cho nền độc lập dân tộc theo cách bất bạo động, khôn ngoan, sâu sắc, theo đường truyền thống đạo sĩ cao cả

NHƯNG CHIM ĐÃ GÂY CẢNH

Flog NGƯỜI BUỒN CHƠ

Tôi định không viết gì về anh, mặc dù những ca từ Chút Quà Cho Quê Hương, Lời Kinh Đêm hay Mối Em Về của anh động sâu sắc trong tôi lúc tôi chỉ mới mấy tuổi. Lúc tôi không ý thức nhiều về chính trị, nhưng thân phận con người trong lời ca của những nhạc phẩm mà anh sáng tác thật khủng khiếp. Có lẽ tôi chưa thấy một nhạc sĩ nào vẽ những nét vẽ về thân phận con người mà sự ám ảnh ghê gớm như Lời Kinh Đêm. Nhất là câu hỏi đã điết với trời xanh, biển cả đang lam giống tổ quốc quật nhưng con thuyền mong manh giữa trùng khơi.

Biển ngầy ngầy hay biển man rợ  
Biển có buồn hay biển chỉ lam ngo.

Số di tôi định không viết bất tôi hèn. Tuy rằng trong tâm tâm tôi nếu có dịp sang Mỹ, kiểu gì tôi cũng tìm gặp để chào anh một cái bắt tay. Tôi hèn chẳng phải tôi sợ những người cộng sản đối nghịch với anh, họ làm gì tôi. Tôi hèn vì tôi sợ " một số người " nhưng người đấu tranh dân chủ.

Họ sẽ chửi tôi từ cách gì viết về anh há chẳng oát con Bác Kỵ. Mấy định kháng xê cho bản thân mày à?

Họ chửi bạn tôi hay thẳng em Nguyễn Lân Thắng của tôi như vậy. Chỉ hành động ghê thảm nghĩa trang Biên Hòa, thấp nên hương cho người đã khuất. Nguyễn Lân Thắng bị một số kẻ tự nhận là hậu duệ của quân lực VNCH chửi bới. Họ cho

rằng Nguyễn Lân Thắng không đủ tư cách để thấp hương , để ben máng đến nghĩa trang Biên Hòa nơi những chiến sĩ QLVNCH an nghỉ...Cho nên tôi cũng sợ khi nhắc đến những người như các anh.

Tôi kể sơ qua lý do vậy, chứ tôi có cách thù rồi. Gió viết gì tôi nhận tôi hèn, ngu, lười manh, cơ hội... nhận một lo kịch xống sẵn thế , cho một số nhà " đấu tranh dân chủ " khỏi lo tôi từ cách có hay không. Có chứ tôi thì chả ăn thua vì tôi tự chửi mình trước rồi.

Không biết trình tự của ba nhạc phẩm trên, nhạc phẩm nào có trước. Nhưng cảm nhận của mình tôi sắp xếp trình tự như ở phần đầu. Nhạc phẩm Chút Quà Cho Quê Hương đáng chất, trấn trụ về một sự thật tâm tôi thời bấy giờ trong nước, trong nhạc phẩm ấy tình trạng đói kém và thiếu thốn về vật chất được phác họa không chút che đậy máu me, dăm ba thuốc vãi, chiếc nhún yêu thương, cây bút máy, hộp diêm nhóm lửa, thủ thực khi nghe bài đó. Tôi cũng ước có thân nhân ở nước ngoài để có quà là cây bút máy hay vài chiếc kẹo để ngậm cho ngọt giữa cuộc đời đầy cay đắng và đói khát, thêm thương.

Bởi đến bài Lời Kinh Đêm thật sự tôi không nghĩ đó là cùng một tác giả. Bởi sự trấn trụ cây đắng của Chút Quà Cho Hương lớn quá, khiến tôi không nghĩ nổi một nhạc phẩm đầy chất triết lý về sinh tử, chia ly được ẩn sâu trong ca từ như.

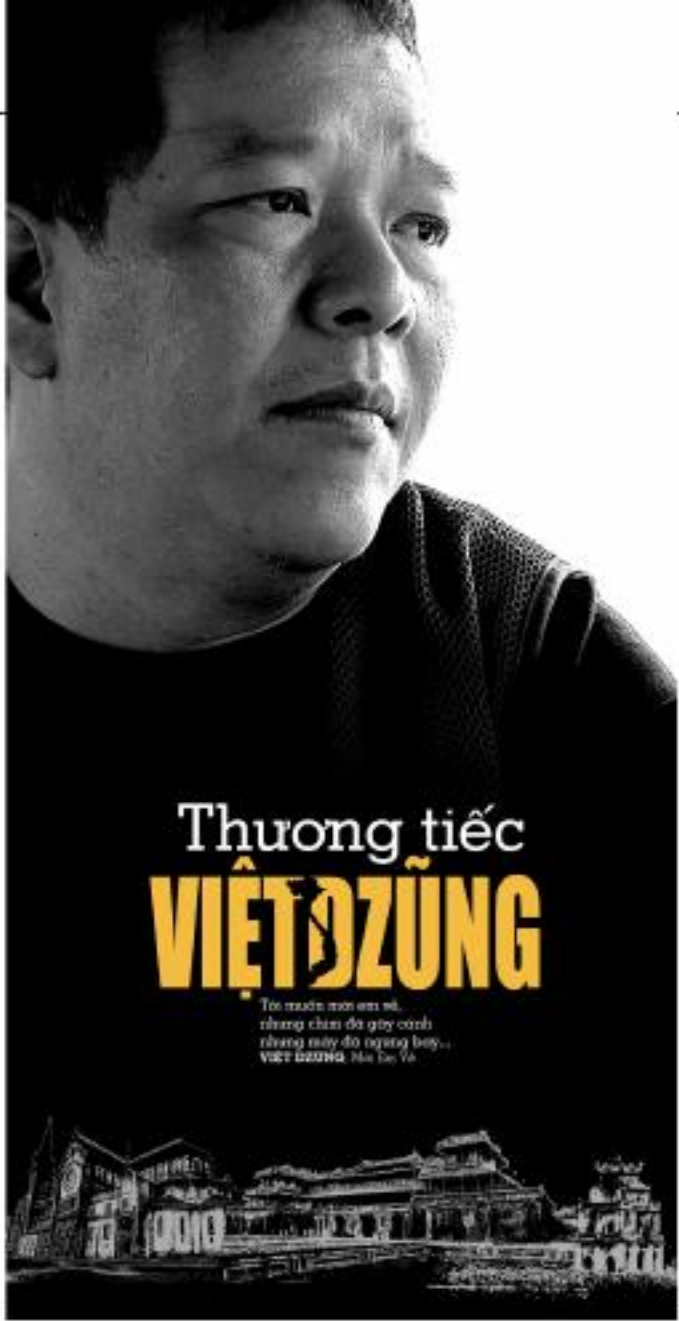
Thuyền bấp bênh cuộc sống mênh mông  
Người buồn xuôi về nơi đây nước  
Người có mộng một năm mơ xanh.

Thật khủng khiếp cho những người vượt biển, người vượt biển khi buồn xuôi về nơi đây nước với ước mơ thân xác mình có một năm mơ xanh có. Như bao nhiêu người chết bình thường khác trên bờ. Người ta có vô vàn ước mơ, nhưng ước mơ chết có được năm mơ thì mấy nhà văn, nhà thơ nào tưởng tượng nổi. Phải chăng chính sự trải nghiệm của mình qua cuộc vượt biển đã khiến cho anh thấu được ước mơ của những người chết đuối trên biển Đông như vậy.

Thế rồi đột ngột nhạc phẩm Mối Em Về tuy có dấu ấn chung về nỗi buồn thân phận lưu vong như hai bài trước, nhưng nhạc phẩm này ca từ lang mạn một cách êm đềm đến dịu ngọt. Tôi cảm ơn anh , mặc dù anh chưa ra Hà Nội lần nào nhưng nét vẽ của anh về Hà Nội, về một bà mẹ Hà Nội tóc bạc ngồi đầu đò đang tụng lời kinh Phật , tiếng Nam Mô buồn. Làm tôi nhớ người mẹ già của tôi vô vàn. Người mẹ già của tôi đã bao lần ngồi đầu đò ở ngôi chùa nào của Hà Nội tụng kinh khấn Phật mong cho tôi thoát được cảnh ngục tù.

Bài hát dịu dàng lắm, này Cổ Ngưu chiếu đổ lá, trong mưa buồn lưa thưa, này phố phường xưa nhưng chiếu mưa phù.

Bài hát mà lời như định mệnh. Mà cả lời của ba



bài hát, có bài nào lời không như định mệnh đâu? Một định mệnh buồn của thân phận tha hương.

Nhưng chim đã gây cảnh Nhưng mấy đã ngưng trời Để cho tôi còn lại nơi này. Mong anh năm yên bình nơi ấy, nếu có dịp mà tôi sang bên đó. Chắc chắn sẽ đến năm mơ xanh của anh để thấp nép hương cho một trong những người nhạc sĩ Việt Nam, đã viết những nhạc phẩm về thân phận con người sâu sắc nhất.

Mong lời ca của anh sẽ khiến những con chim xa xứ không bao giờ mới cảnh ước mơ tìm về với quê cha, đất mẹ. Để chào cánh lượn trên bầu trời Hà Nội, Sài Gòn trong một chiều say nắng.

Chưa buồn với trung tâm Asia đã mất đi một người MC ưu tú, người MC quan tâm sâu sát đến từng diện biến của những người đấu tranh trong nước, nhắc tên những người đấu tranh trên sân khấu giữa hàng nghìn khán giả. Để cho những người yêu nước bên ngoài và những người yêu nước bên trong thấy gần gũi với nhau hơn, gần gũi và hiểu biết nhau hơn. Khoảng trống của anh để lại thật lớn trên sân khấu Asia. Hy vọng những MC như Nam Lộc, Thụy Dương cập nhật tình hình trong nước nhiều hơn và cận kề hơn để lấp khoảng trống mà Việt Dzũng bỏ lại, thiết nghĩ đó cũng là cách tưởng nhớ người nhạc sĩ tài hoa và đầy lòng trắc ẩn, bao dung đó.

LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI HIỀN XỨ ẤN Rabindranath TAGORE

vô biên của hiền nhân Hy Ma Lạp Sơn. Gandhi đã đích thân tới thăm Tagore năm 1940 trước khi nhà thi hào từ bỏ thế gian.

Hai bài thơ phỏng dịch sau đây-Chitto Jetha Bharyshunyo- và Ekla Chalo Re nổi tiếng trong thời tranh đấu độc lập Ấn, toàn dân và cả thành Gandhi rất tâm thưởng, nhất là bài Ekla Chalo Re - If They Answer not to Thy call, Walk alone: Nếu họ không hưởng ứng lời bạn kêu gọi, hãy cứ đi một mình:

Chitto Jetha Bharyshunyo Where The Mind is Without Fear (from Geetanjalī - Song offerings)

Where the mind is without fear and the head is held high

Where knowledge is free

Where the world has not been broken up into fragments by domestic walls Where words come out from the depth of truth

Where tireless striving stretches its arms towards perfection

Where the clear stream of reason has not lost its way into the dreary desert sand of dead habit

Where the mind is led forward by thee

into ever-widening thought and action

into that heaven of freedom, my Father, let my country awake.

Nơi nao Tâm Trí Không Còn Sợ hãi (trích tập Bài Ca Dâng Cầu)

Nơi nao tâm trí không còn sợ hãi

Muôn mắt đâu được ngừng lên cao

Nơi nao tự do tìm biết

Nơi nao thế gian chẳng còn cách biệt

Bởi bức tường phân hoa địa phương

Nơi nao chưa nghĩa phát ra

tư chân lý tình thương

Nơi nao thế nhân không ngừng vươn về chân thiện mỹ

Nơi nao dòng suối trí tuệ trong veo

không lạc néo

vào sa mạc chết khô kiến chấp

Nơi nao tâm thức được hoàng thiên dẫn dắt

Vào mênh mông trí hành rộng mở

Vào thiên đường tự do ngày ngày bùng nổ

Xin Thượng đế lay tỉnh

Quê hương con từng phút từng giờ.

EKLA CHALO RE - WALK ALONE

If they answer not thy call, walk alone

Walk alone thy walk alone

If they afraid and cower mutely facing the wall,

O thou of evil luck, Open thy mind and speak out alone.

If they turn away, and desert you when crossing the wilderness,

O thou of evil luck

Trample the thorns under thy tread,

And along the blood-lined track travel alone.

If they do not hold up the light when the night is troubled with storm,

O thou of evil luck,

With the thunder flame of pain

Ignite thy own heart and let it burn alone.

ĐỘC HÀNH CA

Nếu họ chẳng hưởng ứng lời bạn kêu gọi,

Bạn hãy đi một mình

Đi một mình, đơn độc hành trình

Nếu họ sợ hãi hèn nhát cảm nín quỳ mặt vào tường

Ôi thật chẳng may

Nhưng bạn hãy mở rộng coi tâm, hãy noi lên một mình.

Nếu họ ngoảnh đi, họ bỏ rơi bạn trên đoạn đường gian nan

Ôi thật chẳng may

Nhưng bạn hãy dám lên

chông gai

Trên đường xương máu, hãy dấn bước một mình

Nếu họ không giữ được sáng thâu canh dù đêm đang giống tổ

Ôi thật chẳng may

Nhưng bạn hãy cố lấy lửa đầu sấm sét

Châm một trái tim cháy rực long riêng một mình.

LUU VĂN VINH nhà văn





XÂY NHÀ,  
NHÀ HÀNG,  
PHÒNG MẠCH BÁC SĨ,  
NHÀ SĨ,  
VĂN PHÒNG,  
REMODEL  
VÀ CỘNG THÊM PHÒNG  
...

**HUY LE**  
Lic. # 877698  
**714.209.8180**



**GREAT TIME FOR SELLING AND BUYING  
I CAN HELP!**



**BRANDON LUU**  
Real Estate Specialist  
Lic #0151771

Just sold in your neighborhood for 97%  
of listing price. Homes are in high demand.  
Thinking of Selling and Buying. I can help!  
If you want the most money for your home  
call me, Brandon at **714.585.2268**  
lBrandonluu@Gmail.Com

# CHUYỆN BÀ THỊ KINH VÒ OPERA VN ĐẦU TIÊN TRÊN SÂN KHẤU MỸ

Tây có thể hiểu được, và viết thêm lời để tạo cơ hội cho dân đóng ca lớn trình diễn.

Tuần bản mới không nhưng giữ được bản chất văn hóa và văn chương Việt của tuần bản gốc Quan Âm Thị Kính mà còn làm cho người đọc cảm nhận được vô diên về một tôn giáo hoặc/và như một tác phẩm phê phán xã hội. Trong những năm gần đây, câu chuyện Thị Kính đã được khai thác vì yếu tố tôn giáo là chủ yếu. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ từng dòng trong tuần bản, người ta sẽ nhận ra rằng tác phẩm này không đơn giản như thế. The Tale of

Lady Thị Kính là tập hợp những tiếng nói đòi quyền sống. Dưới lăng kính xã hội, Thị Kính đại diện cho lối sống đưng đàng, mẫu mực, vị tha; Vô Mạo là tiếng nói của những người được cho là thuộc tầng lớp thấp trong xã hội nhưng thông minh, đạo đức; Thị Mầu là tiếng nói muốn phá vỡ sự kiểm chế của lễ giáo để đòi được tự do yêu đương. Có một câu chuyện ở thế kỷ thứ 10 ca ngợi một nhân vật đàn bà làm trọng tâm của các xung đột trong xã hội như thế này giống như một giấc mơ trở thành hiện thực đối với các nhà nghiên cứu về đàn bà ở phương Tây.

Vậy thì câu hỏi được đặt ra là: Liệu đây có phải là một câu chuyện về quyền lợi đàn bà? Nếu không thì tại sao các nhân vật đàn ông lại được miêu tả một cách tiêu cực trong tác phẩm? Vậy thì có phải câu chuyện Thị Kính được kể theo quan điểm của đàn bà hoặc còn có thể do tác giả đàn bà sáng tác? Câu chuyện Thị Kính sâu sắc nhiều tầng nhiều lớp và có thể đào sâu thêm nữa. Lúc đó, danh sách các câu hỏi có thể kéo dài ra.

Vở opera Chuyện Bà Thị Kính/ The Tale of Lady Thị Kính kể câu chuyện về Thị Kính, đồng thời sẽ miêu tả cuộc sống và văn hóa Việt Nam của thế kỷ 10. Theo phân tích của P.Q. Phan, cuộc đời của Thị Kính là một ví dụ cho thấy rằng một người đàn bà bình thường sống vì mục đích cao cả có thể trở thành một biểu tượng có ý nghĩa trong xã hội. Không thể chối bỏ ý nghĩa tôn giáo trong sự thăng hoa của Thị Kính, nhưng vở opera cũng là bằng chứng cho thấy rằng với tình thương, lòng độ lượng, sự kiên trì, một người đàn bà cuối cùng có thể thăng hoa trở thành Phật. Hơn thế nữa, Thị Kính cho thấy rằng ai cũng có thể trở thành Phật.

Về quá trình dàn dựng IU Opera rất tự hào là có khả năng xây dựng phòng

cảnh từ đầu tới cuối, một điều mà rất ít các công ty opera ở Mỹ có thể làm được. Quá trình dàn dựng đang diễn ra ngay tại thời điểm này.

Các xe tải chở tre đã tới. Các bạn đã nghe tre nổ tách tách bao giờ chưa? Giám Đốc Xưởng Vẽ, Mark Smith nói rằng: "Chưa bao giờ chúng tôi dùng tre với với quý mô lớn thế này. Một điều thú vị về tre là chúng vẫn tiếp tục gian nổ như một vật thể sống khi nhiệt độ thay đổi. Thỉnh thoảng chúng nổ tách một cái." Nhưng người khác trong xưởng gỗ như thợ mộc sân khấu cũng có thể làm chúng và kể cho bạn nghe về chuyện này vì họ cũng làm việc trực tiếp với tre.

Một điều thú vị hơn nữa là một phần tre được dùng trong vở opera Chuyện Bà Thị Kính là được lấy ngay tại Bloomington, trong vườn của một người dân Bloomington!

Lại nói, khái niệm âm nhạc của vở opera là thăng hoa. Đầu vở Chuyện Bà Thị Kính, âm nhạc mang tính ngây thơ, trong sáng, vui tươi, có thể nói là dễ dãi. Khi câu chuyện tiếp diễn, âm nhạc trở nên nghiêm túc hơn, nặng nề hơn, thiêng liêng hơn, và đầy kịch tính hơn. Để giúp chuyển tải khái niệm

âm nhạc này, và cung để khuếch trương thế mạnh của trường nhạc Jacobs, nhà soạn nhạc đã cố tình dùng đàn công (chiêng) có giọng (pitch gong) gồm 30 cái. Chỉ có vài ba trường đại học và những nhà hát opera lớn trong nước Mỹ mới có một dàn công như thế mà thôi. Thật là một điều đặc biệt!

Nói chung, đạo diễn sân khấu Vince Liotta nói rằng "để làm cho vở opera mang cảm giác Việt Nam mà không phải châu Á chung chung hoặc giống Trung Hoa, nhóm dàn dựng (tất cả đều là người phương Tây) quyết định rằng thay vì cố gắng tìm cách dựng lại thật chính xác xã hội Việt Nam và sân khấu truyền thống của nó, chúng tôi lọc chung qua con mắt phương Tây của mình." Do đó vở opera sẽ vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại.

Và như thế, mời bạn tham gia vào một cuộc hành trình thăng hoa với nhiều tình tiết hấp dẫn, nhiều cảm xúc, đầy tình thương, sự dối trá, lòng độ lượng... đến Niết Bàn!

\* Muốn đọc thêm về quá trình sáng tạo và dàn dựng vở opera, xem tại: [www.anvhoang.com](http://www.anvhoang.com).

# BAY VÀO VỎ TẬN NHẤT NGUYÊN

9. nhìn trong kính thấy kẻ nhìn trong kẻ thấy sen nhìn trong sen thấy lệ nhìn trong lệ thấy đèn đèn nhen thơm bông huệ... (tr.11)

Tôi chẳng bao giờ đọc thơ Vy với cảm nhận dễ chịu chút nào. Bất từ trong sáu thăm của thơ, Vy luôn luôn nói thay cho loài người, cái tình mà đang hoành hành.

Ôi nghiệp chương nồng tanh rạ bóng đồng rêu máu rêu xương thối bạo hành

thời giết người rau rầu thời bà đạo nhe nanh... (tr.87)

Dầu sao thì vẫn nuôi chút hy vọng, cũng trong câu thơ của thi sĩ, người ta giác ngộ tình thiện. Như thiên giả giác ngộ không chỉ nhờ vào kinh điển thôi, mà còn có cả gậy gộc và tiếng hét, lạnh tràn hư không.

Thấy Không, mà vẫn hiểu là dùng chưa bằng sự hạt bụi bay, khóc re!

Ngày 3 tháng 1, 2014  
**UYỄN NGUYÊN**

# THE TALE OF LADY THỊ KINH (Chuyện Bà Thị Kính)

Âm nhạc và tuần bản: P.Q. Phan.

Do trường đại học Indiana University - Jacobs School of Music đặt viết và dàn dựng lần đầu.

Biểu diễn tại Nhà hát Musical Arts Center, Bloomington, Indiana  
Ngày 7, 8, 14, 15 Tháng 2 Năm 2014. Lúc 8g tối.

# DR. D. DENTAL DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S. COSMETIC & GENERAL DENTISTRY



10451 Bolsa Ave., Ste. 110. Westminster, CA 92683  
(Trong khu Nhà Hàng Đồng Khánh)  
**714.839.3636 714.839.3837**



Ảnh: Hu Zi's Facebook

# SỐNG MÃI MỘT BÀI CA

(VỀ TÁC GIẢ BÀI HÁT PHẬT GIÁO VIỆT NAM)

LÊ VIỆT NHÂN / [www.dactrung.com](http://www.dactrung.com)

Cuối tháng 4, nhân dịp công tác ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, chúng tôi tìm đến thăm nhạc sĩ Lê Cao Phan. Phát một hồi lâu nhờ các bác lái xe ôm lam... hướng dẫn viên, chúng tôi mới tìm đến được nơi ở của nhạc sĩ, một ngôi nhà nhỏ

khả gọn gàng nằm trên đường Mạc Đĩnh Chi - TP. Vũng Tàu.  
Tiếp chúng tôi là một người phụ nữ đứng tuổi, toát ra một vẻ lịch lãm và qui phái. Sau này chúng tôi mới biết bà là nhà thơ Trần Thị Hồng Khương, ai

nư của Ấ Nam Trần Tuấn Khải và là người bạn đời hiện nay của nhạc sĩ Lê Cao Phan.  
Trên chiếc bàn nhỏ nhún đặt giữa nhà là lọ hoa nhài trắng, tỏa hương thoang thoang cộng với những bức tranh cảnh vật do chính tay nhạc sĩ Lê

Cao Phan vẽ khiến cho không gian trong nhà đầm ấm và sang trọng hẳn.  
Trong khi chúng tôi thưởng thức món chè đậu xanh, nhà thơ Hồng Khương mở đầu câu chuyện: Loại hoa này do

chúng tôi tự tay trồng ở nhà, vừa khuấy khoả vừa tạo thêm sắc hương. Đã hơn 3 năm nay, chúng tôi về tỉnh dương ở đây. Nơi là tỉnh dương nhưng thật sự tìm đến nơi yên lành để sáng tác. Chỉ trong 2

tiếp theo trang 24

tiếp theo trang 2

## TIỂU SỬ CỐ HUYNH TRƯỞNG CẤP DƯNG GDPTVN QUẢNG HỘI LÊ CAO PHAN (1923-2014)

6. Lê Thị Thiên Hương  
7. Lê Cao Hiến.  
Hầu hết theo nghề giáo dục.

Đại Hội Thống Nhất sáu tập đoàn Phật Giáo được tổ chức tại chùa Từ Đàm vào các ngày 06, 07, 08, 09 tháng 05 năm 1951 và TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM ra đời. Trong đêm mừng 09 tháng năm ánh sáng tác bài " PHẬT GIÁO VIỆT NAM," và tập cho anh chị em học thuộc, hát ở hậu trường chúc mừng Đại Hội thành công. Bài hát được đông đảo đại biểu tán dương yêu cầu hát lại trong lễ bế mạc đại hội và được Đại Hội chọn làm Giáo Ca. Mười ba năm sau GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT RA ĐỜI, Chủ Tôn Đức lại chọn bài này làm Giáo Ca, biến bài hát trở nên lời HUYỀN KÝ.

Trong hệ thống Huấn Luyện và Đào Tạo Huỳnh Trướng, thánh phật Hướng Dẫn của tổ chức có bốn phận trách nhiệm thực hiện tôn chỉ và mục đích của GDPT Việt Nam. Anh có hai bài trại ca LỘC UYÊN và A-DỤC ghi dấu ấn sâu đậm trong

long Huỳnh Trướng nhiều thế hệ và một số ca khúc sinh hoạt khác thuộc vào loại " KHÔNG THỂ NÀO QUÊN".

Anh đã từng cộng tác cùng nhạc sĩ Lê Thương viết nhiều bài ca cho lứa tuổi thiếu nhi. Ca ngợi sự hôn nhiên tươi sáng của tuổi thơ, kám hành trang cho tuổi trẻ vào đời một cách trong sáng cao thượng như: Hai chú gà con, Bài Ca Tình Bạn, Ngựa Tàu Cầu, Chuộc cấp trung.v.v... Anh là một nghệ sĩ đứng hai chân trên cùng một lĩnh vực đó là chân thầy giáo và chân Huỳnh Trướng trong tổ chức GDPTVN. Do vậy các ca khúc sinh hoạt của anh được nhà trường và các tổ chức giáo dục khác như Hướng Đạo Việt Nam v.v... sử dụng. Anh Quảng Hội Lê Cao Phan, tự Nhuận Pháp, hiệu Tám Phương đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp giáo dục qua lãnh vực âm nhạc.

Kể từ năm 1983 anh say mê nghiên cứu văn học, Anh đã dịch "Truyện Kiều của Nguyễn Du, Ưc Trại Thi Tập sang tiếng Anh và tiếng Pháp, tiếng Hán và Quốc Tế ngữ (Esperanto)



Lễ truy điệu và tang niệm Huỳnh Trướng cấp Dưng GDPT Việt Nam Quảng Hội - Lê Cao Phan (Ảnh: Gia Đình Phật Tử Việt Nam)

Anh cũng đã dịch bài "PHẬT GIÁO VIỆT NAM" ra Anh ngữ và Pháp ngữ, và trao tận tay anh Nguyễn Tin Nguyễn Châu như là một sự kỷ thực nhưng điều anh không làm được trong gần ba chục năm qua.

Sau bao lần thăm viếng kỷ an, trò chuyện trao đổi tâm tình, Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN đã ban hành quyết định số: 13.112/HD/TU/QĐ/TB ngày 07-11-2013 tấn phong cấp DỪNG cho anh. Và vào lúc 17 giờ ngày 09-11-2013 lễ Tấn phong đã được tổ chức tại tư gia của anh số 359 đường No Trang Long, dưới sự chứng minh của Đại Lão Hòa Thượng Thượng Thủ Hội Đồng

Tăng Già Chứng Minh. Hòa Thượng Trưởng Ban Thường trực HĐCV Giáo Hạnh /GDPTVN, Thượng Vụ BHD/TU /GDPTVN.

Trước bao nhiêu bao giòng và chương dục n từ nhiều phía nhưng GDPTVN vẫn tồn tại đây là nhờ hai tổ chức là tỉnh thương không biên cương và tinh thần tri ân và báo ân một cách trọn vẹn ngọt ngào chưa từng có. Anh tâm tình: "Trên Lam Lộ, đã nhiều năm tôi bước tránh bên đường để anh chị em bước tới, nhưng anh em không bỏ tôi và xưng tán tôi, vì sự nghiệp của tôi. Và rồi ra tôi đã hiểu và trả lời một cách rất rõ ràng là "VIỆT NAM PHẢI TỰ HẢO VÌ CÓ TỔ CHỨC GDPT MÀ KHÔNG

CÓ ĐẤT NƯỚC NÀO CÓ ĐƯỢC" mà năm năm trước tôi đã trả lời phỏng vấn Phước Tri. Và giờ đây tôi đã có cấp DỪNG cấp "NGÀN NĂM VÀNG ĐÁ KHÔNG PHAI," xin cảm ơn!

Anh chị em trong thương vụ thường ghé nhà thăm chơi và đọc kinh cho anh nghe, nhưng vô thường đến như ông đã đến không trừ cho riêng ai vào lúc 01 giờ ngày 02-01-2014 (nhằm ngày mừng hai tháng chạp Quý Tỵ) anh đã thuận thế vô thường ra đi, thọ 91 tuổi. Trong sự thương tiếc của tập thể Áo Lam và con cháu.

THỊ NGUYỄN chấp bút

TUỆ KIỂM:  
PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU  
CỦA PHẬT GIÁO

có người đã vội nghĩ ngay đến nhưng tên "địch đối lột năm vùng": như thù đoạn tranh đấu của gian điệp chờ cơ phá hoại. Đôi khi họ lại chính là những người ở trong hàng ngũ của ta mà đã bị địch dùng danh lợi mua chuộc rồi phản bội lại ta. Tuy vậy, quan niệm xét địch một cách nóng cạn như thế chỉ có giá trị ở những tổ chức chính trị tầm thường thôi. Còn đối với Phật giáo nó hoàn toàn vô giá trị. Vì Phật giáo vốn rất tin ở lý tưởng của mình để giác ngộ địch tìm về chân lý. Phật giáo có phương pháp và phương thức để dạy người - dù là kẻ địch - tự tìm tới chân lý. Nhược bằng kẻ địch đó không có lý tưởng, không nhận thấy chân lý, hay không muốn giác ngộ thì đó là điều không cho i chứ không thiệt hại gì cho ta cả. Bởi lẽ "Phật giáo chỉ có cái cơ, do con người tự giác ngộ mà có thôi" chứ không hề nhằm tới cái gì mà con người ngu tối không sao nhận ra thấy được, không thành đạt tới được. Do đó mà đạo Phật không bao giờ sợ kẻ địch ở trong hàng ngũ mình khi biết mình đã đủ lý do để hoá địch thành bạn. Giả thù có nhưng kẻ giả dối dùng thù đoạn lên lời vào hàng ngũ Phật giáo để phá hoại thì chỉ ít lâu sau chính những kẻ đó lại cái ta qui chính cung quay về nẻo Đạo. Vì thế mà đạo Phật bất chấp cả mọi sự thịnh, suy, hưng, phế của thế cuộc và của cả thời gian nữa.

Bạn vẽ vấn đề ta ở trong hàng ngũ địch. Thực sự ta không bao

gió đất thành vấn đề và không bao giờ muốn gây ỷ nghiệp hay khẩu nghiệp với người thì con noi gì đến việc hành động của thân nghiệp cốt để hại người nữa. Nhưng có một điều, không thể chối cãi được là chính ngay trong lòng địch nhân cũng vẫn có Phật tâm và Phật tính. Nên nếu gặp hoàn cảnh tốt làm cho những chúng từ Phật (mầm Phật) nảy nở ở trong lòng địch ra thì tự nhiên sẽ chối bỏ ác nghiệp mà quay trở lại theo ta, hoặc giúp đỡ ta chống lại những hành động đa man của loại địch nhân chưa giác ngộ.

Nói tóm lại, cả hai vấn đề "tìm địch ở trong ta" hay "ta trong hàng ngũ địch" đối với Phật giáo, đều là lẽ tự nhiên. Nên đạo Phật rộng bao la, của Phật luôn bỏ ngõ. Kẻ có đa tâm và có đem theo mà qui vào đất Phật thì mà cũng được hoá thành Phật hết.

b) Phán hóa địch: Có thể thu tập việc Hoá địch bằng 4 nguyên tắc chính: Trực tiếp hoá địch, Gián tiếp hoá địch, Cả nhân hoá địch, Tập thể hoá địch

Bạn vẽ việc trực tiếp hoá địch, thì người hoá địch phải biết rõ địch có phần tính và có tinh thần tiến tri tiến giác tới mức độ nào. Rồi sau đó, mới tìm cách giúp phương tiện cho người giác ngộ một cách trực tiếp. Phương pháp này không thể áp dụng đối với những người có thành kiến bảo thủ, không có óc nhìn xa thấy rộng. Vì họ còn bị ma quỷ tinh ám ảnh quá nhiều hay quỵn lợi trôi buộc. Đối với hạng



Bhak Internet

người này thì việc giác ngộ trực tiếp đã chẳng có ích gì mà lại còn có hại cho ta nữa. Cho nên, cần tiết kiệm thời giờ và tránh xa để chờ họ tự giác đã.

Bạn vẽ việc gián tiếp hoá địch thì người hoá địch có thể giác ngộ địch bằng cả việc làm lẫn lời nói, và đức độ của mình, sau cho họ tự thấy là đối với chân lý của đạo pháp, họ đã tìm được từ xa tới lại gần thêm, từ chỗ tối tăm dần tiến ra chỗ sáng. Nghĩa là ta không cần tìm địch mà địch tự tìm đến ta; ta không cần hoá địch mà địch sẽ tự hoá lấy mình.

Phương pháp gián tiếp hoá địch này tuy chậm chạp nhưng ít bị va chạm với địch. Vì địch không còn có để ngộ nhận hiểu lầm ta có ý mưu cầu gì ở họ, rồi tìm cách phá lại ta.

Bạn vẽ việc cả nhân hoá địch, tức là việc giác ngộ giữa một người với một người theo phương pháp trực tiếp. Người hoá địch phải phân định rõ giá trị con người mình định hoá cùng những quan hệ xã hội chung quanh họ. Nếu cả nhân đó có uy tín và

nắm quyền lãnh đạo một nhóm người, một đoàn thể hay một quốc gia thì việc hoá một người như vậy, sẽ lôi kéo được bao nhiêu người khác hoá theo. Cho nên trong việc cả nhân hoá địch, điều khó nhất, đối với những nhân vật quan trọng như kia là phải làm sao cho ý kiến những người lãnh đạo ấy được đa số trong tập thể của ta tán thành. Do đó, việc cả nhân hoá địch cần phải đi đôi với tập thể hoá địch, mới có hy vọng thành công tốt đẹp.

Bạn vẽ tập thể hoá địch thì đây là một công việc vô cùng quan trọng, đối với lịch sử tiến hóa của nhân loại cũng như công cuộc hoằng đạo của chúng ta. Vì muốn hoá cả một tập thể theo mình tất cần phải giải quyết mấy vấn đề cơ bản, như:

- Nếu rõ mục đích chung của cả ta lẫn địch đang cùng nhau đi tới, tuy bằng những phương tiện riêng, kể cả lý tưởng riêng của mỗi tổ chức để cùng giải thoát sinh linh, giải phóng nhân loại và dân tộc.
- Vạch rõ nghĩa vụ, và quyền lợi chung của mỗi tổ chức cần phải làm

và được phép hưởng để cùng sống và giúp tế p lẫn nhau, trên con đường phụng sự mục đích chung. Công việc chung này phải đi đôi với sự giác ngộ lẫn nhau, bổ xung cho nhau theo tinh thần Nhân quả biện chứng hay Hegel biện chứng tức là hai bên tuy có mâu thuẫn nhưng là để đi tới kết hợp chứ không phải mâu thuẫn để đi tới đao thái lẫn nhau, theo kiểu biện chứng Mac-Xít.

Có như vậy thì việc hoá địch mới tránh khỏi những lời lầm lẫn thiên cạn, do thù đoạ tâm thường làm hại tới mục đích chung.

Cần làm cho người bị ta hoá hiểu rõ là: Ta hoá họ vì mục đích chung cho cả ta và họ, chứ không phải chỉ vì riêng ta hay vì riêng họ.

Con việc ta có thể hoá nói địch hay địch sẽ hoá lại ta thì tất cả vấn đề sẽ tùy thuộc vào lý tưởng hợp lý cho của mỗi bên, trong việc đồng hoá lẫn nhau. (Con tiếp)

THÁI ĐẠO THÀNH

SÔNG MÃI  
MỘT BÀI CA



Bhak Hu Zi's Facebook

năm 1994 và 1996, ông nhà tôi (tức NS LCP) đã hoàn thành việc dịch tác phẩm Truyện Kiều sang tiếng Pháp và tiếng Anh. Dưới sự tài trợ của tổ chức UNESCO, 2 tác phẩm trên đã được NXB Khoa học Hà Nội và NXB Văn nghệ ấn hành. Riêng tôi thì cũng có tập thơ "Suối lành" do NXB Văn nghệ ấn hành năm 1997, cũng khoảng 300 bài thơ khác...

Câu chuyện của chúng

tôi chợt ngưng khi ngoài cửa có người đàn ông dất xe đạp vào. "Đó là nhạc sĩ Lê Cao Phan". Nhà thơ Hồng Khương giới thiệu. Tác giả của bài hát bất hủ đã in sâu đậm vào lòng mọi người con Phật, giờ đây với mái tóc bạc trắng, trông ông đẹp và phúc hậu. "Tôi vừa đi ra biển về" - ông vui vẻ kể: "Buổi sáng vẫn thường đi bơi, hôm nay có cái hẹn với mấy người bạn nên phải về sớm". Sau khi biết được

mục đích của chúng tôi, nhạc sĩ Lê Cao Phan trầm ngâm mấy giây, rồi bộc bạch chậm rãi:

- Tôi sinh vào mùa Thu năm 1923 tại Quảng Trị, lúc 7 tuổi đã được cho đi học chữ Nho và 10 tuổi đã được học tiếng Pháp. Năm 20 tuổi đã lấy được bằng Diplome. Xuất thân là dân sự phạm, nên được học đủ thứ. Năm 23 tuổi (1946), đã sáng tác bản nhạc đầu tiên: "Diệt trừ giặc dốt". Năm 1948 lên chiến khu, và từ năm 1949, tham gia sinh hoạt ở Gia Đình Phật Tử và là Trưởng ban Hướng Dân GĐPT tỉnh Thừa Thiên-Huế. Thời gian 1949-1950, tôi bắt đầu đến với đạo Phật (dù gia đình đã đến từ trước).

Là Trưởng ban Hướng dân sinh hoạt GĐPT ở một địa phương có phong trào Phật sự hoạt động mạnh, nên những suy nghĩ trong tôi đối với đạo Phật đã thôi thúc tôi viết ra khúc nhạc đó. Với cây đàn ghi ta, tôi soạn lời, bài hát hoàn thành và giới thiệu vào năm 1951.

Trong hoàn cảnh nào, bài hát trở thành "đạo ca"?

- Khi bài hát ra đời, một số đồng Phật tử đơn nhận nhiệt tình, nhưng khi có ý kiến chọn bài hát làm "đạo ca" thì có một số không tán thành. Phải cho

đến 1964, Giao hội mới thống nhất chọn đây là bài "đạo ca" chính thức của Giao hội và được hát vào các ngày lễ lớn. Thế nhưng, điều đáng buồn là có những nơi khi sử dụng lại quên ghi năm sáng tác. Nên mọi người cứ nghĩ rằng đây là bài hát tôi vừa sáng tác nhưng thật sự thì bài hát đã tồn tại trên 30 năm qua.

Thời gian sau này, nhạc sĩ không viết nhiều nhạc nữa?

- Do tôi dành nhiều thì giờ cho việc nghiên cứu và dịch thuật. Trước đây, tôi viết rất nhiều, vừa qua một số tác phẩm của tôi viết cho thiếu nhi ngày trước đã được Saigon Audio đưa vào sử dụng hiện nay.

Cảm tưởng của ông khi nghe lại bài "đạo ca" do chính mình sáng tác?

Vui lắm chứ, suốt một thời trai trẻ, tôi sống hết mình với âm nhạc. tất cả là tự học và tự mày mò để sáng tác. Mỗi khi nghĩ lại cứ nhớ đến cái thời khách đàn ghi ta đi dạy nhạc cho các trường trung học và tiểu học. Thời ấy đến với âm nhạc bằng cả tấm lòng, nên vấn đề sáng tác hoàn

toàn trong sáng. Hồi năm 1994, mình sang Canada dự lễ khánh thành một ngôi chùa lớn. Trong phần hành lễ, người ta giới thiệu bài hát của mình một cách trân trọng, còn mình thì ngồi phía dưới cùng các ông lão ngâm nga hát theo...

Mà thôi, người nhạc sĩ mà niềm vui nhất là những sáng tác của mình được công chúng đón nhận. Mấy năm nay, mình đã làm thơ với bút danh mới: Hoàng Tâm Phương. Nhân sinh nhật thứ 75 vừa rồi, mình đã viết 57 bài thơ...

Tâm sự với chúng tôi đến đây, nhạc sĩ Lê Cao Phan cũng nhả thơ Hồng Khương lấy cây đàn ghi ta và cây đàn tranh trôi cho chúng tôi nghe lại bài hát Phật Giáo Việt Nam.

Giáo từ phía biển thổi lên cùng với lời nhạc trầm hùng, chúng tôi nghe như có muôn lời tâm sự của 2 nghệ sĩ tài hoa gửi gắm thế hệ trẻ: Một chút lòng thành này xin dâng về Tam bảo và cầu mong các thế hệ kế thừa cố gắng giữ gìn tinh hoa ấy và hay sử dụng nó đúng với những gì chúng ta mong muốn...

LÊ VIỆT NHÂN

# HÀ THANH, TIẾNG HÁT CỦA DÒNG SÔNG XANH

"Dáng nhỏ nhắn, thanh thoát, dịu hiền, khiêm tốn; tuy tuổi mới, thần tình nhưng cũng rất e dè và chừng mực của Hà Thanh là nét tiêu biểu cho con người và phong thái của 'vùng đất khó'... Huế." [6] Nhưng góc nhìn và cách nhìn có thể khác nhau về một Hà Thanh ca sĩ, nhưng hình ảnh và nhận định về một Hà Thanh hiện thực vẫn là chung nhất. Đó là một Hà Thanh mà về hình tướng cũng như về phong cách sinh hoạt và trình diễn vẫn nghệ rất tiêu biểu cho "tinh Huế" đa ẩn sâu trong từng nốt niềm nhớ Huế: Sáu lẳng, nồng nàn, trang trọng, tài hoa.

Chị Hà Thanh sang Mỹ năm 1984. Có những cây cầu đã gãy trong chiến tranh và những mối tình gãy đổ sau cuộc chiến. Trong cảnh "trải qua một cuộc bể dâu", Hà Thanh tìm về với thiên học, thiên định và thiên ca. Nhưng bản nhạc Thiên do Hà Thanh hát hoặc vừa phổ nhạc thơ thiên, vừa ca mang âm hưởng thấm trầm, gợi cảm mà gần gũi của nước "sông An Cựu nắng đục mưa trong" và sự lắng đọng thấm vào lòng người của hồi chuông Thiên Mụ. Nhưng khi buồn nhất và lắng lòng chiêm nghiệm từng vọng âm suy tưởng từ tâm mình, tôi lại thích nghe thiên ca do Hà Thanh hát. Giọng hát đậm đà còn mang cái gốc thanh âm giọng Huế của chị làm cho người nghe có cảm tưởng như đang nghe những lời tự tình của Huế.

Nghe Hà Thanh hát thiên ca, người ta bỗng quên đi sự hiện hữu của thời gian đã làm cho đời phôi pha và quên luôn khoảng cách thời gian làm nên tuổi tác của chị. Một cảm giác thanh tân, tươi mát và lắng đọng đầy ấp lòng người chợt đến, chợt đi hay thấm đượm vào trong cảm xúc.

Khán giả ai mộ Hà Thanh liên tưởng đến nguồn Thiên đang tuổi tám bán chất nghệ sĩ của chị khi chị xuất hiện gần đây trong các cuộc trình diễn và thu băng gảy quý từ thiên, cũng như trong các chương trình nhạc hội Asia, Paris by Night với dáng vẻ trẻ trung, tươi mát như cả mấy mươi năm về trước. Trong thế giới ca sĩ trẻ đang lên, Hà Thanh không bị chiếc cầu thế hệ ngăn cách; trái lại, chị đã làm cho khán giả ai mộ cảm động và thường thực giọng hát vẫn trong ngần, quý phái của chị trên nền về gần "thất thập cổ lai hy".

Hà Thanh có một chỗ đứng riêng trong lịch sử tân nhạc Việt Nam và một vị trí độc sáng trong lòng người yêu nhạc xứ Huế. Nửa thế kỷ, nhưng dòng sông xanh vẫn luôn lưu chảy. Tiếng hát vượt thời gian của Hà Thanh vẫn còn xanh mát như tên chị, như những dòng sông xanh mà muôn đời con nước vẫn đang về, đang tới. Và, nơi thêm bằng những nét chấm phá thi vị như một nhà thơ nào đó, "...có một chút gì rất Huế, rất thương... Có một chút

gì rất Huế trang đài..." trong tiếng hát Hà Thanh.

### TRẦN KIỂM ĐOÀN

[1] Ban Việt Thanh do nhạc sĩ Văn Giảng - cùng là Thông Đạt tác giả Ai Về Sông Tương - thành lập và điều khiển; chuyên trình diễn tân nhạc tại đài phát thanh Huế.

[2] "Khi thương trái sầu cùng tròn, khi ghét trái bỏ hơn cung meo". Tục ngữ dân gian. [2\*] Lan Đình Uyên Thanh, Văn Mút; 3 - 1958: "Sôi bong bên bờ Vườn Thuý Hạnh

Tương tư rêu phủ mái Bình Linh" [3] Quỳnh Dao Văn Lục, Đào Uyên Minh, Trung Văn, Taiwan, 2001 [4] Nhattuan-TCM [5] Tdd - Footnote # 4 [6] Tôn Nữ Hy Khương, VN, 2006



# ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hoa Đàm nhận được tin buồn:

Thân phụ huynh trưởng Ngọc Hạnh Huỳnh Thị Cẩm, và là nhạc phụ huynh trưởng Huệ Trí Nguyễn Gia Hải,

là bác **HUỲNH VĂN BAN**,

vừa mất phần ngày 25 tháng 12, 2013

tại San Diego, California;

Thân phụ của huynh trưởng Nguyên Nhạc Trần Duy Hỷ,

là bác **TRẦN DUY TÍCH**, Pháp danh Nguyên Cán,

mất phần ngày 30 tháng 12, 2013 tại Illinois;

Thân phụ của huynh trưởng Đào Duy Hữu,

là cụ ông **ĐÀO VĂN XÓ**, Pháp danh Nguyên Tu,

mất phần ngày 2 tháng Giêng, 2014

tại Thừa Thiên, Huế, Việt Nam;

Và Thân mẫu huynh trưởng Nhật Liên Dũng và Nhật Quang Khánh,

là cụ bà **ĐẶNG THỊ RỎ**,

mất phần ngày 28 tháng 12, 2013 tại San Jose, California,

Toàn thể anh chị em Hoa Đàm

đồng kính phân ưu cùng tang quyến.

Nguyễn cầu Hương Linh chư vị Hương Linh

sớm siêu thoát về cõi Tây Phương Cực Lạc.



# CHIẾN THẮNG CỦA CHÁNH PHÁP CAO HƠN TẤT CẢ CHIẾN THẮNG

Black Latam.net

## HUYỀN KHÔNG

Mấy hôm này trời vẫn lạnh dù đã gần hết tháng 3 rồi! Cái không khí lạnh lạnh làm tôi nhớ nhà, nhớ quê lạ lùng. Trong nỗi nhớ nhưng đó, tôi đã say sưa ngồi coi lại cuốn video Phật Đản từ Huế gửi qua.

Cảnh trí quê hương và con người đang diễn qua màn ảnh TV. "Ồ! Ư! nghiêm bóng chùa Từ Đàm. Nơi yêu thương phát nguồn Đạo Vàng". Từ Đàm. Âm vang không vượn cao ngạo nghệ mà vẫn mang tất cả sức mạnh trăm hung, nhẹ nhàng như đám mây lạnh lùng lơ mà gần gũi như niềm yêu thương ở mai trong lòng người. Từ Đàm. Thực không chỉ là tên gọi một nơi chốn với tất cả giới hạn thời gian và không gian của nó. Bởi nó đã là lịch sử, đã gần gũi với triệu coi lòng tung khóc cười, buồn vui

với vận Nước, vận Đạo. Nó chính đã là Hình Ảnh của Quê Hương, của tất cả nỗi Đau Đớn cảm lạnh cũng như tất cả uly lực đã hơn một lần trôi dạt, dòng đặc nơi tiếng nói của Quê Hương trước phong ba của lịch sử. Chùa Từ Đàm đó. 1952. Tiếng nói thống nhất Phật giáo Việt Nam Bắc Trung Nam cất cao lời nguyện kéo sơn, gần bó. 1963. Tiếng Kinh cầu hòa cũng tiếng khóc. Cuốn cuộn nhưng dòng người. Âm vang nhưng kêu gọi Tự Do Tin Ngưỡng, Công Bằng Xã Hội. Và tiếng sung, tiếng đạn. Trong kinh hoàng vẫn kìm liệt uly nghỉ. Giữa bóng đêm bạo quyền chế ngự vẫn rạng ngời ngọn lửa Tiểu Diêu. Chùa Từ Đàm đó. 1989. Cổng Tam quan vẫn hiển hoa đưng nhìn khách mười phương ra vào. Mấy con rồng trên mái chùa vẫn cất cách hiên ngang của thuở nào như sự

sống chưa hề suy giảm. Cây Bồ Đề vẫn tỏa bóng như muôn đời Phật Giáo vẫn tung che mưa dầm nắng cho dân tộc.

Chùa Từ Đàm đó. 1989. Đại Lễ Phật Đản 2533. Cung cuộn cuộn nhưng dòng người. Cung nhưng uly vắng, nhưng ao lam trung điệp. Như sự sống trôi dạt trên nhưng đau khổ nhọc nhằn. Như bức Trường Thành Ý Chí lung lay vươn lên, không ngạo nghệ thách đố ai mà chỉ muốn chung tỏ cùng ai Niềm Tin kiên định bất thoái chuyển của mình. Tôi cảm động nhìn tung đoàn người đi tới, tung đoàn người nghiêm cần hướng mắt ngưỡng vọng về Hình bóng của Đấng Từ Tôn. Hòa Thượng Trúc Lâm quý khuôn trước Lễ Đại Niệm Hương mang tất cả uly lực của Thiên Môn như một Quả Núi, có khói trầm bốc lên thơm

ngát mười phương. Tiếng của Thầy Duyệt Na xuống lên: "...Táng kỳ cửa viên tu nhơn, Đầu Suất giảng thán..." nghe như âm vang của sông biển: "Hát Trĩu Âm" làm chấn động tự thân tâm đến cả coi thể gian này. Hòa Thượng Thiện Siêu, tuyên bố cho ngày Đại Lễ, cũng cách từ tôn như tự bao giờ mà tung tiếng, tung tiếng như đánh động tận đáy lòng một quê hương chìm đắm trong bóng tối của bạo quyền, trước nhưng con người vẫn luôn luôn si mê với "chiến thắng", nhưng tiếng nói như thế được nói lên, nếu không phải là người có sự kiên định vững chắc như núi thì dễ đâu làm được.

Tự nhiên tôi cảm thấy như đang đứng trước sân chùa Từ Đàm trong không khí tung bùng của ngày Đại Lễ. Lòng hân hoan mở rộng. Nhưng rồi nhìn lại,

thấy mình ở đây trong khi Quê Hương ngàn dặm xa, lòng lại bối rối, ngậm ngùi. Trong cơn Quốc Nạn và Pháp Nạn này, người đông kẻ tây, người trong tù kẻ hải ngoại, Táng Ni, Phật Tử từ tám khắp nơi như đàn chim tan tác. Con có chăng là: "tám tinh một nẻo quê chung."

Và trong "tám tinh một nẻo quê chung" đó, khi tất cả đều ra đi, phơi pha với thời gian, làng quê n cùng lịch sử thì cái còn lại, phát chăng - "Chiến thắng của Chánh Pháp Cao Hơn Tất Cả Chiến Thắng..."

Los Angeles, Mùa Phật Đản 2534 Canh Ngọ

Tích "Đức Phật và ngôi đền" của Huyền Không Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ xuất bản 1997

Tiếp theo trong 8

## VÀI KỶ NIỆM VỚI TÂM CẢ LẠNG TÀN GIÀ CHÂN HỖ CẢ HÀ THANH

Tiếp Hiện với pháp hiệu là Chân Hổ Ca

Trong một buổi pháp thoại cho đồng bào ở Hoa Kỳ, Thiên Sư Nhất Hạnh có đọc cho thính chúng nghe bài thơ của thầy Bền Mễ Bùng đã nở rộ hoa mai. Khi nghe lần đầu câu Thấy đi tìm con, từ lúc non sông còn tăm tối... có đã khóc và đã quyết tâm phổ nhạc bài này với nhưng nốt nhạc rất dân tộc, rất Việt Nam và đã nhiều lần đến hát cho tăng thân Làng Mai nghe...

và đã hát cho tăng thân nghe bài Bền Mễ Bùng đã nở rộ hoa mai, do chính có phổ nhạc thật tuyệt vời, nhiều thiên sinh có mặt ở khoa tu hôm đó đã khóc vì cảm động và hạnh phúc.

Năm 2011, Hà Thanh báo tin có bị bệnh dư hồng huyết cầu, nhờ trị bệnh này đã bảy tám năm nên bác sĩ đã giúp có kìm chế được tình hình sức khỏe. Như mọi khi, có rất vui mừng mỗi khi nghe thầy ghé qua Miền Đông Hoa Kỳ và vẫn tiếp tục sản sang ngôi xe đi hơn 5 giờ

đến thăm thầy ở Tu Viện Bích Nham của Làng Mai ở tiểu bang New York Hoa Kỳ. Có đã mang tặng thầy cái CD chot mà Hà Thanh mới đặt nhạc mới bài Sam Hối (thi kệ của Thầy Nhất Hạnh) mà có mới viết nhạc lại (không phát nhạc của Anh Việt) trong đó Hà Thanh lại thêm đoạn Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn, rất "ăn khách" nhất là khi Hà Thanh cất giọng lên như nhưng tiếng chuông khánh thanh tao nhất của nhà chùa!

Một cách đây hơn hai tháng, ngày 14 và 15 tháng 9 dương lịch 2013 Hà Thanh có đến tận Boston Park Plaza Hotel, chỗ mà thiên sư đang hướng dẫn một khóa tu hai ngày cho 1120 bác sĩ uly khoa và tâm lý trị liệu do Đại Học Harvard tổ chức để hát cho thầy nghe bài Bền Mễ Bùng đã nở rộ hoa mai, một lần nữa. Các sư em tôi không ngờ đó là lần chót Hà Thanh hát cho thầy và tăng thân nghe. Nhưng tôi thì vẫn đang còn nghe văng vẳng ngày lúc này đây, cái

giọng ngọt ngào ấy, trong như nhưng giọt sương mai long lanh, đầm ấm mà từ bi như tiếng chuông ngân xa, ngân xa... thật xa biến coi buồn phiền thành tịnh độ.

Là là là là là... là là là là là... Là là là là là... là là là là là... là là là là là... Qua ngõ vắng, lá rụng đây, tôi theo con đường nhỏ, đất hồng như môi son bé thơ... Bỗng nhiên tôi cần trọng, tung bước chân đi... Tiếng hát ấy của Hà Thanh như nhưng giọt lưu ly đang tung tăng reo vui, reo vui trong cõi tịnh độ bây giờ và ở đây với chúng ta ngày giây phút này...

## CHÂN KHÔNG

Hình tên: Thiên sư Nhất Hạnh, người đàn tên, bên một Hồng thư hai cùng hình với thầy: Chị Chơn Quý, Chị Chơn Hổ Ca (Hà Thanh) và anh Chơn Đạt chet già quyền Giận của thầy Hà Thanh 16 tuổi Hà Thanh Tâm Hổ Ca ở Bồ Đề Đạo Trường với chị Chơn Quý



Họa sĩ Việt Dương (Biên: Tuấn Khanh)

## CÙNG ANH ĐỪNG DẬY

Tưởng nhớ Việt Dũng

Có nhưng nỗi niềm rồi cũng qua đi  
Như nắng chiếu uly với  
Có nhưng khát khao trong cuộc đời mộng mị  
Rồi cũng tan theo bọt biển mây ngàn  
Có nhưng danh lợi như sương đọng vữa tan  
Nhưng hãy cho tôi xin một lần hôn lên đất Mẹ  
Anh đã sống, đã hiến dâng, này về trong đơn lẻ  
Có còn chăng ba tác đất mộ phần  
Lời Kinh Đem ta đã hát vạn lần  
Một Chut Qua Cho Quê Hương làm rơi bao tuổi lệ  
Này nhắm mắt ra đi xin tang chế  
Hãy mang xác tôi về phần mộ biển khơi  
Để về nhà bao kiếp sống tại nơi  
Để cùng tâm TỰ DO trong biển cả  
Và trăm mình trong nhưng xót xa...  
Bao nhiêu năm sống lưu vong như kẻ không nhà  
Anh đứng lên trên bước đường công lý  
Anh đứng lên trên mọi môn chân lý  
Dù phương trời nào Anh vẫn đứng lên!

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



# THƯƠNG TIẾC

Trưởng Niên

**QUẢNG HỘI  
LÊ CAO PHAN**

Pháp Tụ **NHUẬN PHÁP**,  
Bút hiệu **TÂM PHƯƠNG**.

Nguyên Ủy Viên Văn Nghệ  
Ban Hướng Dẫn Trung Ương  
Gia đình Phật tử Việt Nam;

tác giả Đạo ca "Phật Giáo Việt Nam"  
và nhiều ca khúc sinh hoạt thanh thiếu niên,  
đã thuận lý vô thường, xả bỏ báo thân  
vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 2 tháng 1, 2014  
tại Sài Gòn, Việt Nam,

**HUÔNG THỌ 91 TUỔI**

Toàn thể Gia đình Hoa Đàm  
Thành kính chia buồn cùng tang quyến.

Nguyên cầu Hương linh  
Trưởng Niên **QUẢNG HỘI**  
Siêu sinh Cực Lạc Quốc Độ

# \$50,000 CREDIT CHO DOANH NGHIỆP CỦA BẠN

Giúp doanh nghiệp có vốn để khởi nghiệp hoặc mở rộng kinh doanh một cách nhanh chóng và dễ dàng. Tuyệt đối không cần phải dùng credit của cá nhân.

Chúng tôi sẽ giúp bạn nhận được hàng chục ngàn credit cho doanh nghiệp. Khoản tín dụng này được cấp cho công ty của bạn và KHÔNG dựa vào credit cá nhân của bạn.

Bạn có thể bắt đầu được phê duyệt trong vòng mười ngày kể từ khi tham gia chương trình! Bạn sẽ có báo cáo credit doanh nghiệp đẹp mắt và trên \$50,000 credit doanh nghiệp chỉ trong thời gian thật ngắn.

## BẢO ĐẢM \$50,000 CREDIT CHO MỌI TRƯỜNG HỢP

- |                                                                             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------|----|
| <input checked="" type="checkbox"/> Công ty mới mở                          | OK |
| <input checked="" type="checkbox"/> Công ty chưa có lời                     | OK |
| <input checked="" type="checkbox"/> Không có Credit                         | OK |
| <input checked="" type="checkbox"/> Credit thật xấu                         | OK |
| <input checked="" type="checkbox"/> Từng Khai Phá Sản                       | OK |
| <input checked="" type="checkbox"/> Từng bị nhiều ngân hàng từ chối cho vay | OK |

**(888) 895.8188**



9741 BOLSA AVE. #217 | WESTMINSTER, CA 92683 | [www.lotusfinancialcenter.com](http://www.lotusfinancialcenter.com)

<http://tieulun.hopto.org>